



Học sinh tham quan Văn Miếu, Hà Nội. ảnh H.S.P.

## mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

## thời sự & những vấn đề

- |                                 |               |
|---------------------------------|---------------|
| 1 Hiện đại hóa giáo dục         | Hoàng Tuy     |
| 4 Tin / Thời sự                 |               |
| 9 Thư gửi ông Hữu Thỉnh         | Bùi Ngọc Tân  |
| 10 Những biện pháp chống lũ lụt | Văn Ngọc      |
| 18 Cải cách doanh nghiệp...     | Vũ Quang Việt |

## văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- |                            |                   |
|----------------------------|-------------------|
| 16 Một chút Khuất Nguyên   | Nguyễn Quang Thân |
| 17 Trà Giang Nguyệt (thơ)  | Cao Bá Quát       |
| 23 Nhà ba hộ (truyện ngắn) | Hữu Vinh dịch     |
| 29 Điểm sách               | Nguyễn Văn Thọ    |
| 31 Bouda                   | Kiến Văn          |
|                            | N.N.G.            |

## Hiện đại hóa giáo dục để đi vào kinh tế tri thức

**Hoàng Tuy**

LTS. Diễn Đàn số 97 (tháng 6.2000) đã đăng bài viết “Chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa nền giáo dục” của giáo sư Hoàng Tuy. Trong bài viết đầy tâm huyết đó, ông đã thêm một lần gióng tiếng chuông báo động về thực trạng tồi tệ của nền giáo dục Việt Nam, nêu yêu cầu phải cấp bách chấn hưng thực tại đó, và phác họa qua một số ý về yêu cầu hiện đại hóa nền giáo dục. Trong bài dưới đây, tuy vẫn trong khuôn khổ một bài báo ngắn (đăng trên tuần báo Văn Nghệ, Hà Nội), tác giả trình bày một cách hệ thống hơn một số vấn đề mà, theo ông, “giáo dục ở thế kỷ 21 sẽ phải đặc biệt chú ý”.

Năm học mới đã bắt đầu, năm học đầu tiên của thế kỷ 21. Giữa lúc suy thoái kinh tế và thất nghiệp đang đe dọa lan tràn khắp nơi, hầu hết các nhà trường trên thế giới vẫn minh vẫn tích cực bước vào hiện đại hóa giáo dục. Còn chúng ta thì sao? Có cần hiện đại không và hiện đại hóa như thế nào, tương lai đất nước phụ thuộc một phần khá lớn vào lời giải đáp câu hỏi này.

### 1. Vì sao cần hiện đại hóa giáo dục?

Ai cũng biết dân ta tha thiết với việc học như thế nào. Vậy mà từ nhiều năm nay, giáo dục của ta vẫn ì ạch, chưa thoát khỏi tình trạng lạc hậu, với những khó khăn, bế tắc tự gây ra và nhiều chứng bệnh tiêu cực kéo dài không biết đến bao giờ mới chấm dứt được. Tâm trạng của người dân, như đã được phản ánh qua các báo chí nhân ngày khai giảng năm học mới, nói chung vẫn lo lắng nhiều hơn phấn khởi.

Mà không lo lắng sao được: trong một thế giới toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt hơn bao giờ hết, nước nào cũng xem giáo dục là vũ khí chiến đấu chính. Có chăng chỉ chúng ta còn mơ hồ về sức mạnh của vũ khí này, mặc dù Hiến pháp đã ghi rõ giáo dục là quốc sách hàng đầu.

Có người nghĩ đơn giản rằng người Việt Nam chúng ta thông minh, hiếu học, cần cù, thì chẳng có gì đáng lo khi thế giới chuyển sang lấy tri thức làm nguồn lực phát triển chủ

(xem tiếp trang 13)

# *Sinh hoạt nghệ thuật*

## *Compagnie EA SOLA*

Đoàn Ea Sola tiếp tục trình diễn vở múa (sáng tác năm 2000)

**Requiem / Nguyệt Cầu** tại Hà Lan và Pháp :

8 novembre : Stadsschouwburg, **UTRECHT** (NL)

12 novembre : Stadsschouwburg, **EINDHOVEN** (NL)

22 novembre : IDDAC, OCET, **TALENCE** (F)

## *ĐÀO DROSTE*

Nữ nghệ sĩ tạo hình Đào Droste tổ chức ba cuộc triển lãm hoạ phẩm, điêu khắc và bố trí (*installation*) tại Đức :

**Open mindedness / Visages animés disposés dans un espace**  
tại **REUTLINGEN** từ 13.10.2001 đến 3.2.2002 (Städtisches Kunstmuseum Spendhaus / Städtische Galerie)

**Dao Droste. Bilder**

tại Galerie Top Air, Flughafen **STUTTGART** (đến 30.11.01)

**Dao Droste. Im Zeichen des Tao**

Atelier & Galerie Dao, **EPPELHEIM** (17.11.-15.12.2001)

## *NGUYỄN LÊ*

Chương trình lưu diễn tháng 11 và 12.2001 :

Từ 11 đến 15.11 : tại Guimares (Portugal) với dàn nhạc Big band w/ Maria Schneider

Ngày 23.11 tại Jouy le Moutier (Pháp) với Hương Thanh “*Moon & Wind*”.

Tuần đầu tháng 12 : tại Ultramarine (đảo Martinique).

10 và 1.12 : Duc des Lombards (Paris) với Zanzibar trio (Nguyễn Lê, Art Lande, P. McCandless).

15.12 : Foix (Pháp) Nguyễn Lê Trio (RGF, KZ)

## *VU NGUYEN & KIM HEESEOK*

triển lãm điêu khắc và hội họa từ 25.10 đến 24.11 tại Galerie Librairie IMPRESSIONS, 98 rue Quincampoix, Paris 3e

**Lignes de Vie**

thứ tư (18g-21g) và thứ bảy (14g-20g)

## *NHỮNG NGƯỜI THƠ XÉ*

**Les Coupeurs de Bois**

phim của Vương Đức

(phỏng theo truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Huy Thiệp)  
tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp

sẽ chiếu từ ngày 21/11 đến ngày 27/11

tại rạp Le Sorano

16, rue Charles Pathé 94300 Vincennes

## *FESTIVAL D'AUTOMNE de PARIS*

Trong khuôn khổ Liên hoan nghệ thuật mùa thu Paris, một số phim Việt Nam (và châu Á) sẽ được chiếu tại rạp Arlequin (rue de Rennes, Paris 6e) trong thời gian từ trung tuần tháng 11 đến đầu tháng 12. Xin xem chương trình cụ thể trên các báo hoặc vào mạng Internet

<http://www.festival-automne.com>

# *Bạn đọc & Diễn đàn*

## *Intégrisme, fondamentalisme, islamisme ?*

⇒ Với nạn khủng bố lan tràn sang Mĩ và cuộc oanh kích ở Afghanistan, các chữ intégrisme, fondamentalisme, islamisme lan tràn trên mặt báo cùng với những wahhabite, taliban... mà ít khi được giải thích, và khi giải thích thì khá lung tung. Tôi yêu cầu ĐĐ giải thích ngắn gọn và cho biết những danh từ tiếng Việt tương đương.

N.H.H. (Lille, Pháp)

→ Trước tiên, xin phân biệt cộng đồng tín đồ Islam (tức đạo Hồi, mà ngày nay trong nước gọi phổ biến là Islam) là một trong ba tôn giáo độc thần lớn (tôn thờ một Thượng đế duy nhất ; hai tôn giáo độc thần kia là đạo Do Thái và đạo Kitô tức đạo Thiên chúa), với người Arab : Islam là tôn giáo của phần đông người Arab, nhưng những người Arab chỉ chiếm 1/6 tín đồ Islam ; nước có đông người theo Hồi giáo nhất thế giới không phải là một nước Arab, mà là Indonesia ; Iran, Pakistan, Afghanistan, các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ và nhiều nước châu Phi theo Islam cũng không có dân Arab. Ở ta, người Chăm ở miền tây đồng bằng sông Cửu Long (theo Bình Nguyên Lộc, họ không phải là dân tộc Chăm mà là dân tộc Mã Lai) phần đông cũng theo Islam.

Mặt khác, cần phân biệt Islam với cái gọi là Islamisme. Danh từ *islamisme* được một số nhà xã hội học và chính trị học Pháp tạo ra trong những năm 1980 để chỉ định một chủ nghĩa “về tôn giáo thì lấy Islam làm gốc, và về chính trị thì có tính chất triệt để, na ná như cách mạng, theo nghĩa của từ radical trong tiếng Mĩ” (Bruno Etienne, *L'Islamisme radical*, nxb Hachette, 1987). Khái niệm này còn đang được tranh cãi ngay trong giới nghiên cứu ở Pháp, và ít được sử dụng ở các nước phương Tây khác.

Phổ biến hơn là những danh từ *fondamentalisme* và *intégrisme*. Nguyên thuỷ, hai danh từ này được tạo ra không phải để nói tới một xu hướng trong Islam, mà trong Kitô giáo.

Từ *fundamentalism* (tự dạng Anh) ra đời ở Mĩ là nơi các tôn phái Tin Lành (thuộc Kitô giáo) có nhiều tín đồ. Năm 1919, các mục sư thuộc ba tôn phái *Presbyterian* (giáo hội trưởng lão), *Baptist* (giáo phái chủ trương không rửa tội cho trẻ em, chỉ rửa tội cho người lớn) và *Methodist* (giáo hội giám lý) thành lập ra *World's Christian Fundamentals Association*, Hội Kitô Thế giới bảo vệ những tín điều mà họ coi là “*Fundamentals*” (nền nếp cơ bản), dựa trên câu chữ, thậm

## *Đính chính*

Bài *Khủng bố chiến lược*, năm 01 của Nguyễn Quang (Diễn Đàn số 111, tr 3), câu đầu xin đọc là : “*Năm 1929 có ngày Thứ năm đen phố Wall (24.10), năm 2001 có ngày Thứ ba đen Manhattan (11.09)...*”. Vì sơ sót, chúng tôi đã trao cho nhà in bản chưa sửa, còn bản sửa rồi vẫn nằm trong máy. Khó giải thích hơn là sai lầm ngay từ lúc đầu của người dịch : 1929 trở thành 1923, và *Jeudi* dịch thành... *Thứ hai* ! Vẫn biết dịch là phản. Nhưng ở đây, kẻ phản bội, đáng ngại thay, có lẽ là hội chứng của bệnh Alzheimer đang ló dạng. Xin thành thực cáo lỗi cùng tác giả và độc giả và xin hứa từ nay sẽ cảnh giác hơn.

Kiến Văn

chí nghĩa đen các câu chữ trong kinh Cựu ước và Tân ước. Chẳng hạn họ áp đặt thuyết sáng thế trong 6 ngày : hiện nay ở nhiều bang nước Mĩ, tiến hoá luận của Darwin (đã được khoa sinh vật học và khảo cổ học xác nhận) bị cấm giảng dạy ở trường học. Thậm chí có chính khách còn dựa vào một câu trong Cựu ước về kích thước cái cột ở đền thờ Salomon để ra dự luật quy định trị số của  $\pi$  (pi) là 3 (chắn), chứ không phải là 3,14... Từ đó, danh từ *fundamentalism* được nói rộng, chỉ định xu hướng bám chặt lấy “cơ bản”, bám vào chữ mà quên ý, quên nghĩa, chống lại mọi tiến bộ, đặc biệt là tiến bộ khoa học. Chúng tôi đề nghị danh từ *chủ nghĩa toàn thống* để gọi tên xu hướng này.

Danh từ *intégrisme* xuất hiện lần đầu ở Pháp trong giới Công giáo. Năm 1907, trong Thư luân lưu *Pascendi*, giáo hoàng Pio X lên án “chủ nghĩa hiện đại” (*modernisme*) của những người Công giáo chủ trương xem xét các tín điều dưới ánh sáng của khoa học. Những người theo Pio X tự mệnh danh là những tín đồ “*intégriste*” nghĩa là tuân thủ, gìn giữ sự toàn vẹn (*intégrité*) của lòng tin. Vì vậy, chúng tôi đề nghị dùng danh từ *chủ nghĩa toàn thủ* để gọi xu hướng *intégrisme* này.

Hai xu hướng toàn thống và toàn thủ tuy có những dị biệt không nhỏ về giáo lí, song về cơ bản, chúng gặp nhau ở sự chống khoa học, chống tiến bộ, chống hiện đại và giống nhau ở sự cố chấp, cực đoan, bất dung, loại trừ. Vì vậy, trong ngôn ngữ đời thường, hai danh từ này gần như đồng nghĩa.

Trong một thế giới đổi thay nhanh chóng, các giá trị cũ sụp đổ, các giá trị mới chưa định hình, chính sách toàn cầu hoá kinh tế theo kiểu liberal cực đoan đã loại trừ ba phân tư nhân loại ở các nước nghèo, và một phần không nhỏ ở các nước giàu, tạo ra mảnh đất màu mỡ cho các xu hướng cực đoan phản động, tạo ra đạo quân dự bị cho các tổ chức khủng bố. Ireland, có thêm hai yếu tố dân tộc và tôn giáo (Tin Lành và Công giáo), đã trải nghiệm mấy thập niên kinh hoàng. Ở Mĩ, cuộc khủng bố ở Oklahoma là do một phần tử toàn thống, Tim Mac Veigh, gây ra, và hàng loạt bác sĩ, nữ hộ sinh bị giết là do những phần tử toàn thủ chống phá thai, nhân danh “sự sống” mà gây ra chết chóc. Tại các nước Hồi giáo, các xu hướng wahhab ở Arabia Saudi (Usama bin Laden xuất thân từ đó), Khomeiny ở Iran, taliban ở Afghanistan là những biểu hiện đa dạng của chủ nghĩa toàn thủ.

Xin kết thúc bằng một chi tiết ít người để ý : cuối năm 1994, một toán toàn thủ Islam người Algeria cướp chiếc máy bay Air France đi từ Alger đến Marseille đã giết hai hành khách. Người đầu tiên bị giết là một người Việt Nam. Bắn xong, trưởng nhóm khủng bố giải thích cho cô chiêu dài viễn : “*Hắn đầy bằng cáp mà lại theo đạo Phật*”.

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đỗ

*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý* :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thành Thành, Vũ Thành, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

## Giá biếu

### quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 10 E, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 E (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** : 1/8 trang : 35 E, 1/4 trang : 60 E, 1/2 trang : 100 E trang, 1 trang : 200 E (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

**Đăng liên tiếp nhiều số báo** : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hóa đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 E (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....

.....

.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng.... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 Euro ;  
Châu Âu ngoài Pháp : 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 60 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45 Eu vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 15 USD/năm, thư từ liên lạc, gia hạn cũng như chuyển ngân xin liên lạc thẳng với tòa soạn ở Pháp, trong khi chờ đợi thông báo về đại diện mới.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 Eu cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

**CHÚ Ý** : Bạn đọc gia hạn báo trước tháng 12.2001 có thể thanh toán bằng đồng FF với giá cũ (250 FF). Sang năm 2002, nhất thiết phải thanh toán bằng Euro với giá mới.

# TIN TỨC

## Việt Nam và tình hình chiến tranh ở Afghanistan

Ngày 8.10, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã ra tuyên bố về việc Mỹ và đồng minh bắt đầu chiến dịch tấn công quân sự vào Afghanistan như sau :

*“Việt Nam phản đối mạnh mẽ mọi hành động khủng bố và ủng hộ các nỗ lực nhằm loại trừ khủng bố ra khỏi đời sống của nhân loại. Việt Nam cho rằng các biện pháp chống khủng bố phải được tiến hành phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.*

*Việt Nam bày tỏ lo ngại sâu sắc về cuộc chiến tranh diễn ra ở Afghanistan đang đe dọa nghiêm trọng tính mạng của thường dân vô tội và mong rằng các bên liên quan hết sức kiềm chế, không để chiến tranh lan rộng và nhanh chóng tìm ra giải pháp thích hợp sớm chấm dứt chiến tranh, vẫn hồi hòa bình.”*

Cùng ngày, tại Madrid, trong cuộc họp báo chung với thủ tướng Jose Maria Aznar, mở đầu chuyến đi thăm chính thức Tây Ban Nha, Đức và Hà Lan (xem tin dưới đây), thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã nhắc lại lập trường chính thức đó - các nhà báo quốc tế có mặt đều đưa tin như vậy. Tuy nhiên, trong bản tin của VNA, về sau trong tuyên bố của ông Khải được đổi là : “*Việt Nam phản đối việc lợi dụng chống khủng bố để vi phạm độc lập chủ quyền dân tộc của các quốc gia có chủ quyền, gây thiệt hại đến dân thường. Việt Nam yêu cầu chấm dứt và không lặp lại chiến tranh.*”

☒ Với những tin tức về những “thiệt hại bên lề”, như được dự đoán, ngày càng nhân lên, trong khi khả năng tìm bắt Bin Laden vẫn mịt mù, chiến lược chống khủng bố bằng chiến tranh của chính quyền Bush bộc lộ rõ những nhược điểm mà nhiều người đã cảnh báo. Lập trường của chính phủ Việt Nam do đó hoàn toàn đáng được coi là chính đáng. Tuy nhiên, khi ai đó có thể đặt vào miệng thủ tướng một lời bình luận (của báo Quân đội nhân dân) đi xa hơn lập trường đó, thì phải chẳng có điều chi không ổn ? (H.V.)

## Cần hợp tác chống khủng bố

Ngày 11.10, trả lời câu hỏi của phóng viên Thông tấn xã Việt Nam đề nghị cho biết quan điểm của Việt Nam đối với những hoạt động khủng bố chống Việt Nam trong bối cảnh các nước đang xúc tiến các biện pháp hợp tác chống khủng bố, người phát ngôn bộ Ngoại giao Việt Nam sau khi nhắc lại lập trường phản đối khủng bố và sẵn sàng hợp tác chống khủng bố trên cơ sở luật pháp quốc tế, đã nhấn mạnh :

*“Việt Nam cho rằng các nước cần có thái độ nhất quán đối với nạn khủng bố, không hỗ trợ, chứa chấp, dung túng*

*những kẻ khủng bố hoặc âm mưu khủng bố chống Việt Nam, hợp tác với Việt Nam trong việc ngăn chặn và nghiêm trị những kẻ chủ mưu và những kẻ tiến hành hoạt động khủng bố chống Nhà nước và nhân dân Việt Nam ở trong nước cũng như các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài”.*

Ngày 17.10, bà Phan Thuý Thanh đã nhắc lại lập trường này khi bình luận tin FBI vừa bắt được Võ Văn Đức, một thủ phạm trong vụ ném bom vào toà đại sứ Việt Nam ở Băng Cốc tháng 6 vừa qua. Theo bà Thanh, Hoa Kỳ đã “hứa cộng tác với VN” để ngăn chặn “những tên khủng bố như Lý Tống, Nguyễn Hữu Chánh và đồng bọn” tiến hành các hoạt động khủng bố chống VN.

## Chưa thấy tài sản của các nhóm khủng bố tại Việt Nam

Theo ông Đỗ Khắc Hưng, Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Ngân hàng Nhà nước, “*Hợp tác chống khủng bố đã trở thành phong trào chính nghĩa, được chính phủ nhiều nước tích cực tham gia và hỗ trợ. Đề nghị của chính phủ Mỹ đối với Việt Nam về hợp tác truy tìm và phong toả tài sản của bọn khủng bố phù hợp với quy định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước đã được giao nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi cả nước các thông tin về tài khoản, tài sản các cá nhân, tổ chức có liên quan tới khủng bố nhằm có biện pháp xử lý phù hợp.”*

Tuy đánh giá rằng “*khả năng có tài sản của bọn khủng bố tại Việt Nam là rất ít*”, Ngân hàng nhà nước VN đã yêu cầu tất cả các ngân hàng thương mại hoạt động tại VN, kể cả ngân hàng nước ngoài, điều tra tài sản, tài khoản liên quan đến các nhóm khủng bố quốc tế.

Tính đến chiều ngày 16.10, đã có 30 (trong tổng số gần 60) ngân hàng thương mại báo cáo kết quả điều tra này, và chưa khám phá ra một khách hàng nào - trong danh sách 27 cá nhân, tổ chức mà phía Mỹ cung cấp - có các giao dịch tại Việt Nam. (theo báo Lao Động)

## Trong năm năm, Việt Nam phát hiện 219 người mắc bệnh than

Những phong bì chứa vi khuẩn bệnh than đang gieo lo sợ một cuộc chiến tranh vi trùng trên đất Mỹ cũng là dịp nhắc lại bệnh này còn đang hiện diện ở nhiều nước nghèo, trong đó có Việt Nam (ở mức cục bộ).

Theo thống kê của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, tính từ năm 1996 đến hết năm 2000, cả nước đã phát hiện 219 người mắc bệnh than, hầu hết đều được chữa khỏi, chỉ có một số ca tử vong. Trong đó, năm 1996 phát hiện 45 người, năm 1997 : 59 người, 1999 : 58 người và năm 2000 : 27 người mắc bệnh than ; Số người mắc bệnh than này được phát hiện, tại các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Sơn La, Lào Cai, Đắc Lắc, Cao Bằng và Đồng Nai. Một chuyên gia của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương cho biết, người mắc bệnh than chủ yếu là do ăn phải thịt động vật nhiễm bệnh. Tuy nhiên, các cơ sở y tế của Việt Nam đều đủ điều kiện phát hiện và chữa trị cho những người này.

Điều năm 2001, chưa có trường hợp nào bị mắc bệnh than được ghi nhận. (Báo Người lao động)

## **Thủ tướng Phan Văn Khải thăm 3 nước Tây Âu**

Từ ngày 7 đến 16 -10, Thủ tướng Phan Văn Khải đã dẫn đầu một phái đoàn gồm nhiều bộ trưởng, thứ trưởng (thương mại, tài chính, ngoại giao v.v.) và nhiều nhà doanh nghiệp quốc doanh và tư doanh, đi thăm chính thức Tây Ban Nha, Đức và Hà Lan. Đây là lần đầu tiên ông Khải đi thăm các nước này.

Theo ông Vũ Khoan, bộ trưởng thương mại, cùng đi với ông Khải trong chuyến tây du này, “cả ba nước đều thể hiện mạnh mẽ lòng mong muốn nâng cao và mở rộng hơn nữa sự hợp tác với Việt Nam như một hướng ưu tiên trong việc hướng mạnh sang châu Á - Thái Bình Dương, xếp Việt Nam vào danh sách các nước được ưu tiên nhận viện trợ phát triển.”

Ông Khoan cũng cho biết, nhân dịp này VN đã ký một loạt hiệp định, thỏa thuận : với Tây Ban Nha là Hiệp định khung về hợp tác (ngay trước chuyến thăm đã ký Chương trình hợp tác tài chính trị giá 135 triệu USD cho ba năm 2001 - 2003) ; với CHLB Đức là Hiệp định hợp tác tài chính và ba hiệp định cụ thể về đường sắt, trồng rừng, tái hòa nhập người hồi hương tổng cộng hơn 90 triệu USD ; với Hà Lan là những thỏa thuận về việc tăng gấp đôi viện trợ phát triển vào năm 2003 (từ 12 lên 24 triệu USD), các dự án nâng cao năng lực quản lý của cán bộ địa phương, xóa đói, giảm nghèo trị giá hàng chục triệu USD. Ngoài ra, có thỏa thuận về việc mở rộng hợp tác trong lĩnh vực du lịch với Tây Ban Nha và Đức.

Theo ông Khoan, cả ba nước ủng hộ mạnh mẽ việc đẩy mạnh quan hệ giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU). EU là một đối tác hàng đầu của VN và hai bên sắp bước vào vòng đàm phán mới về quan hệ buôn bán. (Reuters, AFP, Nhân Dân điện tử 8-16.10.2001)

## **Hiệp định thương mại Việt - Mỹ**

Sau khi được phê chuẩn tại Thượng viện, ngày 17.10.2001 tổng thống George Bush đã ký nghị định chuẩn y Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Theo một thông báo của Nhà Trắng, ông Bush đã ký nghị định này trước khi lên đường đi Thượng Hải dự hội nghị cấp cao Diễn đàn kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Việt Nam đã nhanh chóng lên tiếng hoan nghênh quyết định này của tổng thống Mỹ, coi đây là “mốc quan trọng trong quá trình hoàn tất bình thường hóa hoàn toàn quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước”. Về phần mình, quốc hội Việt Nam sẽ tiến hành việc xem xét phê chuẩn hiệp định trong kỳ họp tới, bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 này.

Hai tuần trước đó, ngày 4.10, người phát ngôn bộ Ngoại giao VN, trong tuyên bố hoan nghênh Thượng viện Hoa Kỳ phê chuẩn hiệp định, cũng đã tỏ ý hài lòng về “việc Thượng viện Hoa Kỳ không đem ra bỏ phiếu cái gọi là Đạo luật nhân quyền Việt Nam”, và nhắc lại quan điểm của mình, coi đạo luật này là “can thiệp thô bạo công việc nội bộ của Việt Nam, vi phạm Hiến chương LHQ và các nguyên tắc cơ bản của Luật pháp quốc tế, đi ngược lại lợi ích của nhân dân hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ”.

## **Nga rút khỏi Cam Ranh**

Ngày 19-10, bên lề hội nghị APEC ở Thượng Hải, trong buổi hội kiến với thủ tướng Phan Văn Khải, tổng thống Nga V.Putin đã thông báo với thủ tướng VN việc LB Nga bắt đầu rút khỏi cảng Cam Ranh từ tháng 1-2002. Ông Putin cũng khẳng định không vì thế mà sự hợp tác giữa hai nước giảm, mà còn tạo điều kiện hợp tác toàn diện tương xứng với tiềm năng vốn có và ngang tầm với quan hệ chính trị tốt đẹp giữa hai nước. Nga sẽ hỗ trợ Việt Nam đào tạo cán bộ khoa học-kỹ thuật, đẩy mạnh hợp tác tại các công trình Vietsovpetro, Nhà máy điện Na Dương, Điện nguyên tử Đà Lạt...

Theo bà Phan Thúy Thanh, người phát ngôn bộ Ngoại giao Việt Nam :

“Quyết định này của phía Nga là phù hợp với thỏa thuận giữa hai nước CHXHCN Việt Nam và LB Nga. Việt Nam chủ trương sẽ sử dụng cảng Cam Ranh phù hợp mục đích phát triển kinh tế-xã hội của đất nước mình.”.

## **Bão lụt tiếp diễn**

Theo những tin tổng hợp cuối tháng 10, bão lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long năm nay đã làm thiệt mạng 357 người, trong đó có ít nhất 250 trẻ em. Thiệt hại vật chất ước tính ít nhất khoảng 68 triệu đô la (950 tỷ đồng).

Tới lúc tình hình ở miền Nam vừa lắng thì mưa lũ lại đổ xuống miền Trung ! Theo Văn phòng đại diện phòng chống lụt bão miền Trung, tính đến ngày 24.10.2001, lũ ở miền Trung đã làm 26 người chết, tổng thiệt hại về vật chất khoảng gần 70 tỷ đồng. Mưa lớn kèm theo dòng, lốc đã đánh chìm 14 tàu đánh cá, sập và tốc mái gần 500 ngôi nhà, sạt lở 145.000 m<sup>3</sup> đất đá khen mương và đường giao thông, ngập úng gần 11.000 ha lúa, hoa màu và cây công nghiệp.

Trung tâm quốc gia dự báo Khí tượng thủy văn cho biết, hiện nay, các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ chỉ còn mưa rải rác, mực nước các sông từ Quảng Bình đến Bình Thuận và Tây Nguyên đang xuống. Khu vực Bắc Trung Bộ và một số tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ đang có mưa lớn. Mực nước các sông ở bắc Trung bộ đang lên nhanh. (AP 25.10, VNA 28.10.2001)

## **L.m. Nguyễn Văn Lý bị kết án 15 năm tù**

Ngày 19-10, tại TP Huế, tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên-Huế đã mở phiên tòa “công khai”, xét xử sơ thẩm linh mục Nguyễn Văn Lý về tội “Không chấp hành quyết định quản chế hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” và tội “Phá hoại chính sách đoàn kết”.

Ông đã bị tuyên án hai năm tù về tội danh đầu và và 13 năm tù về tội danh thứ hai. Tổng hợp cả hai hình phạt là 15 năm tù. Sau khi mãn hạn tù, ông còn phải chịu thêm hình phạt quản chế năm năm tại địa phương nơi cư trú.

Cũng như đối với phiên tòa “xử” những đồng bào Thượng trong vụ nổi loạn ở Tây Nguyên hồi tháng 2 (xem Diễn Đàn số trước), phiên tòa đã diễn ra nội trong một ngày, không có luật sư bào chữa, tranh luận. Bị can chỉ có quyền “nhận tội trước những chứng cứ không thể chối cãi” !

☒ Cùng với vụ “xử” linh mục Lý, chính quyền cũng đã ra lệnh quản chế ông Trần Khuê (người cùng với đại tá Phạm

*Qué Dương đứng ra xin lập hội “ Nhân dân ủng hộ đảng và nhà nước chống tham nhũng ”), đồng thời tổ chức - ngày 9.10 vừa qua - những cuộc họp “ tổ dân phố ” ở phường Hàng Bài, Hà Nội, để đấu tố vắng mặt ông Hoàng Minh Chính.*

*Thêm một lần nữa, đảng CSVN tiếp tục những hành vi đàn áp thô bạo những người đối lập, như trong thời Mao, Xit-Ta-Lin, hoặc thời kỳ cải cách ruộng đất ngày trước. Rồi sau đó lại bù lu bù loa lên tiếng phản đối những người nước ngoài lên án các hành vi đó là “ can thiệp thô bạo ” vào nội bộ của nước mình. Những công dân VN lên tiếng đòi được sử dụng các quyền dân chủ của mình (có ghi trong Hiến pháp !) thì can thiệp vào “ nội bộ ” của ai ? (H.V.)*

## Tình hình HIV/AIDS (SIDA) tại Việt Nam

Theo TTXVN, cho đến ngày 1.10.2001, có 39 845 người bị vi rút HIV được phát hiện, trong số đó 5 955 người phát bệnh AIDS (SIDA) và 3 247 người đã chết. Từ đầu năm nay, thêm 5 794 người bị nhiễm vi rút HIV được phát hiện, trong số đó 768 người phát bệnh và 415 người đã chết. Số người bị nhiễm vi rút tập trung cao nhất ở các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Uỷ ban phòng chống AIDS của Hải Phòng và tổ chức Word Vision Vietnam vừa khởi động một phuong án nhằm giảm tối đa ảnh hưởng của HIV/AIDS và ngăn chặn bệnh AIDS bành trướng qua quan hệ luyến ái. Phương án sẽ được thực hiện từ nay cho tới tháng 9 năm 2003 chi phí lên khoản 355 000 USD.

Toà đại sứ Hoa Kỳ ở Hà Nội cũng đã thông báo ngày 23.10 là Chương trình tổng hợp chống bệnh AIDS, được sự hỗ trợ của các Trung tâm phòng, chống bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), sẽ viện trợ cho các chương trình chống AIDS của VN 10 triệu Mỹ kim trong vòng 5 năm. Lễ ký kết viện trợ, với ngân khoản 2 triệu đôla cho năm đầu, đã diễn ra tại Hà Nội. (BBC 15.10, DPA 23.10.2001)

## Lúa, gạo Việt Nam oằn vai vì chi phí đầu vào

Theo đánh giá của ban Vật giá chính phủ, lợi thế về giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đang mất dần đi, khi giá các loại chi phí đầu vào cho sản xuất và xuất khẩu gạo đang có chiều hướng gia tăng.

Theo tiến sĩ Nguyễn Đình Long, phó viện trưởng Viện Kinh tế Nông nghiệp, hạn chế lớn nhất đồng thời cũng là nguyên nhân làm giảm khả năng cạnh tranh của lúa gạo Việt Nam trên thị trường thế giới là ở chất lượng các giống lúa. Hiện nay, tỷ lệ giống lúa mới chiếm tới 90% các loại đang có mặt tại Việt Nam (ở miền Nam chủ yếu là giống IRR, miền Bắc là giống lúa lai Trung Quốc). Song các giống lúa trên chủ yếu là ngắn ngày, tuy có năng suất cao nhưng chất lượng kém và phải bón nhiều phân nên giá trị thương phẩm thấp, không hợp “gu” các thị trường có sức mua và yêu cầu cao về chất lượng như : Nhật, Hàn Quốc, Australia... Trong khi gạo cấp cao của Thái Lan chiếm tới 60 - 62% lượng gạo xuất khẩu, ở Việt Nam, tỷ lệ này mới đạt 35 - 40%.

Ngoài ra, chi phí cho sản xuất (xăng dầu, điện, phân bón...), phí cho dịch vụ xuất khẩu gạo đang góp phần đội giá

gạo Việt Nam lên cao hơn so với thực tế. Một cán bộ ban Vật giá chính phủ cho biết, chi phí bốc dỡ, xếp hàng và các chi phí khác tại cảng Sài Gòn khoảng 40.000 USD/ tàu (công suất 10.000 tấn), chiếm tới 1,6% giá gạo xuất khẩu (trong khi chi phí này tại Thái Lan chỉ khoảng 20.000 USD).

Ông Hồ Xuân Hùng, Phó trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ khẳng định, cho đến thời điểm này, việc đảm bảo lãi suất cho người nông dân từ 30% - 40% trên giá thành theo quy định của Chính phủ vẫn chưa thực hiện được vì các loại chi phí đầu vào còn quá cao.

Mặt khác, hiệu quả thực hiện giá sàn trong thời gian qua không được như mong muốn. Diễn hình là đầu vụ thu hoạch năm 2001, chính phủ quy định mức giá sàn là 1.300 đồng/kg, nhưng nông dân đồng bằng sông Cửu Long chỉ bán được với giá 1.000 - 1.150 đồng/kg. Trong khi phần lớn các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ mua lúa gạo tạm trữ không có đủ mạng lưới để mua lúa tân gốc, chủ yếu nông dân phải bán lúa qua người mua gom, Nhà nước không thể ép buộc họ phải mua theo giá quy định, nếu có ép cũng không kiểm soát nổi.

Theo ông Nguyễn Ngọc Tuấn, trưởng ban Vật giá chính phủ, trước mắt, giá vật tư và dịch vụ sản xuất nông nghiệp cần được bình ổn theo hướng giảm dần các loại thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nông nghiệp...). Việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng để các doanh nghiệp mua lúa tạm trữ cho nông dân khi giá thị trường xuống thấp vẫn cần tiếp tục triển khai. (Theo SGGP)

## Thương tiếc Út Trà Ôn

Nghệ sĩ Út Trà Ôn - người đã được tặng các danh hiệu Đệ Nhất danh ca, Vua Vọng cổ - đã từ trần ở tuổi 83 ngày 13.8.2001 tại TPHCM. Ông tên thật là Nguyễn Thành Út xuất thân ở Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông được nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân năm 1997.

Từ nhỏ, nhờ có giọng tốt, Út Trà Ôn được chọn ca trong ban nhạc lẻ ở đình làng, theo học ca với nhạc sĩ Năm Tôn (đàn tranh) và Tư Hiệu (đàn cò, vi-ô-lông). Đến năm 14 tuổi, ông ca tài tử ở địa phương. Bốn năm sau, ông lên Sài Gòn dự cuộc thi ca vọng cổ, đoạt giải nhất và nổi tiếng với các bản : Thủ trót đêm đông, Sầu bạn chung tình, Tôn Tẫn giả điên. Riêng với bản Tôn Tẫn giả điên, do hãng đĩa ASIA thu và phát hành, ông nổi tiếng khắp nơi.

Năm 1949, ông bị thực dân Pháp bắt vì cho là tiếp tay cho Việt Minh. Sau khi được thả ra, ông cộng tác với các đoàn Sao Mai, Rạng Đông, Mộng Vân... Sau đó, nghệ sĩ Út Trà Ôn tiến lên đỉnh cao của nghề, trở thành ngôi sao sáng chói của SKCL cả hai mặt ca và diễn.

Từ năm 1975, ông hoạt động ở nhóm sân khấu "Nhóm đòn cò Lụu" gồm có Phùng Há, Ba Vân, Út Trà Ôn, Nam Hùng, Thanh Nga, Thanh Thanh Hoa, Hai Nữ, Hoàng Án, Tư Hề... Đó là nhóm cải lương sau này trở thành nòng cốt của Đoàn cải lương Sài Gòn I. Năm 1979, ông về Nhà hát Trần Hữu Trang. Sau đó, ông hát ở đoàn Kim Thanh, sân khấu Tài năng, rồi từ năm 1988 tham dự Hội đồng chấm thi cuộc Tuyển lựa giọng ca cải lương do Hội Sân khấu TP Hồ Chí Minh tổ chức. Năm 1997, ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

Út Trà Ôn đã diễn thành công trong hơn 200 vở hát và ca qua cả ngàn bản vọng cổ. (theo Huy Trường, báo NDĐT 15.8.2001)

## Hai nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ và Ngọc Bích từ trần

Trong tháng vừa qua, giới văn nghệ ca nhạc Việt Nam ở ngoài nước đã nhận hai tin buồn : nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ, 72 tuổi, qua đời ngày 23 tháng 9, và nhạc sĩ Ngọc Bích, 76 tuổi ra đi ngày 15.10.2001, cũng ở Nam California.

Hoàng thi Thơ sinh ngày 1 tháng 7 năm 1929 tại phủ Triệu Phong, Quảng Trị, trong một gia đình quan lại danh tiếng. Ông tích cực tham gia cách mạng tháng 8.1945 và cuộc toàn quốc kháng chiến từ những ngày đầu trong đoàn Tuyên truyền Kháng chiến cùng với Trần Hoàn, Lưu Trọng Lư, đến cuối 1952 thì bỏ vùng kháng chiến về Huế, sáng tác và dạy học đến 1965. Sau đó, sống chuyên nghiệp về ca nhạc kịch. Di tản sang Mỹ từ 1975, ông vẫn tiếp tục sáng tác, trình diễn. Năm 1993, ông có về lại Quảng Trị, thăm làng Bích Khê quê cũ.

Ngọc Bích sinh năm 1925, tại Hà Nội, tham gia kháng chiến chống Pháp cùng thời với Phạm Duy, sau bỏ về thành và di cư vào Nam, năm 1954. Ông là tác giả các bài *Trở về hến mơ, Mộng chiêu xuân...*

## Ra mắt công cụ tìm kiếm Internet tiếng Việt đầu tiên ở Việt Nam

Ngày 28.9, tại Hà Nội, Công ty điện toán & truyền số liệu (VDC) và Công ty công nghệ tin học Tinh Vân kết hợp với Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tổ chức lễ khai trương chính thức công cụ tìm kiếm Vinaseek. Công cụ tìm kiếm Vinaseek được thiết kế để tìm kiếm các trang web tiếng Việt (hiện mới chỉ có những trang web ở trong nước). Vinaseek cho phép tìm, đọc các trang web tiếng Việt bất kể trang đó dùng bảng mã nào và hoạt động tương tự như các công cụ tìm kiếm nổi tiếng trên Internet như Google, Altavista, Yahoo!...

Tuy nhiên, Vinaseek đã không học hỏi ở Google một điểm mạnh rất quan trọng khiến Google nổi lên như một công cụ tìm kiếm được ưa thích vào bậc nhất : khi tìm một cụm từ thì xử lý cả cụm từ đó như là một chữ không tách rời các từ trong đó. Chẳng hạn, nếu bạn thử kiếm “ Nguyễn Văn An ”, Vinaseek sẽ cho bạn 8 432 trang (con số ngày 21.10) với nhiều trang hiện lên chỉ vì có chữ “ Văn ” hoặc chữ “ an ”. Chưa kể có nhiều khả năng... sót, vì có trang báo Việt Nam nào không có chữ “ Nguyễn ”, chữ “ văn ”, hoặc chữ “ an ” ?

## Nhà ga hàng không T1 Nội Bài bắt đầu hoạt động

Với diện tích 84 000 m<sup>2</sup>, được lắp đặt trang thiết bị hiện đại, đây là nhà ga đầu tiên có chất lượng cao được đưa vào phục vụ hành khách tại Việt Nam. Kết cấu của nhà ga chịu được động đất cấp 8 và bão cấp 12. Phần chính giữa khu C và D dành cho khách quốc tế, hai bên cánh khu A và B dành cho nội địa.

Công trình nhà ga T1 đã chính thức đi vào hoạt động hôm 10.10. Công trình này được trang bị 17 hệ thống thiết bị hiện

## Võ Phiến tại Đại Học Paris

Tại Đại Học Paris III, Sorbonne Nouvelle, ngày 9.10.2001, bà Trương thị Liễu đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ văn học đối chiếu với đề tài Võ Phiến, Văn hoá dân tộc và Văn học phương Tây, do các ông D.H. Pageaux, giáo sư Đại Học Paris III và Đặng Tiến, giảng viên Đại học Paris VII, điều khiển ; ngoài ra, ban giám khảo còn gồm có các giáo sư J. Bessière, Paris III, chủ khảo, Trịnh văn Thảo, Aix-Marseille I, và J. Dugast, Rennes II, phụ khảo.

Luận án công phu và nghiêm túc gồm phần Luận văn 400 trang và phụ lục, 200 trang, trình bày thư mục, chú giải và dịch thuật 4 truyện ngắn.

Phần lý luận giới thiệu thân thế và toàn bộ tác phẩm Võ Phiến, nhấn mạnh vào những truyện huyền ảo (fantastique). Phần hai, phân tích ảnh hưởng văn chương phương Tây, từ A. Daudet, S. Maugham đến D. Buzzati, M. Butor. Và đặc biệt trong khoảng 100 trang cuối, tác giả đã đề xuất những giao thoa với tác phẩm M. Proust : những chủ đề, kỹ thuật kể chuyện, phương pháp dự tưởng, như phản ánh huyền thoại Orphée ...

Các giám khảo thừa nhận công sức lao động và công lao khai phá, mở đường cho văn học đối chiếu vào một mảnh đất còn là hoang địa là văn học Việt Nam hiện đại. Ngoài ra, tác giả còn khôi phục một thời kỳ văn học bất hạnh, dưới một chế độ chính trị phòi pha tại miền Nam từ 1954 đến 1975. Hai mươi năm trong lịch sử văn học thế giới có là bao.

Công trình bà Liễu gian nan : từ việc truy lùng tài liệu đến xử lý văn bản : đọc Võ Phiến và Proust không phải là đơn giản. Sau đó là phần lập thuyết và lập ngôn.

Một ví dụ cụ thể, có giám khảo đã nhận xét dịch Đông Kinh Nghĩa Thục ra là Institut du Tonkin là tuỳ tiện. Ứng viên trả lời : dịch theo Nguyễn Khắc Viện. Một giám khảo khác cho biết lối dịch này phổ biến ít nhất là từ Jean Chesneaux (1955). Nhóm Ngoại Văn ở Hà Nội dịch : Ecole de la Juste Cause, không biết dựa vào đâu. Tư liệu về Đông Kinh Nghĩa Thục thì nhiều, nhưng không ai chịu khó giải thích “Đông Kinh” nghĩa là gì, trừ Nguyễn Hiến Lê, trong một cuốn sách khó kiếm (1956). Mới đây trường Viễn Đông Bác Cổ kết hợp với nhà xuất bản Văn Hóa có ấn hành một cuốn Thơ văn Đông Kinh Nghĩa Thục, dịch ra tiếng Pháp là Prose et Poésies de l'Ecole Đông Kinh (1997).

Tóm lại, bên cạnh những chi tiết có thể bàn lại, công trình của bà Trương thị Liễu ngoài tính cách khoa bảng, còn có tác dụng giới thiệu, khai phá và đóng góp. Hội đồng đã đồng thanh cấp danh vị Tiến sĩ hạng Tối ưu với Lời khen (Mention très honorable avec Félicitations du Jury).

Giáo sư Pageaux đã đề nghị tác giả thu gọn luận văn thành 200 trang để có thể xuất bản trong loại sách Tương lai của Quá khứ (Avenir du Passé) của nhà xuất bản L'Harmattan, Paris.

Mai Chi

đại có xuất xứ từ các nước Tây Âu, Bắc Mỹ, như : các hệ thống cầu hành khách, xử lý hành lý, thông báo bay bằng màn hình, quản lý thông tin...

Nhà ga có công suất thiết kế 6 triệu hành khách/năm, tổng mức đầu tư 102 triệu USD, trong đó vốn đầu tư giai đoạn 1 là 76 triệu, công suất giai đoạn 1 là 4 triệu hành khách/năm.

## Tin Ngắn

\* Theo kế hoạch của tổ chức hàng không dân dụng quốc tế về việc " mở các đường bay ứng phó Châu Á - Trung Đông - Châu Âu ", do chiến sự ở Afghanistan, Vietnam Airlines đã thiết lập **đường bay dự phòng** cho các tuyến từ TP HCM và Hà Nội đi Paris.

Đường bay này sẽ xuất phát tại hai đầu TP. HCM, Hà Nội và bay vòng qua không phận phía nam Pakistan để đến Paris (thay vì bay qua không phận Afghanistan). Trong trường hợp chiến tranh lan rộng, tuyến bay sẽ vòng qua Bắc Kinh và Matxcova đến Paris. Đường bay này khiến hành trình bay kéo dài thêm 20 phút và tốn kém hơn so với trước.

\* Từ ba năm qua Hội đồng Anh (**British Council**) đã thực hiện một chương trình **tặng sách** cho một số cơ quan ở Việt Nam. Năm cơ quan ở Hà Nội gồm Thư viện Quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu Châu Á, Thư viện Hội Nhà văn, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Viện Thông tin Thư viện Y học Trung ương, đã nhận được 20 500 cuốn sách trị giá 300 000 USD, gồm sách y học, nghệ thuật và kinh tế.

### Bạn đọc viết

#### Ea Sola và vở múa Requiem

Các anh chị thân mến,

Đêm qua Tiên xem vở *Requiem* của EaSola. Tai sao cho đến nay không đọc được bình luận của ZD về vở này ?

Xem *Requiem* trong không khí chiến tranh đang xảy ra ở A-Phú-Hãn, T.. có nhiều ấn tượng :

- Nghĩ đến những người phụ nữ phải che mặt.
- Xã hội khi nhìn từ ngoài vào thấy con người điên loạn, quay cuồng.
- Những con người bị bịt miệng không thể nói được (không nhất thiết chỉ ở A-Phú-Hãn).
- "Những tiếng ma hời trong đêm khuya".
- Những kiếp người, tiếng khóc cười, điên dại, khổ đau...
- Tiếng trống, tiếng hò Huế, tiếng kèn đầm ma, ánh sáng, tiếng cầu kinh, hời, hợp âm giọng, ... gây không khí khó quên của "*nguyệt cầu*".

Trong vở có một ông cụ ngồi ngoài "thế sự", nó đại diện cho ai : kẻ lãnh đạo, khán giả... ?

Dĩ nhiên một vài hình tượng đã thấy ở "*Hạn hán và con mưa*" nhưng về nhạc cụ, đặc biệt tiếng trống và kèn nhị tỳ thì hơn hẳn.

Cảnh Ea Sola bước vào thế giới các mặt hòm rất đẹp.

Khi mặt hòm xoay lại người trước thành sau và ngược lại như một biểu tượng của "incarnation", ai rồi cũng mất ...

Trong đợt cuối cùng, năm nay, Hội đồng đã trao tặng 5 000 cuốn, trị giá 80 000 USD cho 84 cơ sở giáo dục và thư viện tập trung vào những tác phẩm văn học cổ điển nổi tiếng.

\* Trong 10 ngày đầu của tháng này, một số doanh nghiệp kinh doanh cà phê Việt Nam đã chào bán cà phê robusta loại 2, giao ngay, với giá chỉ có 255-260 USD/tấn, bằng một nửa giá thành và thấp hơn giá chào bán của các đơn vị khác tới 35-40 USD/tấn. Giá trên cũng thấp hơn nhiều so với giá xuất khẩu trung bình tháng 9 là 436,6 USD/tấn.

Theo Bộ Thương mại, trong 9 tháng đầu năm, lượng **cà phê xuất khẩu** của Việt Nam **giảm 30%** về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2000.

\* Ngày 27-9, ủy ban Thể dục - Thể thao đã ra quyết định thưởng **15 triệu đồng cho mỗi vận động viên đoạt huy chương vàng** cá nhân hay tập thể tại SEA Games 21, huy chương bạc được thưởng 10 triệu đồng và huy chương đồng được thưởng 7 triệu đồng. Các huấn luyện viên của những vận động viên đoạt huy chương cũng được hưởng mức thưởng tương đương. Tổng số tiền thưởng của ủy ban TDTT lên hơn 3,3 tỷ đồng.

\* Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vừa khởi công xây dựng **nha máy xử lý rác** có công suất 400 m<sup>3</sup> tấn rác mỗi ngày. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 147 900 m<sup>2</sup> với tổng số vốn đầu tư là 29,83 tỷ đồng, dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2002 để xử lý lượng rác thải cho 3 khu vực chính là thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa và huyện Tân Thành.

Kể cả cảnh "ngôi chòm hổm nói một mình" cũng gây ấn tượng : họ nói gì, lầm nhầm những gì... ?

Các tiếng hời với những âm độ cao thấp khác nhau, hoà vào nhau là một sáng kiến rất hay thích hợp với thói quen của những người nghe nhạc Âu Châu. Biết đâu sau này chúng ta sẽ có những tuồng cổ cùng ca bốn giọng thì hay biết mấy. Đã nói đến nhạc trong vở, T. cũng có một vài câu hỏi liên quan :

Tại sao Ea Sola lại chọn hò Huế ? Tiếng hò trên sông đưa người vào thế giới bên kia ?

Tuồng VN có khái niệm *aria* không ?

Chúng ta nghe thấy "cây trúc xinh" ?

Ea Sola chấm dứt một đoạn đối với vở Requiem, khác với Nhất Hạnh trong "*Chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiền*". Cả hai đều nói đến chiến tranh, bạo lực nhưng Nhất Hạnh thì đứng từ ngoài, cao đạo,... Ea Sola từ trong, quay cuồng, điên loạn... Hình ảnh của Ea Sola do đó gần gũi với cuộc sống, với tâm trạng riêng, kể cả diễn viên : nhiều thế hệ, nhiều khuôn mặt ...

Tuy nhiên, theo ý rất chủ quan của T., có một điều bất lợi của vở này là : nó nặng nề và đầy bạo lực (violence), gợi người xem nhiều cảm xúc, do đó có thể nhiều người không dám (hay ngại) xem lại lần thứ hai. Vì sợ, ghê, ... như con người sợ cái chết ???

Cái chết, sự thực ?

**Khánh Tiên**

# Thư gửi ông Hữu Thỉnh

## TTK hội Nhà văn

Bùi Ngọc Tân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng ngày 12-10-2001

Kính gửi ông Hữu Thỉnh,

Tổng thư ký hội Nhà văn Việt Nam

Thưa ông,

Tôi là Bùi Ngọc Tân, hội viên hội Nhà văn Việt Nam viết thư này gửi tới ông bởi có quá nhiều tin đồn thất thiệt xung quanh việc tôi nhận giải thưởng của hội Quan sát Nhân quyền (HRW) và chuyến đi Trung Quốc vừa qua của tôi

Người nói tôi đã nhận giải, nhận tiền, người nói tôi đã từ chối giải, người nói tôi đã “ ẵm gọn ” 50 triệu đồng của thành phố Hải Phòng, thậm chí một ông vụ trưởng còn nói tôi đã làm đơn tự nguyện không nhận giải mà xin đi Trung Quốc như đòi một sự đèn bù, “ kỳ này chúng tôi cho đi, tiền tiêu thoả mái. ”

Tôi xin phép được trình bày lại toàn bộ vấn đề để đính chính trước dư luận những sai lệch trên :

### I. Về giải thưởng :

a. Khoảng tháng 3-2001 tôi có nhận được tin từ nước ngoài báo về tôi được trao giải thưởng văn học Chân Thiện Mỹ cho bộ tiểu thuyết của tôi. Tiền thưởng kèm theo giải là 3000 USD. Tôi đã tìm hiểu về tổ chức đứng ra tặng giải, và khi biết đó là tổ chức Việt Nam phục quốc, tôi đã từ chối nhận giải.

b. Khoảng cuối tháng 4-2001, tôi lại nhận được tin từ nước ngoài báo về : tôi được trao giải nhân quyền Hellman-Hammett của HRW. Sau khi tìm hiểu tổ chức này, tôi đã quyết định nhận giải.

Trong nửa tháng 7 và đầu tháng 8-2001, các ông Hữu Thỉnh, tổng thư ký hội Nhà văn (HNV), Nguyễn Trí Huân phó tổng thư ký HNV, Đỗ Kim Cường vụ phó vụ Văn nghệ ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương, Vũ Thiệu Loan, Hồ Anh Tuấn, chủ tịch, phó chủ tịch hội Văn nghệ Hải phòng, Nguyễn Viết Lãm, nhà thơ đã đến nhà tôi khuyên tôi đừng nhận giải.

Với tất cả các ông trên tôi đã trả lời như sau : Tôi nhận giải thưởng vì :

1- Nhân quyền là một vấn đề có mặt ở mọi nơi, mọi quốc gia, mãi mãi song hành cùng với nhân loại. Không một quốc gia nào trên thế giới có thể nói là mình đã giải quyết hoàn hảo vấn đề nhân quyền.

2- Đó cũng là mục tiêu mà Đảng, Chính phủ, Quốc hội nước ta hết sức quan tâm để thực thi ngày một tốt hơn. Trong

các nghị quyết của Đảng, Chính phủ luôn luôn có vấn đề dân chủ hoá đời sống xã hội, chìa khoá đưa đất nước tiến lên. Tình trạng mất dân chủ hiện nay là rất nghiêm trọng dẫn tới những hậu quả khôn lường, làm suy giảm lòng tin của nhân dân, cản trở sự phát triển của đất nước.

3- Giải thưởng là do những đảng viên đảng Cộng sản Mỹ gộp tài sản súng lập.

4- Tôi được tặng giải là do tập tiểu thuyết Chuyện kể năm 2000 của tôi, trong đó tôi thuật lại trung thực cuộc đời tù tội oan ức của tôi với một thái độ chân thành và xây dựng (tôi đảm bảo với ông rằng, 4 nhân vật : ông Trần, ông Hoàng và vợ chồng người tù không án là thực đến từng chi tiết), một bộ sách được đọc giả rất hoan nghênh nhưng lại bị thu hồi tiêu huỷ mà tôi luôn nghĩ đó là việc làm chưa được cân nhắc kỹ. Nếu đó là quyển sách phản động, chắc chắn tôi không nhận giải.

5- Người ta tặng giải cho tôi không kèm theo bất cứ điều kiện nào.

6- Tôi đã tuyên bố nhận giải, giờ đây tôi không thể phủ nhận.

### II. Về tiền thưởng kèm theo giải :

1. Khoảng cuối tháng 6 đầu tháng 7-2001, tiền thưởng đã hai lần được chuyển từ nước ngoài về tài khoản của tôi, nhưng tôi không nhận được (người ta gọi điện về tôi mới biết). Và họ đã đề nghị gửi ít một theo đường bưu điện nhưng tôi gạt đi vì quá phiền phức hơn nữa cũng rất khó đến tay tôi.

2- Trong khi gặp tôi, các ông Hữu Thỉnh, Nguyễn Trí Huân, Đỗ Kim Cường, Vũ Thiệu Loan, Nguyễn Viết Lãm đều khẳng định với tôi rằng tiền thưởng là của CIA. Trước những thông tin từ hai chiều trái ngược nhau, tôi tự thấy cần phải có thời gian xác minh, kết luận, không thể vội vàng hấp tấp.

Vì những lý do trên, tôi đã điện ra nước ngoài để nghị tạm hoãn việc chuyển tiền.

Thưa ông,

Đó là tất cả những gì xảy ra xung quanh việc tôi nhận giải thưởng của HRW.

Cho đến bây giờ tôi vẫn giữ nguyên nhận thức trên. Hơn nữa cho đến nay việc nhận giải của tôi đã được nửa năm, đó là chuyện đã qua, không ai nhắc đến nữa. Việc tôi từ chối nhận giải bây giờ không chỉ làm tổn hại đến danh dự của tôi mà chắc chắn nó còn gây phuơng hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà Nước. Và đây mới là điều tôi suy nghĩ hơn cả.

### 3- Về số tiền 50 triệu của thành phố Hải Phòng :

Tôi cũng có nghe nói thành phố Hải Phòng quan tâm đến tôi, có thể sẽ giúp đỡ tôi số tiền khoảng 50 triệu đồng. Khi nghe tin này tôi đã phát biểu : “ Nếu tôi được phép xin chính quyền làm điều gì đó thì đó không phải là tiền mà là xin chính quyền xét lại vụ án rõ ràng là oan sai của tôi. ”

Cho đến nay tôi chưa hề nhận số tiền đó.

### III. Về chuyến đi thăm và làm việc tại Trung Quốc tháng 9-2001 vừa qua :

Trong công văn hội Nhà văn VN gửi thành uỷ, Uỷ ban nhân dân, hội Văn nghệ thành phố Hải Phòng (mà tôi có nhận được bản sao lục) đề nghị ra quyết định và làm thủ tục xuất (xem tiếp trang 32)

Bàn thêm về

# những biện pháp chống lũ lụt

Văn Ngọc

Trong bài *Lũ lụt, tai họa được báo trước* (ĐĐ số 111, tháng 10-2001), tôi đã trình bày một số nhận xét về nguồn gốc của tai họa này, một mặt do thiên nhiên, một mặt do con người gây nên, và cũng đã bước đầu nêu lên một vài ý kiến khái quát về những biện pháp phòng chống lũ lụt, được chia làm hai loại : một loại là những giải pháp kỹ thuật và những công trình trị thuỷ ; một loại là những giải pháp thuộc lãnh vực qui hoạch và kiến trúc.

Hai loại biện pháp này, không mâu thuẫn với nhau, cũng như không loại trừ nhau. Không những thế, chúng luôn luôn bổ sung, hỗ trợ cho nhau : qui hoạch có nhiệm vụ đi trước dọn đường cho việc xây dựng ở những khu an toàn, cũng như cho việc bố trí các công trình trị thuỷ ở những nơi cần thiết. Ngược lại, có trị thuỷ tốt, mới có thể có được một tình trạng ổn định cho việc qui hoạch và xây dựng. Trong trường hợp có những sai lầm trong qui hoạch, thường phải tìm những giải pháp kiến trúc hay trị thuỷ thích ứng để tháo gỡ, v.v.

Tuy nhiên, hai loại biện pháp này khác nhau về tính chất, cũng như về chức năng.

Một đảng là những *giải pháp trị thuỷ*, chống lũ lụt một cách *triệt để* (radical), không cho lũ lụt có thể đạt tới mức gây thiệt hại được cho con người, cho vườn ruộng, mùa màng, gia súc, nhà cửa, cầu, đường, v.v.

Một đảng chỉ là những *giải pháp kiến trúc*, cục bộ, tạm thời, để người dân có thể sống an toàn *trong lũ lụt*, hoặc định cư một cách thường xuyên trong những vùng đồng sâu ngập nước, hoặc nữa, như trong trường hợp *lấn biển*, để xây những cụm quần cư, những làng xã, đô thị, trên sông, biển, v.v. Song, kiến trúc không thể nào làm được cái việc che chở cho đồng ruộng, mùa màng, v.v.

Với những biến động ngày càng bất thường của khí hậu, của lượng mưa, bão, v.v. do *hiệu ứng nhà kính* (ĐĐ số 111), sự phối hợp giữa hai loại biện pháp nêu trên lại càng cần thiết.

## Chống lũ lụt “ triệt để ”, hay “ sống chung với lũ lụt ” ?

Nói về những biện pháp chống lũ lụt “ triệt để ”, không thể nào không ưu tiên nghĩ đến những kỹ thuật trị thuỷ truyền thống, mà hiệu quả đã được chứng minh từ bao đời nay ở nước ta. Tuy nhiên, những kỹ thuật này cần được hiện đại hoá, và việc phòng chống lũ lụt, nói chung, cần được quan niệm với một qui mô rộng lớn hơn, để có thể triệt tận gốc những hậu quả của tai họa.

Những kỹ thuật và công trình trị thuỷ có thể được chia ra làm hai loại. Một loại có tác dụng *phân lũ, thoát lũ, khơi thông, hướng dẫn dòng chảy*, như : nạo vét lòng sông, đào sông nhân tạo, đào kênh, mương, hồ chứa nước ; xây cống, đập, trạm bơm, v.v. Một loại có tác dụng *ngăn chặn* nước lũ, như : đắp đê, xây bờ, kè, v.v.

Bàn về một giải pháp trị thuỷ “ triệt để ”, đương nhiên không thể nào không nghĩ đến qui mô to lớn của nó, đến những khả năng đầu tư về người và của để thực hiện (vẫn biết rằng dự án nào cũng có thể thực hiện từng bước một, qua từng giai đoạn), đến những khó khăn đủ loại sẽ gặp phải (cũng như trong tất cả những vấn đề qui hoạch ở một qui mô rộng lớn), và đương nhiên, không thể không tính đến sự lòi lỗ, hòn thiêt, giữa các giải pháp.

Nhìn vào thực trạng hiện nay, chúng ta thấy gì ?

Rõ ràng là nhà nước ta và nhân dân ta chỉ có một sự lựa chọn giữa hai hướng giải quyết :

- hướng thứ nhất là đầu tư người và của vào một **giải pháp trị thuỷ triệt để**, như đã nêu ở trên, với sự tham gia của nhà nước cùng với toàn dân, và biết đâu lại không được sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế ?

- hướng thứ hai là chấp nhận “ **sống chung với lũ lụt** ”, với tất cả những tác hại do tai họa này gây nên, gần như hàng năm, và rồi mỗi năm lại phải kêu gọi sự cứu trợ của đồng bào cả nước, hoặc của nước ngoài.

**Hướng thứ nhất** dựa trên một giải pháp tổng hợp những kinh nghiệm truyền thống với những tri thức khoa học và kỹ thuật hiện đại. Hiệu quả của nó tuỳ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố *dữ kiện* của từng lãnh vực, của từng bộ môn, vẫn là yếu tố cơ bản : từ những dữ kiện về kinh tế, về chiến lược phát triển cho từng vùng, đến những dữ kiện về khí tượng thuỷ văn, về lượng mưa, bão, về địa hình, địa lý, địa chất, v.v. Nói đến những dữ kiện về địa hình, địa lý, địa chất, không thể nào không nhấn mạnh đến sự tối cần thiết của những kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc tại chỗ, và nhất là những bản đồ cấu trúc địa chất, những hình chụp từ vệ tinh, v.v. Không thể nào có được những ý kiến tổng hợp, những phương án cụ thể và chính xác, nếu không có những tư liệu quý báu này.

Điều chắc chắn, là giải pháp trị thuỷ sẽ đem lại được sự an ninh và tiện nghi cho người dân, nhưng sẽ tốn kém, do qui mô rộng lớn của nó. Song, nhìn về lâu về dài, những tốn kém này sẽ được nhanh chóng đền bù lại, so với những tổn thất do lũ lụt gây nên, mà nhà nước và nhân dân phải gánh chịu, năm này qua năm khác.

**Hướng thứ hai**, là hướng hiện hành, từ nhiều năm nay. Điều này ai cũng biết. Tôi sẽ không có gì để nói thêm, nếu không là : thực tế “ **sống chung với lũ lụt** ” tai hại như thế nào, giờ đây đã quá rõ, và báo chí trong và ngoài nước cũng

đã nói đến nhiều rồi.

Chống lũ lụt là một sự lựa chọn vừa có tính chất kinh tế, lại vừa có tính chất xã hội. Ngoài ra, nó còn có khía cạnh *đạo đức* nữa. *Đạo đức*, chứ không phải là *nhân đạo* ! Tôi không tin rằng lòng nhân đạo có thể xoá bỏ được hậu quả của những tai họa thiên nhiên, cũng như có thể xoá bỏ được nghèo đói, bất công, v.v. Trong việc chống lũ lụt, nhân tố đạo đức mới là một trong những động cơ thúc đẩy người ta hành động, không phải chỉ để tự cứu lấy mình và cứu người khác. Chữ *đạo đức* ở đây đồng nghĩa với *yêu nước*, *yêu dân*, *yêu Tổ quốc* ; nó còn đồng nghĩa với *ý thức cộng đồng*, và nói rộng ra, *ý thức cách mạng*. Không có ý thức này thì làm sao có được sự tự nguyện, sự hy sinh, của biết bao nhiêu người đã xông ra mặt trận, hoặc đi đào sông, xé núi, để góp phần vào việc bảo vệ, hay phát triển đất nước ?

Chỉ cần nghĩ đến cảnh những người dân vùng lũ lụt, bỗng chốc bị mất hết cả của cải, nhà cửa, ruộng vườn, mùa màng, gia súc, rồi phải di dời đi nơi khác, không kế sinh nhai, không nơi trú ngụ, sống cơ cực giữa trời, trên những con lộ, con đê. Rồi những người dân ở những *vùng phân lũ*, ba tháng trong năm sống trong ngập lụt. Biết bao nhiêu vấn đề nan giải khác đặt ra cho những cư dân ở các vùng ngập sâu : từ vấn đề giao thông, di lại, ăn ở, sinh hoạt, đến các vấn đề văn hoá, giáo dục, y tế, vệ sinh, v.v.

Còn nói đến khía cạnh *nhân đạo*, là nói đến sự “cứu trợ”, sự “chia khổ” với đồng bào vùng lũ lụt. Nhưng làm sao mà cứu trợ được cả hàng chục ngàn hộ dân đã mất sạch cả tài sản trong chốc lát ? Thật ra, đôi khi sự cứu trợ này cũng chỉ có một ý nghĩa tượng trưng mà thôi. Cái đó chưa phải là ý thức cộng đồng, theo nghĩa tích cực của nó.

### Những phương án cụ thể cho DBSCL

Mỗi vùng lũ lụt ở Việt Nam, từ đồng bằng sông Hồng, qua dải đất miền Trung, đến đồng bằng sông Cửu Long, đều có những đặc điểm khác nhau về khí tượng thuỷ văn, về lượng mưa, về chế độ gió, bão, về địa hình, địa lý, địa chất, về sự phân bố các hoạt động kinh tế, cũng như về lề lối làm ăn, thói quen sinh sống của dân cư, v.v. Do đó, các giải pháp phòng chống lũ lụt cũng đều phải thích nghi với những đặc điểm này : ở nơi kia, việc khơi thông dòng chảy, đào sông, đào mương, là giải pháp thích ứng nhất ; ở nơi này, đó lại là việc đắp đê, đắp bờ, xây đập, xây cống, chằng hạn. Song, nói chung, các kỹ thuật trị thuỷ thường vẫn phải bổ sung cho nhau trên cùng một vùng đất đai. Khi đắp đê bao để *ngăn lũ*, chằng hạn, thì cũng phải xây cống, đập, và trạm bơm, để *thoát lũ*.

Về những giải pháp chống lũ lụt cho **đồng bằng sông Cửu Long**, hiện nay có hai phương án đáng chú ý. Hai phương án này đều cùng vận dụng một số nguyên tắc trị thuỷ truyền thống như : hướng dẫn, khơi thông dòng chảy, nạo vét lòng sông, đào sông nhân tạo, v.v. Song, cả hai đều được quan niệm với một qui mô khá đồ sộ. Phương án thứ nhất, là một công trình nghiên cứu cấp nhà nước của PGS Đào Công Tiến (Đại học Kinh tế TP. HCM). Phương án thứ hai là của TS Phạm Văn Quang, Phó Viện trưởng Viện Địa chất và Môi trường.

**Phương án thứ nhất**, tuy vẫn chấp nhận “sống chung với lũ lụt”, nhưng đã mạnh dạn đề ra một giải pháp tổng hợp, gồm một hệ thống công trình *kiểm soát lũ*, *ngăn lũ*, và *thoát lũ*, ngay từ đầu nguồn (đầu nguồn ở đây chắc phải hiểu là bắt đầu từ biên giới Việt Nam-Campuchia, bởi nếu không thì đầu

nguồn của sông Mê Kông nằm ở tít tận vùng núi Vân Nam, bên Trung Quốc). Lũ từ Campuchia tràn qua biên giới, vào từ giáp Long Xuyên và Đồng Tháp Mười, rồi được thoát ra vịnh Thái Lan. Ở đồng bằng, tác giả dự kiến một hệ thống công trình thuỷ lợi, gồm có : *dê bao*, *bờ bao* kiên cố, *cống*, *đập*, và *trạm bơm*, để đưa nước ra vào, khi lũ lớn. Một phần quan trọng của phương án đã dành cho việc nghiên cứu những vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường của vùng ngập lũ DBSCL (Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 30-9-01).

Phương án trên vừa có mặt táo bạo, “triết để”, nhưng cũng vừa có mặt linh động, thận trọng, và thiết thực. Nếu thật sự một tỷ lệ nào đó của lũ “tràn” qua biên giới, được *dồn* vào từ giáp Long Xuyên, rồi được *thoát* ra vịnh Thái Lan, thì xuống tới đồng bằng, chắc chắn cường độ của dòng lũ chính cũng sẽ giảm bớt đi được một phần nào. Tuy nhiên, *ngăn* được lũ, *dồn* được lũ về một phía, và *thoát* được lũ ngay từ đầu nguồn, không phải là một chuyện nhỏ. Nó đòi hỏi khá nhiều công trình thuỷ lợi trên một diện tích lớn, dọc theo một tuyến dài. Mặt khác, mặc dù lũ lụt có được giảm bớt đi đôi phần, song người dân vẫn phải “sống với lũ lụt”, vẫn phải bảo đảm chỗ ở và sinh hoạt an toàn, bảo vệ cho cây trái, mùa màng, v.v.

**Phương án thứ hai**, về cơ bản, cũng chủ trương *phân lũ* như phương án trên, nhưng ở đây tác giả có ý nghĩ độc đáo là đào một con sông nhân tạo, nối sông Sê Bang Hiêng ở Hạ Lào với sông Quảng Trị, để dẫn nước lũ từ thượng nguồn sông Cửu Long (Mê Kông) chảy ra biển Đông, qua khu vực Cửa Việt của tỉnh Quảng Trị. Như vậy sẽ giảm được lũ đổ về đồng bằng sông Cửu Long.

Phương án này không biết có khả thi hay không, nhưng quả là táo bạo ! Nó là kết quả của một công trình nghiên cứu công phu từ nhiều năm nay. Năm 1982, TS Quang là một nhà địa chất đi khảo sát miền Trung để lập bản đồ cấu trúc địa chất Việt Nam tỷ lệ 1:1.000.000. Năm 1992, khi tham gia nghiên cứu địa chất giúp Lào, xây dựng nhà máy thuỷ điện ở Nậm Thuen và ở cao nguyên Bôlôven, TS Quang đã có điều kiện tiếp xúc và lưu trữ được các tài liệu quốc tế về địa hình vùng Nam Lào. Sau khi trực tiếp khảo sát sông Mê Kông, thung lũng Nậm Thuen và khu vực đồng nam cao nguyên Bôlôven, ông xác định khả năng trị thuỷ sông Mê Kông bằng phương án trên. Theo ông, ở khu vực Khe Sanh - Quảng Trị, có một thung lũng thấp hẳn xuống. Nơi cao nhất của thung lũng này là đỉnh đèo Đa Thao, cao 230m so với mặt biển. Đất đá ở đây có độ kết cấu trung bình nên dễ đào. Do đó việc *xé núi*, *nối sông*, là chuyện có thể làm được. Lòng sông Sê Bang Hiêng lại cao hơn rất nhiều đối với thượng nguồn của sông Quảng Trị. Thượng lưu của sông Quảng Trị, chỗ gần làng Cát có độ cao 45m so với mặt biển. Trong khi thượng lưu của sông Sê Bang Hiêng ở làng Troại tỉnh Quảng Trị có độ cao trung bình 145-150m ; hạ lưu của con sông này, phía sông Mê Kông bên Lào, có độ cao từ 135-142m so với mặt biển. Muốn nước từ sông Mê Kông đổ vào sông Sê Bang Hiêng, ngoài việc phải đào sông nhân tạo từ làng Troại đến làng Cát, còn phải nạo vét lại lòng sông Sê Bang Hiêng để đổi dòng chảy cho con sông này. Theo tính toán của TS Phạm Văn Quang, lượng đất đá phải đào khoảng trên 1 tỉ mét khối, kinh phí đầu tư cho việc *xé núi*, *nghiêng sông* này, dự kiến gần 2 tỉ USD. Công trình sẽ làm giảm 1/3 lượng nước lũ tràn về đồng bằng sông Cửu Long.

Trong công văn số 4418/VPCP-NN ngày 13-10-2000, Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Phan Văn Khải đã giao trách

nhiệm cho Bộ Khoa học-Công nghệ và Môi trường, cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trực tiếp nghe TS Quang trình bày giải pháp trị thuỷ sông Mê Kông, để báo cáo cho Thủ tướng. Ngoài ra, một cuộc hội thảo với các nhà khoa học và quản lý đã được dự kiến tổ chức để nghe tác giả trình bày về dự án này.

Điều có thể nêu lên nghi vấn trong dự án này, trước hết là khoảng cách khá xa giữa chỗ gặp nhau của con sông Sê Bang Hiêng - mà thượng nguồn ở trong dãy Trường Sơn - và con sông Mê Kông, với đồng bằng sông Cửu Long. Đoạn sông Mê Kông tính từ khúc này xuống tới biên giới Campuchia-Việt Nam dài trên 1000km và nằm sâu trong lãnh thổ Lào và Campuchia. Tôi không biết tình hình cộng tác giữa Việt Nam và bốn nước láng giềng, “cùng chung một dòng sông” : Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia, trong việc quản lý sông Mê Kông hiện nay ra sao ? Đã có một chiến lược chung về trị thuỷ sông Mê Kông chưa, để cho phép cả năm nước đều có thể phối hợp theo dõi và kiểm soát tình hình thực hiện và quản lý những công trình trị thuỷ ở trên suốt dọc sông ? Hay là vẫn “mạnh ai nấy làm” trên lãnh thổ của mình, như Trung Quốc đã xây cả 7 cái đập khổng lồ trên thượng nguồn sông Mê Kông, chủ yếu là để sản xuất điện, mà không tham khảo ý kiến của một ai ? Theo các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền về các vấn đề môi trường, và phát triển nông thôn : TERRA, ADB, v.v. (*Con khủng long trên sông Mê Kông*, Tạp chí Tia Sáng, Bộ KH-CN&MT, số tháng 7-2001), thì những đập này là một nguồn tai họa rất lớn cho các nước láng giềng, từ Thái Lan, Lào, Campuchia, đến Việt Nam. Nó sẽ tác động đến môi sinh, gây ô nhiễm nguồn nước, tăng thêm các vùng ngập lụt, giảm thiểu trữ lượng cá, v.v. và đặc biệt sẽ tác động đến nguồn nước cho vùng Biển Hồ ở Campuchia, và cho lượng phù sa ở DBSCL.

Mặt khác, đào một con sông nhân tạo xuyên ngang qua dãy Trường Sơn, mặc dù ở địa điểm một thung lũng không quá cao (đèo Đa Thao cao 230m), chiều dài phải đào qua núi đá ở chỗ này, chưa biết là bao nhiêu. Và đâu chỉ có việc xé núi, đào sông, mà thôi ! Ngoài ra, từ chỗ gặp của sông Mê Kông với con sông Sê Bang Hiêng (nối với sông Quảng Trị) ra đến biển Đông (Cửa Việt) cũng phải hơn 100km. Đoạn nối giữa hai con sông, theo đường chim bay, ít nhất cũng phải trên dưới 50km. Nạo vét lòng sông Sê Bang Hiêng cho nó có đủ độ dốc để nhận được nước của sông Mê Kông, rồi đổ vào sông Quảng Trị, quả là một điều khó tưởng tượng, và không phải là một việc nhỏ, bởi vì thượng nguồn của sông Sê Bang Hiêng ở trên dãy Trường Sơn, cho đến nay chảy về phía tây, bây giờ bắt nó chảy ngược về phía đông ! Kinh phí để thực hiện phương án này có thể nhiều gấp đôi, gấp ba dự kiến, và thật ra chỉ có thể tính toán được một cách chính xác khi có một *tiên dự án* tương đối hoàn chỉnh. Đại bộ phận con sông Sê Bang Hiêng lại nằm trên lãnh thổ Lào, công trình này nếu có tính khả thi và được cả hai nước Lào và Việt Nam chấp nhận (với sự đồng ý của ba nước láng giềng kia), thì sẽ là công trình của ít nhất hai nước cộng tác với nhau để nghiên cứu, thiết kế, và thực hiện.

Về mặt kỹ thuật, cũng như về mặt kinh phí, phương án thứ nhất tỏ ra hợp lý hơn, “khả thi” hơn và dễ thực hiện hơn. Mặc dù, nếu thực hiện được cả hai phương án, thì sẽ làm giảm đi được một tỷ lệ đáng kể khối lượng nước lũ từ đầu nguồn đổ về DBSCL. Từ trước tới nay, sông Cửu Long từ biên giới Việt Nam-Campuchia chảy về đồng bằng theo hai con sông Tiên và sông Hậu, rồi đổ ra biển Đông. Ý kiến phân lũ bằng cách dồn

một phần lũ qua tứ giác Long Xuyên ra vịnh Thái Lan, là một ý kiến rất lô gích và khả thi, vì dẫu sao thì những công trình thuỷ lợi như đê bao, cống, đập, hồ chứa nước, kênh, mương, trạm bơm, v.v. thực hiện ở khu vực này, trên một địa hình đồng bằng, không có núi, cũng tương đối thuận lợi.

Tuy nhiên, để có thể lấy được quyết định thực hiện, hay không thực hiện, những phương án có qui mô to lớn như hai phương án trên, cần phải biết chắc chắn về tính *khả thi*, hay *bất khả thi*, của chúng, một cách khoa học. Mà muôn như vậy, trước đó cần có một *tiên dự án* chi tiết, với những chứng cứ, số liệu, sơ đồ, và mô hình chính xác. Với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật ngày nay, nhất là về công nghệ điện tử, có thể từ những dữ liệu có được, qua khảo sát và điều tra, thiết lập những mô hình ảo, để kiểm nghiệm hiệu quả về mặt kỹ thuật của phương án, chẳng hạn như để biết được khả năng phân lũ, giảm lũ, đến mức nào, từ đâu thì hiệu suất cao nhất, v.v. Ngoài ra, *tiên dự án* này phải được xem xét, nghiên cứu và thảo luận bởi các nhà chuyên môn, không những chỉ về mặt kỹ thuật, mà còn về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường, v.v. trước khi trình bày lên những người có thẩm quyền quyết định.

Dẫu sao, cả hai phương án chống lũ lụt cho DBSCL được nêu ở trên, đều chứa đựng nhiều yếu tố tích cực, nhiều ý tưởng táo bạo, có thể khai thác để tìm ra những giải pháp thích ứng khác, trong cùng hướng suy nghĩ đó, và có thể áp dụng được cả cho đồng bằng sông Hồng, và dải đất miền Trung.

Ở miền Trung, lũ lụt chủ yếu do lượng mưa, độ dốc của sườn núi Trường Sơn và hệ thống sông ngòi quá ngắn, quá hẹp. Ở đây, có thể áp dụng cả hai phương thức : đắp đê, đắp bờ, và khơi thông, hướng dẫn dòng chảy, bằng cách cơi rộng và nạo vét các lòng sông để giảm độ dốc và đào sông nhân tạo ở những nơi thích ứng nhất, để chia lũ, thoát lũ ra biển Đông.

Ở đồng bằng sông Hồng : việc khơi thông, hướng dẫn các dòng chảy, đào sông, hồ nhân tạo, đào kênh, mương, xây đắp đê bao, xây cống, đập, cũng là những giải pháp thích ứng. Mặc dù không có đủ tài liệu chính xác để đi vào chi tiết, nhưng tôi cũng mạnh dạn nêu lên một thí dụ : *vùng phân lũ sông Hoàng Long*, chẳng hạn. Sông Hoàng Long, bắt nguồn từ vùng núi Hoà Bình, chảy vào sông Đáy ở Gián Khẩu, mà sông Đáy lại vừa chịu ảnh hưởng của lũ sông Hồng, vừa chịu ảnh hưởng của thuỷ triều ở Cửa Gián Khẩu, nên hàng năm gây nên ngập lụt cho cả một vùng hai huyện Nho Quan và Gia Viễn (17.400 ha, trong đó có 8.600 ha canh tác, 11.500 hộ nhà ở bị ngập sâu trong nước khi có lũ lớn - dựa theo bài viết của ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Sở KH,CN&MT tỉnh Ninh Bình, *Vùng phân lũ sông Hoàng Long*, Tạp chí Hoạt Động Khoa Học số 2/2000). Hướng dẫn dòng chảy, để cho sông Hoàng Long không chảy vào sông Đáy nữa, mà chảy thẳng ra biển Đông, phải chăng là một giải pháp thích ứng?

Bản thân sông Hồng và một vài con sông lớn khác ở đồng bằng Bắc bộ, là những nguồn tai họa rất lớn về lũ lụt, cần có những biện pháp khơi thông, phân dòng, tương tự : đào sông nhân tạo, nạo vét lòng sông, đào kênh, mương, xây đắp thêm đê bao, cống, đập, và trạm bơm, v.v. Những công trình trị thuỷ này, ngoại trừ một số nằm ở thượng nguồn, còn thì chủ yếu nằm ở hạ lưu các con sông, nơi vùng đồng bằng gần biển, tuy đòi hỏi một sự đầu tư đáng kể về nhân lực, máy móc, v.v. do qui mô của chúng, song đều là những công trình cổ điển, tương đối kinh tế và dễ thực hiện.

Văn Ngọc

## **Hiện đại hóa... (tiếp theo trang 1)**

yếu. Nhưng kinh nghiệm hai mươi năm qua là một bài học đắt giá: chúng ta càng tự nhận thông minh không kém bất kỳ ai thì càng tụt hậu dài dài trong nhiều lĩnh vực khoa học, giáo dục, ngay cả so với những nước chẳng phải xuất sắc gì trên thế giới. Nói ra đúng túi hổ nhưng là sự thật, chỉ có các học vị, học hàm rồng, những tiến sĩ, viện sĩ giấy ? những chức vị hư danh thì không nước nào trên thế giới sản xuất nhanh, nhiều, rẻ bằng ta. Mà khi những thứ này tràn ngập xã hội thì còn chõ đau cho trí tuệ chân chính phát triển.

Với một nền giáo dục yếu kém, chắc chắn kinh tế sẽ mất sức cạnh tranh. Các nước ASEAN vừa qua đã nhận định đúng đắn rằng vấn đề trung tâm hiện nay là nâng cao chất lượng và trình độ nhân lực. Dĩ nhiên muốn thực hiện điều này không có cách nào khác là nâng cấp, hiện đại hóa giáo dục, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn kinh tế tri thức.

### **2. Giáo dục trong thế kỷ 21**

Như vậy, hiện đại hóa giáo dục là nhiệm vụ cấp bách nếu chúng ta không muốn bị thua thiệt khi hội nhập và cạnh tranh quốc tế. Vấn đề là hiện đại hóa như thế nào và bằng cách nào ?

Để trả lời câu hỏi này trước hết cần hình dung những nét chính, những yêu cầu của đời sống trong xã hội văn minh ở thế kỷ 21.

Như đã rõ, xu hướng chung của thế giới ngày nay là tiến tới toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, dựa trên nền tảng sáng tạo khoa học và công nghệ. Đó là một thế giới đang trong quá trình thay đổi cực nhanh, cả về cuộc sống vật chất và văn hóa, theo từng đợt sóng cách mạng công nghệ liên tiếp, dồn dập như trước đây chưa hề thấy, dễ dàng bỏ lại hay nhận chìm các quốc gia không vượt được, không thích ứng nổi, hoặc thích ứng chậm với những đợt sóng ấy. Về phương diện liên quan trực tiếp đến giáo dục, đợt sóng mới về công nghệ thông tin, đặc biệt là số hóa và đa truyền thông không dây, sẽ có ảnh hưởng lớn lao đến quá trình phổ biến, tiếp thu... xử lý vận dụng và sáng tạo tri thức. Cho nên nói đến giáo dục thế kỷ 21 là nói đến một nền giáo dục đặt trên cơ sở thích ứng với những điều kiện, khả năng và nhu cầu phát triển đó của xã hội mới.

Đối với dân tộc ta, muôn thực hiện các mục tiêu cơ bản : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cũng không thể tách rời các xu thế chung của thời đại.

Trong bối cảnh đó, nhiều người khi nói tới hiện đại hóa giáo dục, thường chỉ nghĩ đến việc vận dụng các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, trong giảng dạy và học tập. Điều này đương nhiên quan trọng, song cái chính chưa phải ở đó. Cái chính là thay đổi tư duy giáo dục, xác định lại quan niệm về mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường, từ đó thay đổi cung cách dạy, học, và phương pháp, nội dung tổ chức và quản lý giáo dục, nhằm xây dựng một nền giáo dục phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội và cuộc sống trong kỷ nguyên kinh tế tri thức.

Trong thời đại mà cơ may tồn tại và phát triển của các quốc gia dựa trên sự thông minh, tài trí của cộng đồng nhiều hơn là

của cải, tài nguyên sẵn có, phương châm giáo dục không còn là cung cấp bùi bối, nhồi nhét càng nhiều kiến thức càng tốt, mà là rèn luyện khả năng tư duy, khả năng thích ứng mau lẹ, rèn luyện đầu óc và nhân cách, để có những con người ném vào hoàn cảnh nào cũng xoay xở và vươn lên được, tự khẳng định mình đồng thời thúc đẩy cộng đồng tiến lên. Trước đây, nhà trường thường chăm chú đào tạo những lớp người theo những khuôn mẫu nhất định, ngoan ngoãn và cẩn mẫn làm việc theo những ước lệ và định chế sẵn có, quen được dẫn dắt, bao cấp, làm theo hơn là độc lập suy nghĩ và tự chịu trách nhiệm. Những mẫu người như thế không thể là mục tiêu đào tạo của nhà trường khi bước sang thế kỷ 21. Đương nhiên, thời nào xã hội nào cũng cần những con người có nhân cách : trung thực, thẳng thắn, nhân ái, v.v., nên nhà trường không thể vùi vào cớ thời đại khoa học công nghệ mà lơ là việc rèn luyện các tác phong đạo đức cơ bản đó. Song điều đáng nói ở đây là ngoại các phẩm chất đó, xã hội hiện đại còn cần những con người có cá tính, biết giao tiếp và hợp tác, có tư duy cởi mở với cái mới, thích dấn thân, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm, không ngại trả giá để có những thành công lớn, và nhất là phải có đầu óc sáng tạo, yếu tố then chốt thúc đẩy xã hội tiến lên trong kỷ nguyên mới.

Trên quan điểm tổng quát đó, giáo dục ở thế kỷ 21 sẽ phải đặc biệt chú ý những vấn đề chính sau đây.

1. Trong thời kinh tế tri thức, đương nhiên tri thức là quan trọng, nhưng như trên đã nói, yếu tố quyết định sức sống và vươn lên của một cộng đồng là khả năng sáng tạo, mà muốn sáng tạo thì chỉ có tri thức thôi chưa đủ, còn phải có đầu óc tưởng tượng. Tri thức mà thiếu trí tưởng tượng thì không thể sử dụng linh hoạt và dễ biến thành tri thức chết, tri thức không phát triển được. Có tri thức mà thiếu đầu óc tưởng tượng thì chỉ có thể làm theo, bắt chước, không nghĩ ra được ý tưởng mới, mà trong xã hội ngày nay, dù là lĩnh vực kinh doanh, khoa học, công nghệ hay văn hóa, nghệ thuật, không có ý tưởng mới có nghĩa là vô vị, nhảm chán, không có sức thu hút, không đủ sức cạnh tranh. Thật không có gì tai hại hơn cho xã hội bằng chứng bệnh xơ cứng tư duy. Do đó giáo dục ở thế kỷ 21 không thể chỉ coi trọng tri thức mà còn phải chú ý rèn luyện trí tưởng tượng, làm cơ sở cho tư duy sáng tạo.

Ngay từ tuổi nhỏ học sinh phải làm quen độc lập suy nghĩ, tập nghiên cứu, sáng tạo, tập phát hiện và giải quyết vấn đề, hơn là học thuộc lòng và nhồi nhét kiến thức (vì thế phải bót giờ nghe giảng thụ động, tăng các hình thức dự án, khóa luận, tham luận, v.v.). Đặc biệt đại học càng phải coi trọng đầu óc, phong cách và kỹ năng nghiên cứu khoa học hơn bao giờ hết.

Đối với nước ta, phương châm này còn đáng chú ý thêm một bậc nữa vì dân ta vốn quen sao chép quá nhiều, trong hàng nghìn năm lối học tâm chương trích cũ đã hạn chế ngặt nghèo trí tưởng tượng của ông cha ta. Chỉ trừ trong đấu tranh chống ngoại xâm, còn trên mọi lĩnh vực khác, về triết học, tư tưởng, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, kinh tế, phải nhận rằng trí tưởng tượng Việt Nam không thuộc loại xuất sắc trên thế giới. Đó là điểm yếu, rất yếu của chúng ta, nếu giáo dục (và không phải chỉ giáo dục) không chú ý sớm khắc phục thì xã hội khó mà tiến nhanh được.

2. Công bằng, dân chủ là xu hướng của xã hội tiến bộ hiện đại, dù cho cách hiểu và cách thực thi còn nhiều điểm khác nhau tùy mỗi nước. Trong giáo dục công bằng, dân chủ có nghĩa là bảo đảm cho mọi công dân quyền bình đẳng về cơ hội học tập và cơ hội thành đạt trong học vấn. Bước vào kinh tế tri thức, đó không chỉ là một nguyên tắc đạo đức, đó còn là điều kiện tối cần thiết để bảo đảm sự phát triển của xã hội. Vì chỉ khi có công bằng, dân chủ trong giáo dục, chỉ khi mọi người, dù giàu nghèo, sang hèn, đều có cơ hội học tập và thành đạt ngang nhau khi đó tiềm năng trí tuệ của xã hội mới được khai thác hết. Trên thực tế điều đó có nghĩa là không để cho bất cứ ai chỉ vì nghèo khó mà không được học đến nơi đến chốn theo sở nguyện. Phải nói rằng từ mấy chục năm trước, dù còn khó khăn gian khổ nhưng nền giáo dục Việt Nam vốn rất tiên tiến về mặt này. Thật trớ trêu là hơn chục năm nay, từ khi nêu cao định hướng xã hội chủ nghĩa thì giáo dục của chúng ta ngày càng xa rời công bằng và dân chủ, đi ngược lại xu thế của thời đại, đi ngược lại lý tưởng cao quý của xã hội mà chúng ta đang hướng tới. Một thực tế rõ ràng là con em các tỉnh miền núi, các vùng nông thôn, hay con em nhà nghèo ở thành thị, đi học đã khó mà học lên cao càng khó hơn. Với chế độ học tập buộc phải học thêm ngoài giờ rất nhiều, phải đóng góp nhiều khoản tốn kém ngoài học phí, hàng năm phải mua sắm sách giáo khoa mới với chế độ đánh giá và thi cử tốn kém kỳ quặc bậc nhất trên thế giới như hiện nay, nhà trường của ta đã vô tình gạt ra ngoài cả một lớp trẻ thiểu may mắn vì trót sinh ra trong những gia đình nghèo hoặc không ở thành phố. Báo chí đã phản ánh quá đủ tình cảnh đáng thương của những trẻ em ham học mà chỉ vì thiếu tiền nên không thực hiện nổi mơ ước, dù chỉ là mơ ước rất khiêm tốn.

3. Tùy theo cá tính, mỗi con người có những sở thích, sở trường, sở đoản riêng, sự đa dạng ấy làm nên cuộc sống phong phú và làm mảnh đất này nở tài năng sáng tạo. Cho nên giáo dục phải phóng khoáng, không hạn chế, hay kìm hãm mà trái lại phải tôn trọng, phát triển cá tính, và muốn thế không thể gò bó mọi người trong một kiểu đào tạo như nhau, một hướng học vấn như nhau, mà phải mở ra nhiều con đường, nhiều hướng, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho thế hệ trẻ phát triển tài năng, đồng thời cho phép họ dễ dàng chuyển sang con đường khác khi thấy sự lựa chọn của mình chưa phù hợp. Chẳng hạn, vẫn đề phân ban ở trung học phổ thông mà trước đây ba năm đã thành đề tài rất sôi nổi. Vừa qua có nhiều phản ứng gay gắt với cách phân ban của Bộ Giáo dục - Đào tạo chủ yếu vì cách làm không tính đến điều kiện cụ thể trong nước và quan niệm phân ban còn theo lối cũ, sinh ra mâu thuẫn với yêu cầu giáo dục phổ thông. Chú thật ra, ở vài năm cuối trung học, nhu cầu cá biệt hóa việc học để tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho lớp trẻ cần phải được chú ý giải quyết thỏa đáng. Vấn đề là tổ chức quá trình giảng dạy như thế nào để làm tốt việc đó, để không hại đến yêu cầu học vấn phổ thông, đồng thời không cứng nhắc đến mức đã lỡ chọn ban nào rồi thì cứ thế phải theo ban đó cho đến hết, không thể thay đổi nửa chừng... nếu thấy chưa thích hợp.

4. Cho đến giữa thế kỷ 20, các nước công nghiệp đều thực thi giáo dục tiểu học bắt buộc; từ giữa thế kỷ 20 họ chuyển sang trung học bắt buộc. Còn đại học thì cho đến những năm 70 thế kỷ trước, vẫn còn dành riêng cho một thiểu số có tài

năng để đào tạo thành tầng lớp chuyên gia cao cấp : kỹ sư, bác sĩ, giáo sư. Sau đó dần dần đại học mở rộng cửa, đón đông đảo thanh niên, và từ vài chục năm nay đã chuyển sang đại học cho số đông, cho đại chúng, rồi gần đây đã trở thành phổ cập ở nhiều nước phát triển. Ngay những nước công nghiệp mới cũng đã thực hiện đại học cho số đông và đang tiến tới phổ cập. Sở dĩ như vậy là do khoa học công nghệ tiến nhanh, một mặt các ngành hoạt động kinh tế ngày càng yêu cầu lực lượng lao động phải có trình độ cao mới bảo đảm hiệu quả và năng suất, mặt khác trình độ văn minh hiện đại cũng đòi hỏi mọi thành viên trong cộng đồng phải có học thức cao mới hưởng thụ được đầy đủ cuộc sống của bản thân đồng thời góp vào sự phát triển của cộng đồng. Rất rõ ràng xã hội văn minh ngày nay đang tiến đến chỗ trình độ học thức hai năm đầu của đại học trở thành cần thiết cho mọi người, giống như trình độ học thức tiểu học cách đây một thế kỷ. Vì vậy, phải tiến tới mở cửa đại học cho số đông, rồi cho tất cả mọi người trong độ tuổi, đó là xu thế của giáo dục ở thế kỷ 21. Xu thế này tất yếu sẽ đưa đến những thay đổi lớn về quan niệm cũng như tổ chức, quản lý giáo dục đại học mà đặc điểm chủ yếu là sẽ rất uyển chuyển và đa dạng.

Hiện nay giáo dục của ta còn nhiều khó khăn, chủ yếu vì sử dụng quá lãng phí các nguồn lực cho nên ngay đến phổ cập trung học phổ thông xem ra cũng còn là mục tiêu xa vời. Thế mà đã có tiếng kêu thưa thầy thiêng thợ, hàm ý quá nhiều người tốt nghiệp đại học mà không có mấy công nhận kỹ thuật. Thật ra, cả thợ và thầy đều thiếu. Ngay cả thầy thợ của ta đào tạo thật đúng chất lượng thì cũng vẫn thiếu, cái sự thưa ấy chẳng qua là do quan niệm về thầy, thợ. Dù thế nào, muốn hội nhập quốc tế mà không thua thiệt, phải mau chóng tăng số năm học trung bình của lực lượng lao động, dần dần đuổi kịp các nước trong khu vực (Thái Lan có lực lượng lao động với học thức trung bình hơn ta, thế mà mấy năm gần đây vẫn mất nhiều cơ hội thu hút đầu tư của nước ngoài, thì ta càng phải lo lắng hơn).

5. Trong khi nâng cao dân trí, mở rộng cửa nhà trường, kể cả đại học, cho đông đảo người dân, thì giáo dục không thể coi nhẹ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhân tài. Trước lại, phải rất chú trọng tài năng, khắc phục bình quân và trung bình chủ nghĩa vốn là nhược điểm thường thấy ở các nước nghèo. Xưa nay sự hưng thịnh của các quốc gia một phần rất quan trọng, nếu không nói là quyết định, là do bồi có nhiều tài năng xuất chúng được nâng niu, nuôi dưỡng và được tạo điều kiện phát triển đến tận cùng. Tài năng quan trọng cho xã hội hiện đại đến mức số lượng và chất lượng người tài được đào tạo là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá hiệu quả giáo dục. Cho nên, hệ thống giáo dục, đặc biệt là đại học, phải có biện pháp hữu hiệu để đào tạo nhiều người tài, hơn nữa xã hội phải được tổ chức như thế nào để tài năng không tàn lụi sớm mà được khuyến khích phát triển ngày càng cao. Thật ra, đó là truyền thống đã có từ xưa ở nhiều nước, chẳng qua trong thời đại kinh tế tri thức, nhu cầu về tài năng sáng tạo càng bức bách hơn bao giờ hết cho nên truyền thống đó được tiếp tục nâng lên và phát triển. Muốn giành ưu thế trong cạnh tranh, mỗi nước đều có biện pháp và chính sách đặc biệt xây dựng đội ngũ lao động sáng tạo tài năng trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, kinh doanh, quản lý. Thậm chí còn tìm mọi

cách thu hút người tài từ các quốc gia khác. Kinh nghiệm các nước phát triển cho thấy giáo dục càng công bằng, dân chủ, số người được học càng đông, thì trong số đông đó càng dễ chọn được nhiều người tài xuất sắc. Cho nên công bằng dân chủ trong giáo dục không những không mâu thuẫn với việc chú trọng tài năng, mà còn là cơ sở để đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước. Cả ba mục tiêu về dân trí, nhân lực và nhân tài của giáo dục là thống nhất, không thể tách rời và càng không thể đổi lặp cái nọ với cái kia.

6. Trong thời đại khoa học, công nghệ tiến nhanh như ngày nay, không ai có thể thỏa mãn với vốn kiến thức đã có của mình. Mọi người đều cần học tập, học thường xuyên, học suốt đời, cho nên giáo dục thường xuyên (ngoài học đƣờng) phải không ngừng mở rộng cả về phạm vi, quy mô, hình thức, đối tượng, và sử dụng những phương tiện kỹ thuật tiên tiến nhất. máy tính, Internet, đa truyền thông không dây, để cho ai, ở đâu và bất cứ lúc nào cũng có thể học được dễ dàng và có hiệu quả. Đáng chú ý là ở nhiều nước chi phí của xã hội cho giáo dục thường xuyên đã ngang bằng, thậm chí vượt cả chi phí cho giáo dục theo trường lớp truyền thống.

Để thể hiện xã hội học tập, thì ngay từ nhà trường phổ thông, phải giáo dục lòng ham mê tri thức và rèn luyện thói quen tự học, tự đọc, tự tham khảo sách báo, tư liệu, v.v.. Phải bớt đi những giờ giảng trên lớp, tăng giờ tự học ở lớp dưới sự giám sát và giúp đỡ của thầy giáo (chứ không phải tăng bài làm, bài học ở nhà, vì như thế con em các gia đình có văn hóa cao và có hoàn cảnh lao động phù hợp sẽ được bố mẹ hướng dẫn, thậm chí làm hộ, còn con em các gia đình mà bố mẹ phải đi làm đêm hoặc văn hóa thấp sẽ gặp khó khăn, tạo ra bất công). Đồng thời tăng bài làm độc lập ở nhà dưới hình thức tự đọc, làm dự án, khóa luận, v.v. là những việc mà người lớn không thể hay khó làm hộ.

7. Đặc điểm dễ thấy nhất của giáo dục thế kỷ 21 là sử dụng rộng rãi Internet, công nghệ thông tin trong mọi khâu giáo dục, từ nội dung cho đến phương pháp, tổ chức. Lý do dễ hiểu là vì một mặt công nghệ thông tin đã len lỏi vào mọi hoạt động kinh tế và đời sống trong xã hội hiện đại, khiến cho hiểu biết tối thiểu về tin học trở nên cần thiết cho mọi người, và mặt khác, máy tính, Internet, viễn thông, truyền thông không dây, đã trở thành những công cụ có thể hỗ trợ đắc lực việc giảng dạy và học tập theo các yêu cầu nêu trên. Hiện nay không phải ai cũng nhận thức được tầm quan trọng của các phương tiện kỹ thuật này đối với giáo dục, cho nên đầu tư cho lĩnh vực này thường chưa đủ mức tối hạn cần thiết và không đồng bộ để có thể phát huy đầy đủ tác dụng. Hơn nữa lĩnh vực này lại tiến quá nhanh, nếu không nhìn xa trông rộng thì có nguy cơ tổn kém nhiều mà vẫn luôn bị lạc hậu.

8. Cuối cùng, muôn đem lại những thay đổi lớn trong giáo dục thì trước hết phải thay đổi cách quản lý giáo dục. Trong kinh tế tri thức, phát huy sáng kiến chủ động của mọi người là điều kiện cần thiết để tăng hiệu quả của mọi tổ chức. Điều đó càng đặc biệt đúng với các tổ chức giáo dục mà nhiệm vụ trực tiếp liên quan việc đào tạo con người. Vì vậy, bản thân hệ thống tổ chức, quản lý giáo dục cần phải được phi tập trung hóa, các cơ sở giáo dục, nhất là các đại học, phải được trao

quyền tự chủ rộng rãi, về nội dung chương trình, về tổ chức, kế hoạch, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Hệ thống đó cần được cải tổ thành mạng lưới vận hành theo cơ chế mạng, tận dụng các tri thức khoa học và phương tiện kỹ thuật về quản lý mạng, để tăng hiệu quả quản lý, phù hợp với xu hướng và yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại. Quản lý giáo dục cũng tức là quản lý các hoạt động làm nền tảng phát triển trí tuệ, phát triển năng lực sáng tạo của xã hội, cho nên càng cần thiết phải hiểu biết những đặc điểm của loại hoạt động này để quản lý một cách thật sự thông minh, phát huy được trí tuệ của cả cộng đồng.

### 3. Chúng ta cần làm gì trong thập kỷ tới ?

Trên đây tôi đã phác họa, theo hiểu biết của tôi, một số yêu cầu chính của giáo dục trong thế kỷ 21. Vì phải tập trung thảo luận về quan niệm và xu thế, tôi chưa thể bàn kỹ về cách thực hiện các quan niệm, tư tưởng đó trong chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy. Còn rất nhiều vấn đề cần bàn, nhưng tựu trung cũng chỉ xoay quanh trực chính là làm sao bảo đảm xây dựng một xã hội năng động, đầy sức sống, có sức cạnh tranh cao, dựa trên tài năng sáng tạo khoa học và công nghệ, và hướng tới, chứ không đi ngược lại văn hóa.

Soi lại tình hình Việt Nam, chúng ta có thể và cần làm gì để hội nhập nhanh nhất và thuận lợi nhất vào trào lưu chung đó? Rõ ràng không thể yên trí với con đường mòn mà ta đã đi từ hàng chục năm nay, mà phải thay đổi hẳn tư duy, chuyển sang con đường mới bằng những bước đi thích hợp. Trước hết trong vài ba năm tới cần gấp rút chấn hưng giáo dục, kiên quyết loại trừ những xu hướng tiêu cực lạc hậu, bệnh hoạn đang làm biến chất giáo dục. Phải giải quyết bằng được ba vấn đề nhức nhối kinh niêm, mà cũng là biểu hiện rõ nét nhất tính chất lạc hậu của giáo dục :

- 1 - Thi cử và đánh giá ;
- 2 - Dạy thêm, học thêm tràn lan, luyện thi vô tội vạ ;
- 3 - Biên soạn, xuất bản và sử dụng sách giáo khoa.

Mục tiêu chấn hưng là nhằm đưa giáo dục trở lại quỹ đạo lành mạnh đúng đắn, tăng hiệu quả giáo dục, nói đúng hơn là khắc phục lãng phí để sử dụng tốt hơn các nguồn lực phát triển giáo dục, hướng nhà trường nhích dần đến yêu cầu hội nhập quốc tế và xu thế kinh tế tri thức, chuẩn bị điều kiện tiến lên cải cách toàn diện, mạnh mẽ ở giai đoạn sau. Cải cách là việc lớn cần phải có kế hoạch nghiên cứu chu đáo, chuẩn bị tỉ mỉ và phải được thực hiện mạnh mẽ, kiên quyết nhưng không vội vã. Đặc biệt quan trọng là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Nhà nước và sự hưởng ứng, tham gia của toàn xã hội.

Xưa nay trí tuệ Việt Nam đã qua nhiều thử thách lớn trong công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, và đã chiến thắng vẻ vang nhiều kẻ địch hùng mạnh. Tuy nhiên tiềm năng trí tuệ ấy chưa được đánh thức trong xây dựng hòa bình. Hãy thông qua cải cách giáo dục đánh thức cái tiềm năng ấy, đó là trách nhiệm lịch sử nặng nề của thế hệ chúng ta khi bước vào thế kỷ 21.

**Hoàng Tụy**

(trích theo *Nhân Dân điện tử* ngày 14.10.2001)

# Một chút Khuất Nguyên

Nguyễn Quang Thân

Một giáo sư đạo cao đức trọng được chúng tôi coi là một trong những con khủng long cuối cùng của giới trí thức hiện nay, ngồi bên ấm trà nhài, tâm sự với tôi và mấy bạn nhà văn. Ông nói : “ Cánh nhà văn các ông hiện đang mê viết tạp bút. Sự lập ngôn xưa nay đã được cha ông tổng kết rồi. Phàm miệng nhà quan không gang cũng thép. Còn các ông là gì ? Miệng của các ông thì chắc không thể là gang cũng không thể là thép. Ngay đặt bút xuống hay bắt đầu gõ máy tính, các ông cũng đã tự nhận là “ tạp ” rồi. Gõ tạp thì không đóng đồ tốt được. Nhưng cũng có thể làm cùi. May ra, nếu có tâm với dân với nước thì ngồi bút các ông cũng “ đám được mấy thằng ” tham nhũng như cụ Đô Chiểu từng nói. Chí ít ra thì nó cũng đừng như nén bạc, đám toạc tờ giấy. Tôi thấy sự đời thật khó nên rất thông cảm với các ông. Vì khó lầm, khó lầm. Hôm nay được dãi trà ngon, tôi biếu các ông câu chuyện khó của tôi để các ông tính đường mà viết lách ! ”. Ông kể câu chuyện khó của ông :

Tôi có một thằng cháu là một quan chức trong ngành kinh tế. Cháu cũng là sáng lập viên, đạo diễn một công ty hữu hạn (tất nhiên để vợ đứng tên) và rất giàu có. Tuy lương bổng và việc kinh doanh hiện nay của cháu tôi chỉ có Trời mới biết rõ ngô khoai thế nào, nhưng trong gia đình thì tuy không biết rõ ràng cũng có thể gọi là biết. Những người thích đùa trong nhà thì gọi nó là Giám đốc Công ty vô trách vô hạn. Đại khái, tuy họ không có chứng cứ, không bắt tận tay day tận mắt, nhưng đang trẻ, không có tài cán gì đặc biệt, lương “ đầy tớ nhân dân ” mà giàu ụ lên như thế ở xứ này thì chắc chắn không phải chuyện bình thường. Nghe nói nó không buôn ma tuý nhưng mở miêng hay ngâm miêng mà vẫn ăn tiền thì chắc không tránh được. Bọn trẻ thì chỉ thích đùa cho sướng miệng, cũng là một thứ vô trách nhiệm đứt đuôi rồi. Còn tôi, lớn tuổi, lại là bực cha chú, tôi tự thấy có “ trách nhiệm ” (tuy hữu hạn) khuyên bảo cháu. Vợ tôi nói : “ Ông dại hơn nó, nghèo hơn nó, lại hay đi uống bia bằng tiền của nó, vậy ông khuyên bảo nó cái gì ? ”. Tôi không nghe bà ấy bởi vì tôi chưa bị ai chê là đại trù vợ tôi, cả đời tôi chỉ dạy học, nghĩa là khuyên bảo điều hon lẽ thiệt cho người khác mà thôi, sao tôi lại không khuyên bảo cháu tôi được một lời ? Tôi nói : “ Cháu à, làm giàu là rất hay rất nên. Nhưng chú thấy người ta nói cháu nhờ liều mà giàu, nhờ khéo giấu giếm mà giàu chứ nghĩ là cháu nên cẩn thận thì hơn ! ”. Cháu tôi cười, nó rót bia đầy cốc cho tôi, nói : “ Mời chú uống thoải mái. Còn cái chuyện liều thì... cả thiên hạ liều, cháu không liều thì sao có bia mà uống ? ”. Tôi nói : “ Ông Khuất Nguyên đời xưa có nói : thiên hạ đục, mình ta trong, cho nên chú nghĩ là... ”. Chưa dứt câu, cháu tôi đã cướp lời : “ Khuất Nguyên là siêu sao Hồng Kông phải không chú ? Kệ ông ấy, muốn có tiền thì cháu phải nghe thằng cò của cháu thôi. Phi vụ nào nghe nó cũng thắng cả ! ”. Tôi nghĩ thế này :

Khuất Nguyên là một vĩ nhân nêu gương sáng đạo đức cổ kim, đương nhiên mọi người phải biết, đã là vĩ nhân đạo đức thì đương nhiên phải nói điều hay lẽ phải, điều phải thì đương nhiên thằng cháu tôi phải nghe. Cái lô gíc sự phạm dạy người là thế, cho nên tôi mới thỉnh Khuất Nguyên về. Nhưng thằng cháu tôi không biết Khuất Nguyên là ai thì việc thỉnh của tôi “ về cơ bản ” là hỏng rồi, tôi uống hết cốc bia, đứng dậy, không nói thêm câu nào nữa.

Buồn mất mấy hôm thì chợt nhìn lên giá sách thấy cuốn Sở Từ của Khuất Nguyên. Cuốn này là do một anh học trò của tôi tặng lâu lăm rồi, ngày sách mới được xuất bản. Bây giờ cậu học trò của tôi làm chức khá to nhưng dù hai cái lỗ tai của tôi đã điếc dở, tôi vẫn nghe được nhiều chuyện không hay ho gì về cậu ta, khéo còn “ tẩy đình ” hơn cả thằng cháu tôi nữa. Nói gọn lại, cậu ta là một quan tham có tiếng, chỉ nhở khôn ngoan, giỏi chạy chọt nên chưa bị diệu ra toà mà thôi. Còn nước còn tát, tôi phải có nhời khuyên can cậu ta khi còn chưa muộn. Nghe chuyện, vợ tôi bảo : “ Ông có gan thì cứ làm như Lý Trần Quán, học trò hư thì tự chôn sống mình, tôi hoan nghênh. Còn như khuyên can cái thằng ấy thì xin thành tâm can ông ! ”. Bà ấy đâu có biết là cậu học trò đã tận tay đưa tặng tôi cuốn sách của Khuất Nguyên, tôi đã nhiều lần giảng cho cậu ta về Khuất Nguyên, đương nhiên cậu ta phải biết Khuất Nguyên là ai rồi, mà đã biết thì đương nhiên phải... Nghĩ thế, tôi không nghe lời vợ, hăng hái ra đi. Cậu học trò tiếp tôi còn lể phép và sang trọng hơn cả thằng cháu tôi nữa. Tôi nói : “ Đọc lại cuốn Sở Từ do anh tặng, tôi lại càng thầm đạo làm người của Khuất Nguyên. Tôi mong anh, được giao trọng trách, anh nên đọc lại cuốn ấy mà ngẫm nghĩ... cũng hay ! ” Không ngờ cậu học trò tôi lại có vẻ ngạc nhiên trước “câu nói phải” tưởng là cù cải cũng nghe áy của tôi : “ Thầy dạy con xin vâng. Nhưng con làm sao mà được như Khuất Nguyên ? Người ta đục mà mình ta trong thì... khó sống lắm ! Hỗng hết việc, dạ thưa thầy ! ”. Tôi vẫn chưa hết hy vọng : “ Vậy anh không cố gắng được một chút Khuất Nguyên ư ? Một chút trong sạch cũng còn hơn không có ”. Điều tôi không ngờ là anh học trò không tranh cãi với tôi nữa. Chính anh ta đứng dậy trước chứ không phải tôi. Dưa ngang tay xem đồng hồ, nói : “ Dạ thưa thầy, con có chút việc bận quá, không ngồi lại đây lâu với thầy được. Con xin thầy thứ lỗi. Cậu thư ký của con sẽ thay mặt con tiếp thầy. Con xin phép... ”. Chẳng nhẽ tôi về ngay thì ra cái điều là mình dỗi. Đành ngồi lại chút nữa, chờ ông ta đi hăng hay. Cậu thư ký cũng lể phép không kém thủ trưởng, lại vui tính, hoạt bát hơn, ngồi ngay vào chỗ ông học trò của tôi, nói : “ Dạ xin mời cụ, cụ cứ tự nhiên cho. Để con gọi thêm vài món nữa cho... thoải mái ! ”. Tất nhiên, tôi ra về ngay. Nhưng một tiếng đồng hồ sau quay lại vì quên cái kính lão, tôi vẫn thấy anh thư ký của ông học trò tôi ngồi uống bia. Chỉ có điều, thay vào chỗ tôi là hai cô tiếp viên, một bên trái, một bên phải mà lại ngồi ngay trên... đùi anh ta !

Ông giáo sư bảo tôi : “ Than ôi, dù có biết Khuất Nguyên, lại còn biết dẫn thơ Khuất Nguyên, thế mà chẳng “ đương nhiên ” như Khuất Nguyên, dù được một chút như ngài cũng khó ! Nhưng dù chỉ có một chút thôi cũng còn hơn không. Phải không anh bạn trẻ ? ”. Thế mà...

N.Q.T.

(Văn Nghệ, số 33, 18-8-2001)

# Thơ Cao Bá Quát

## Trà Giang Nguyệt

Trà Giang Nguyệt kim dạ vị thùy thanh ?  
Quan san vạn lý họa nhất sắc  
Hà xứ bất hệ ly nhân tình ?  
Cử bôi thí yêu nguyệt  
Nguyệt nhập bôi trung hành  
Hàm bôi dục yết cánh phi khứ  
Chỉ hữu nhân ảnh tương tung hoành  
Đình bôi thả phục trí  
Hựu kiến cô quang sinh  
Vấn quân hà sự luyến luyến bất nhẫn sa  
Ngã thị Trúc Lâm<sup>(1)</sup> cùng độ chi bộ binh  
Giang đầu thủ tịch phùng thu tiết  
Tửu mǎn tu khuynh vị quân thuyết  
Đà môn cự lữ Tồn Chân ông  
Cân hải minh tiên hiểu tương biệt  
Tạc dạ kim phong<sup>(2)</sup> há kim khuyết<sup>(3)</sup>  
Bạch lộ<sup>(4)</sup> thanh sương<sup>(5)</sup> sảo xâm cốt  
Nhân sinh hội ngộ an khả thường  
Hữu tửu thủ ẩm Trà giang nguyệt  
Trà giang nguyệt, như kính hạ ngàn lưu  
Trượng phu án kiém khứ tiện khứ  
Kỳ lộ vô vi nhi nữ tình<sup>(6)</sup>.

Cao Bá Quát

(1) Trúc lâm là nhóm thi xã của Nguyễn Tịch, Lưu Linh có 7 người vào đời Tấn

(2) Kim phong : gió mùa thu

(3) Kim khuyết : chỉ nhà cửa

(4) Bạch lộ : tiết trời sau Trung thu

(5) Thanh sương : sương buổi sáng

(6) Nhi nữ tình : Tình yêu (Tổng hợp các loại tình : Tình gia đình, tình trai gái, tình anh em, tình cha mẹ...)

## Trăng sông Trà

Đêm sông Trà trăng sáng bởi vì ai  
Muôn dặm sơn khê xanh trong vắt  
Khắp nơi nơi vương vấn mối tình hoài  
Nâng ly ta mời trăng tỏ  
Ly lóng lánh trăng trôi  
Tan biến mất khi đôi môi muốn nhấp

Rồi chỉ còn sóng sánh bóng hình người  
Ngưng ly rồi đặt xuống  
Trăng lại về đơn côi  
Hồi cớ vì đâu mà mãi hoài lưu luyến  
Trúc Lâm mặc khách ta là kẻ lạc loài  
Bến đầu sông hôm nay mùa thu tới  
Rượu nốc rồi vì anh ta kẻ lể  
Xít Đà Môn Tôn lão bạn thân ta  
Sớm ngày mai bước lên đường ly biệt  
Trong nhà gió thu về lồng lồng tối hôm qua  
Lạnh leo sương sa trời sang buốt rét  
Cuộc nhân sinh hội ngộ được bao là  
Này trăng nhẹ săn rượu dây ta nốc hết  
Trăng sông Trà băng bạc bóng gương nga  
Kẻ làm trai đi thì đi như đã quyết  
Bước đi phút không vương lỵ mối tình nhà

Bản dịch của Hữu Vinh

茶江月

茶江月今夜為誰清  
隔山萬里晴一色  
何處不餐歎人情  
舉杯邀月  
月入杯中行  
拿杯欲把更飛去  
祇有人影相縱橫  
俗杯且伏罷  
又見孤先生  
問君何事愁愁不忍捨  
我是竹林篇述之步兵  
江頭此夕逢秋節  
酒滿須傾為君說  
陶門新宿有真翁  
岸邊鳴鞞晚將別  
昨夜金風乍會翻  
白露青霜猶皎晉  
人生會遇安可常  
有酒取飲茶江月  
茶江月如鏡下銀流  
丈夫擇劍去伊邇  
歧路無為兒女情  
高伯達

# Cải cách doanh nghiệp quốc doanh ở Việt Nam sẽ đi về đâu qua chương trình IMF ?

Vũ Quang Việt

11/10/01

Cải cách doanh nghiệp quốc doanh đã được đặt ra từ sau nền kinh tế Việt Nam được cải cách một cách cơ bản vào năm 1989 nhưng đến nay sau hơn mươi năm vẫn bế tắc. Lần này, chương trình giúp đỡ cải cách của IMF, ký kết vào tháng 4 năm 2001, nhằm giải quyết các món nợ xấu không có khả năng trả của các doanh nghiệp quốc doanh, và tái cấp vốn cho ngân hàng quốc doanh. Chương trình IMF được tài trợ với khoản vay ưu đãi từ IMF là 368 triệu USD (lãi 0,5% một năm, trả trong 10 năm nhưng chỉ trả vốn vào giữa năm thứ 5) và 400 triệu vay ưu đãi từ Ngân hàng Thế giới (WB). Ngoài ra IMF cũng hứa vận động các tổ chức quốc tế khác và các nước để hỗ trợ vay ưu đãi nhằm ứng vốn ngoại tệ cho chương trình cải cách có thể lên đến 1,2 tỷ USD trong 3 năm 2001-2003.

Chương trình IMF 2001-2003 có cái tên gọi là chương trình “ Giảm nghèo và Tăng Khả năng Phát triển ” (Poverty Reduction and Growth Facility). Bao gồm trong nội dung chính là những biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô và đặc biệt để giúp doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và ngân hàng quốc doanh cơ cấu lại. Nhưng đâu là thực chất cho phần cải cách DNNN và các ngân hàng quốc doanh? Và khả năng thành công của chương trình ấy như thế nào?

## Thực chất về cải cách doanh nghiệp nhà nước trong chương trình IMF?

Về thực chất, đây không phải là chương trình cải cách DNNN và cải cách ngân hàng có hiệu quả và lâu dài. Nó thuần túy là chương trình cho phép ngân sách nhà nước đứng ra gánh nợ xấu mà doanh nghiệp nhà nước không trả được cho ngân hàng và cấp thêm vốn cho ngân hàng thương mại, đặc biệt là 4 ngân hàng quốc doanh lớn nhất nhằm đạt được tỷ lệ 6-8% giữa vốn tự có trên tổng tích sản theo thông lệ quốc tế. Dĩ nhiên là trong chương trình có điều Việt Nam cam kết là không để doanh nghiệp trở lại con đường mang nợ như trước. Nhưng đó là vào thời kỳ sau khi toàn bộ vốn vay đã trao cho Việt Nam nên nó có thể chỉ là lời hứa suông. Hơn nữa trong chương trình không có một điều nào có thể đưa đến hiệu quả về cải cách doanh nghiệp, nói gì đến cải cách ngân hàng, ngoại trừ một lời hứa là ngân hàng thương mại sẽ hoạt động với các tiêu chuẩn của một ngân hàng thương mại.

Việc ngân sách nhà nước gánh chịu lại toàn bộ nợ xấu của

các doanh nghiệp sẽ tiến hành như sau : Lấy một thí dụ đơn giản là công ty A nợ ngân hàng 100 triệu nhưng không trả được. Để giải quyết, bộ Tài chính (ngân sách nhà nước) sẽ vay nước ngoài hoặc bán công khố phiếu cho dân chúng để có được 100 triệu, cấp cho doanh nghiệp A để trả ngân hàng. Như vậy công ty sẽ không còn nợ, ngân hàng lấy lại được vốn để cho vay tiếp, nhưng nhà nước sẽ nợ thêm 100 triệu. Ngân sách nhà nước sẽ phải tăng chi tiêu để trả cả vốn lẫn lãi trên 100 triệu này. Nếu vay nước ngoài thì nhà nước chỉ phải trả lãi lúc đầu (với lãi suất gần như không) và 5 năm sau mới trả vốn. Nếu mượn bằng trái phiếu kho bạc thì lãi sẽ cao hơn nhiều, nhưng vốn sẽ chỉ phải trả sau khi trái phiếu đến hạn.

Ngoài ra, do ngân hàng thiếu vốn, ngân sách sẽ vay thêm để cấp thêm vốn cho các ngân hàng yếu kém để đạt được tỷ lệ vốn tự có trên tích sản (capital asset ratio) bằng 6-8%.

Khu vực được giải quyết như vậy chỉ là khu vực quốc doanh. Mà đã là quốc doanh thì chủ sở hữu là nhà nước do đó về mặt nguyên tắc toàn bộ việc gánh chịu nợ xấu và tái cấp vốn là do ngân sách nhà nước chịu, tức là do thuế của nhân dân đóng góp. Trong tương lai, giả dụ sau khi giải quyết nợ xấu của doanh nghiệp quốc doanh xong, những doanh nghiệp này lại “ chứng nào tật ấy ”, “ ngựa quen đường cũ ”, thì vấn đề vẫn trở lại như cũ. Làm gì có bảo đảm cụ thể cho việc cải cách hay cấu trúc lại doanh nghiệp quốc doanh vừa nói đến trong chương trình này. Trong bản chương trình do Ngân hàng Nhà nước đại diện chính phủ VN ký có một câu tạm gọi là liên quan đến cải cách : “ chính phủ sẽ xoá bỏ chính sách cho vay của ngân hàng kinh doanh nhà nước [tức là theo lệnh của chính phủ?] trừ trường hợp đặc biệt và hẫu hĩnh và phải được chính phủ bảo lãnh. ”. Câu này làm gì có giá trị pháp lý và chẳng có gì bảo đảm là chính phủ sẽ không làm khác.

Chỉ có cải cách DNNN khi các doanh nghiệp này có tư cách pháp nhân như doanh nghiệp tư nhân và phải đổi mới với luật pháp về phá sản như doanh nghiệp tư nhân. Luật phá sản được áp dụng khi tự doanh nghiệp có yêu cầu hoặc người cho vay (kể cả người cung ứng hàng cho doanh nghiệp) yêu cầu toà án phá sản, phát mãi doanh nghiệp khi có nợ xấu. Toà án phải có đủ thẩm quyền và hiệu lực tước tạm quyền sở hữu của chủ doanh nghiệp để doanh nghiệp tìm nguồn vốn trả nợ hoặc nếu không làm được trong thời gian nhất định toà án sẽ phát mãi để trả lại cho người cho vay. Hiện nay DNNN dù mất khả năng tài chính, vẫn tiếp tục tồn tại bằng cách chiếm dụng vốn của doanh nghiệp khác hoặc được khoanh nợ đối với ngân hàng thậm chí còn được cho vay thêm. Hệ thống ngân hàng thương mại do đó từ từ cựt vốn, mất khả năng cho vay dài hạn hoặc mất khả năng cho các doanh nghiệp mới ra đời nhưng có tư tưởng sáng tạo vay vì ý tưởng mới bao giờ cũng có mức rủi ro rất cao. Nền kinh tế do đó không có khả năng phát triển tốt đẹp. Trong trường hợp có luật phá sản có hiệu lực thực tế, nhà nước chỉ có thể cứu doanh nghiệp (đều quốc doanh hay tư nhân) bằng cách dùng tiền ngân sách cung ứng cho doanh nghiệp trả nợ. Hiện nay luật phá sản doanh nghiệp của Việt Nam, nếu có, không hiệu lực và hiệu quả thực của nó trong một thời gian sắp tới khó thấy, do đó con đường cải cách doanh nghiệp xem ra còn là diệu vợi.

## Thực trạng nợ của doanh nghiệp quốc doanh

Doanh nghiệp quốc doanh Việt Nam nắm 60 % tài sản của đất nước, tạo ra 30 % GDP và 1,9 triệu lao động trên tổng số 38 triệu lao động của cả nước. Một nửa số doanh nghiệp lỗ vốn. Tuy nhiên đây chỉ là đếm số. Trong 17 tổng công ty loại 1, chiếm tuyệt đại vốn quốc doanh (mỗi công ty gồm nhiều doanh nghiệp), 12 tổng công ty lỗ hoặc hoà vốn, chỉ có 5 tổng công ty có lãi, đó là các Tổng công ty Dầu khí, Bưu chính, Điện, Cao su và Công nghiệp Tàu thủy, còn toàn bộ các công ty thành viên trong các tổng công ty khác đều lỗ hoặc hoà vốn, không có một công ty nào có lãi. Những tổng công ty có lãi như vậy là các công ty khai thác tài nguyên thiên nhiên đang có giá hoặc độc quyền, hoặc có quyền định giá, trừ Cao su và Công nghiệp Tàu thủy. Các công ty ảnh hưởng trực tiếp nhiều đến đời sống nhân dân như lương thực, giấy, thép, dệt may, xi măng, đường, bia rượu lỗ hoặc hoà vốn. Có thể kể vài công ty tên tuổi như công ty dệt may Thành Công, Việt Tiến, nhà máy giấy Bãi Bằng, Đồng Nai, các công ty bia Sài Gòn, Hà Nội có trong danh sách 200 công ty có nợ chồng lợn nhất mà Việt Nam nộp cho IMF. (Báo cáo của ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển, KTSG, 16/8/2001).

Nợ của DNNN vào cuối năm 2000 lên đến 190 ngàn tỷ đồng Việt Nam (13,1 tỷ USD), bằng 33 % GDP. Vì là nợ nhà nước có trách nhiệm, số nợ này đưa tổng nợ công của nhà nước Việt Nam lên 21,3 tỷ USD, bằng 63 % GDP (không kể số mà doanh nghiệp nợ lẫn nhau). Đây là tỷ lệ khá lớn (coi bảng 1) và là con số mà Việt Nam và IMF đồng ý với nhau.

**Bảng 1: Nợ công và nợ doanh nghiệp quốc doanh**

	%	Ngàn tỷ	Tỷ
	GDP	VND	USD
<i>Tổng dư nợ công (cuối 2000)</i>	63	309	21,3
- ngân sách nợ (trong và ngoài nước)	30	144	9,9
- DN QD nợ ngân hàng	33	165	11,4
<i>Dư nợ DN QD (cuối 2000)</i>	38	190	13,1
- nợ ngân hàng	33	165	11,4
- nợ lẫn nhau	5	25	1,7
<i>Nợ xấu</i>	%	Ngàn tỷ	Tỷ
	dư nợ	VND	USD
- theo IMF (tiêu chuẩn quốc tế)	30	57	3,9
- theo VN (tiêu chuẩn VN)	13	21	1,5

Vấn đề Việt Nam và IMF chưa đồng ý với nhau, dù thoả thuận đã được ký kết là con số nợ xấu, tức là nợ không trả được. Nợ xấu tuy thuộc vào định nghĩa nợ xấu (bad debt, non-performing loan). Theo tiêu chuẩn quốc tế nợ xấu là các khoản vay quá hạn 90 ngày mà không đòi được và không được tái cơ cấu. Không hiểu Việt Nam định nghĩa như thế nào, nhưng theo Việt Nam thì số nợ xấu là 13% còn theo IMF nợ xấu lên tới 30%. Con số nào đáng tin hơn tùy thuộc vào việc kiểm toán quốc tế 4 ngân hàng quốc doanh lớn trong giai đoạn đầu chương trình IMF (tức là vào đầu năm 2001)<sup>(1)</sup>. Như vậy, con số nợ xấu phải giải quyết hoặc là 3,9 tỷ USD theo IMF hay 1,5

tỷ theo Việt Nam (coi bảng 1). Bảng 2 và 3 cho thấy sự khác biệt giữa chương trình cơ cấu lại nợ của IMF và Việt Nam khi thoả thuận được ký kết.

Việc giải quyết nợ xấu chỉ là một phần, phần còn lại là cung cấp thêm vốn cho hệ thống ngân hàng quốc doanh. Tổng số tiền phải chi từ ngân sách trong 3 năm là 4,1 tỷ USD (12 % GDP năm 2001) theo IMF và 2,4 tỷ (7 % GDP) theo Việt Nam. Con số cuối cùng như thế nào phải chờ kiểm toán quốc tế 4 ngân hàng quốc doanh. Như vậy ngân sách nhà nước phải tăng thu, thí dụ như năm 2001 phải tăng thêm 2,3 % (bảng 4). Tỷ lệ này sẽ cao hơn một chút trong năm 2002 và 2003 và sau đó giảm hẳn xuống trong năm 2004, vì từ đó chỉ trả lãi và sau đó vài năm trả lại vốn đã vay. Chi từ ngân sách tăng lên cũng là để trả cho 250 000 lao động dư dôi theo luật lao động hiện nay.

**Bảng 2: Chương trình cơ cấu lại nợ theo IMF**

	%	Ngàn tỷ	Tỷ
	GDP	VND	USD
<i>Chi phí cải cách DN NN :</i>			
- I/ Dư nợ xấu ngân hàng gánh chịu (Vốn cần thêm)	2	10	0,690
- II/ Chi trả lãi và giải quyết lao động dư (Chi phí cải cách)	2	10	0,690
<i>Chi phí cải cách ngân hàng :</i>			
- III/ Dư nợ xấu ngân hàng gánh chịu và vốn thêm cho ngân hàng (Vốn cần thêm)	7	35	2,414
- IV/ Chi trả lãi (Chi phí cải cách)	1	5	0,345
<i>Tổng chi :</i>			
- Vốn cần thêm (I + III)	9	45	3,103
- Chi phí cải cách (II + IV)	3	15	1,034
- Tổng (I + II + III + IV)	12	60	4,138

**Bảng 3: Chương trình cơ cấu lại nợ theo Việt Nam**

	%	Ngàn tỷ	Tỷ
	GDP	VND	USD
<i>Chi phí cải cách doanh nghiệp và ngân hàng :</i>			
- I/ Lãi và giải quyết lao động dư (Chi phí cải cách)	2,2	11	0,759
- II/ Dư nợ xấu ngân hàng gánh chịu và vốn cần thêm cho ngân hàng	4,8	24	1,655
<i>Tổng chi (I + II)</i>	7	35	2,414

**Bảng 4: Chi phí cải cách theo IMF trong năm 2001**

	%	Ngàn tỷ	Triệu
	GDP	VND	USD
<i>Chi phí cải cách từ ngân sách năm 2001 :</i>			
- Chi phí thường xuyên	2,3	12	793
- Vốn thêm	0,6	3	207
- Vốn tham	1,7	9	586

Như vậy, với vốn vay ưu đãi từ các tổ chức quốc tế mỗi năm có thể lên tới 400 triệu USD, ngân sách có thể phải bỏ ra cho chương trình mỗi năm trong 3 năm tới 400 triệu, bằng 1,1 % GDP. (Việc trả những khoản nợ này cũng sẽ là từ ngân sách nhưng đó là tương lai). Ngân sách năm 1999 là 22,4 % GDP, khá thấp so với những năm trước vì tình hình kinh tế khó khăn. Nâng ngân sách lên thêm 24,7 % là điều hoàn toàn có thể làm được vì những năm trước 1997 ngân sách cũng có tỷ lệ tương tự, hơn nữa lần này lại có sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế. Khoản tiền 400 triệu USD nhà nước cần thêm có thể có thông qua việc bán trái phiếu kho bạc hoặc in thêm tiền, hoặc kết hợp cả hai. Với cam kết giữ lạm phát ở mức 5 % một năm và với tốc độ in tiền bị hạn chế bởi kế hoạch tăng lưu lượng tiền đã ký kết với IMF, tình hình giá đang giảm hoặc không tăng trong vài năm qua cho phép nhà nước thực hiện được chương trình giải quyết nợ do IMF đề nghị. Việc bãi bỏ chính sách kiểm soát một cách quá đáng hối suất đồng USD của Ngân hàng Nhà nước (tức là ngân hàng trung ương) mà IMF cũng khuyến cáo sẽ cho phép nhà nước tạo vốn bằng đồng Việt Nam dễ dàng hơn, đồng thời giúp tăng trưởng xuất khẩu và giảm nhập khẩu. Việc bán trái phiếu kho bạc gây vốn có thể sẽ thu hút nhiều vốn để dành từ hộ gia đình (coi bảng 5), như vậy sẽ chuyển vốn phát triển từ hộ gia đình sang doanh nghiệp và do đó có thể làm chậm sự của phát triển của khu vực này nếu như vốn tái cấp cho ngân hàng không được chuyển lại cho sự phát triển của khu vực sản xuất hộ gia đình và tư nhân. Chính vì thế IMF cũng định lượng mức tăng trong vốn ngân hàng cho doanh nghiệp quốc doanh vay trong chương trình “Giảm nghèo đói và tăng khả năng phát triển”.

**Bảng 5: Để dành thuần ở Việt Nam (% GDP)**

I/ Hộ gia đình	6,7
II/ Ngân sách	3,9
III/ Doanh nghiệp và ngân hàng	5,5
Cả nước (I + II + III)	16,1
(trung bình 1995-1999)	(12,6)

### **Đánh giá khả năng cơ cấu lại DNNSN qua chương trình IMF**

Phải công nhận là chương trình IMF tạo cơ hội cho DNNSN cơ cấu lại. Nhưng cơ cấu lại được hay không như đã phân tích là những bước sau nằm ngoài chương trình và hoàn toàn tùy thuộc vào nhà nước Việt Nam. Bài này sẽ không đi sâu thêm vào vấn đề làm sao cơ cấu lại, ngoài tiền đề cần thiết là luật pháp sản và hiệu lực của nó đã bàn ở trên. Tuy vậy cũng cần đánh giá những khó khăn mà một số doanh nghiệp sẽ gặp phải trong thời gian sắp tới khi mà các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết được thực hiện. Có những DNNSN có thể đứng vững sau khi bị bắt đứng tự lập, cắt bỏ hoàn toàn khỏi nguồn tài chính ngân sách chẳng hạn như các doanh nghiệp sản xuất giấy, bia, gạch lát ốp, xây dựng. Nhưng có những DNNSN như các nhà máy sản xuất đường, xi măng, sắt thép thì khả năng đứng vững của chúng là rất thấp. Riêng mặt hàng đường, việc nó quay trở lại con đường dựa vào bảo hộ mậu dịch và “bầu vú sữa ngân sách” là chuyện khó tránh khỏi. Đối với mặt hàng đường thì không đưa đến vi phạm hiệp định

thương mại quốc tế đã ký kết vì nó không nằm trong các hiệp định tự do hóa thương mại. Trường hợp xi măng thì khác, dù bảo hộ mậu dịch là vi phạm hiệp định và do đó khả năng trở lại bầu vú sữa ngân sách là điều khó tránh khỏi.

Để thấy sự nghiêm trọng của vấn đề, bài này sẽ phân tích kỹ hơn về ngành sản xuất xi măng ở Việt Nam. Đây là ngành có giá trị sản xuất khá lớn, có thể lên tới 11 ngàn tỷ vào năm 2001 tương đương với 775 triệu USD. Bảng 6 cho thấy xi măng nhập từ Thái Lan và khi tới cảng Việt Nam sẽ có giá là 39 USD/tấn, rẻ hơn 39 % so với giá sản xuất ở Việt Nam là 50 USD/tấn. Sau khi hiệp định thương mại AFTA có hiệu lực, xoá bỏ hạn ngạch nhập và giảm thuế nhập khẩu xuống một nửa sẽ đưa giá xi măng Thái xuống 32 USD/tấn, rẻ hơn xi măng Việt Nam 56 %. Liệu sản xuất ở Việt Nam có thể kéo xuống giá như thế không ? Bảng 7 cho thấy nếu doanh nghiệp xi măng không khấu hao (tức là sẽ không có thay thế và đổi mới công nghệ), không có thặng dư, không trả thuế sản phẩm thì có thể giảm giá 32 % (coi cột hai bảng 7). Và như vậy cũng chưa có khả năng cạnh tranh với hàng Thái Lan, trừ khi chính chi phí trung gian trong sản xuất cũng phải giảm; chi phí đó có thể là phí tổn khai thác đá (16 % giá), điện, vận tải, v.v. Ngành sản xuất xi măng trở thành như vậy vì nhiều năm qua dựa vào nhập thiết bị máy móc lỗi thời, đặc biệt xi măng lò đứng từ Trung Quốc, chi phí cao, hiệu quả thấp. Tỷ lệ khấu hao cao gần gấp đôi so với nước khác (mà nhiều người nói tới) không phải là điều cơ bản bởi nó cũng chỉ chiếm 9 % giá thành. Đội giá chính là các chi phí trung gian khác (dù chi phí cho lao động không đáng kể, chỉ có 7 % giá) (coi bảng 7). Kết quả trên cho thấy là viễn tượng đưa ngành xi măng đến chỗ có khả năng cạnh tranh với hàng Thái là rất thấp. Vậy chính sách của nhà nước là gì sau khi ngân sách đã trả hết công nợ cho doanh nghiệp xi măng? Để cho nó phá sản hay tiếp tục cứu nguy chúng và cho phép nó lập lại vòng nợ xấu? Theo như phát biểu của chuyên gia trên Kinh tế Sài Gòn, có lẽ chỉ có công ty Sao Mai (đầu tư của Thụy Sĩ) là có khả năng tồn tại.

**Bảng 6: giá xi măng ở Việt Nam và Thái Lan**

	Thái	Việt Nam	Khác biệt
Giá một tấn (USD)	20	50	
Chi phí chuyên chở về VN	8		
Thuế nhập khẩu (40%)	8		
Giá một tấn ở cảng VN (Giá sản xuất)	36	50	39%

Nguồn: tính dựa theo thông tin về sản lượng năm 2001, giá chuyên chở, thuế trên Kinh tế Sài Gòn (13/9/01).

Cải cách ngân hàng cũng không phải đơn giản, dù là ngân hàng sẽ được toàn quyền tự chủ kinh doanh. Đối phó với hàng loạt các DNNSN trên đà phá sản, liệu các ngân hàng quốc doanh có tránh khỏi áp lực của chính phủ bắt cho vay để cứu DNNSN không khi bản thân luật pháp có thể cho tự chủ nhưng ghế ngồi thì do chính phủ bổ nhiệm và quá tạ “quốc doanh chủ đạo” vẫn còn ở trên đầu chính phủ ? Nói như vậy không có nghĩa là không thể biến các DNNSN và ngân hàng quốc doanh thành những đơn vị kinh doanh độc lập như những đơn vị tư nhân, nhưng mức độ tự chủ và hiệu quả của chúng hoàn

toàn tùng thuộc vào mệnh đề chính trị “ quốc doanh chủ đạo ”, và do đó không thể là cơ cấu của một thể chế minh bạch.

**Bảng 7: giá trị và chi phí sản xuất xi măng ở Việt Nam (2001)**

	Tỷ đồng	% giá trị sản xuất
Giá trị sản xuất	11,238	100
Chi phí trung gian	6,703	60
Giá trị tăng thêm	4,536	40
Thu nhập lao động	794	7
Thuế sản phẩm	1,307	12
Khấu hao	1,058	9
Thặng dư	1,376	12
Giá trị (triệu USD)	775	

Nguồn: tính dựa theo bảng I/O 1996 của Tổng Cục Thống kê, sản lượng năm 2001 và giá 50\$UD/tấn trên KTSG (13/9/01).

Quyền tự chủ kinh doanh là một vấn đề quan trọng đối với việc cải cách ngân hàng, nhưng nâng cao phẩm chất và hiệu quả kinh doanh cũng không kém quan trọng. Có hai vấn đề quan trọng liên quan đến kinh doanh ngân hàng. Một là giảm chi phí hoạt động cho vay và hai là thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế và minh bạch hóa hoạt động. Điểm sau này có thể vi phạm đường lối “ quốc doanh chủ đạo ”, và đó là lý do duy nhất mà toàn bộ hệ thống ngân hàng, đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước, tìm mọi cách giữ bí mật thông tin đối với dân chúng trong nước (nhưng lại không thể không cung cấp cho IMF!).

Hiện nay, chi phí hoạt động (nhà cửa, khấu hao, điện nước, v.v. và lương) trên một đồng vốn cho vay của ngân hàng Việt Nam là quá cao. Theo nghiên cứu của WB (1995)<sup>(2)</sup>, chi phí của Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam (NHNN) là 4,4 % vốn cho vay năm 1993 (chi phí này là 5,9 % (1995) theo nghiên cứu cộng tác giữa tác giả và NHNN). Tỷ lệ chi phí này là 4,2 % cho toàn bộ hệ thống ngân hàng Việt Nam vào năm 1999 dựa theo phân tích số liệu của Tổng cục Thống kê. Chi phí này cao hơn Mã Lai hai lần. Nếu dùng công thức đơn giản về hoà vốn sau đây chúng ta sẽ thấy rõ vấn đề hơn :

$$\begin{aligned} Lãi cho vay &= Lãi tiền gửi + Nợ không đòi được \\ &\quad + Chi phí kinh doanh \end{aligned}$$

Nếu lấy tình hình hiện nay về ngân hàng ở Việt Nam ta thấy sự liên hệ như sau:

Thu nhập cho vay 10,4%	Chi phí cho vay 9,1%+?
- Lãi cho vay 10,4%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãi tiền gửi 4,9%</li> <li>- Chi phí hoạt động 4,2%</li> <li>- Dự trù nợ không đòi được ?</li> </ul>

Bảng trên cho thấy tình hình hoạt động của hệ thống ngân hàng vào năm 2001. Nếu phải cộng thêm tỷ lệ nợ xấu không đòi được do Ngân hàng Nhà nước đưa ra là 13% vào chi phí cho vay thì hệ thống ngân hàng lỗ to. Tỷ lệ này theo IMF đưa ra là 30%. 30% là tỷ lệ hiện nay của Thái Lan, Indonesia và Trung Quốc (Trung Quốc cũng như Việt Nam là trường hợp có tình không minh bạch hoá). Tỷ lệ nợ khó đòi của các ngân hàng uy tín trên thế giới như tổ hợp ngân hàng City Group ở Mỹ là 1,4%, Deutsche Bank ở Đức là 1,44%. Tỷ lệ này là 6,3% đối với ngân hàng PNP Paribas của Pháp, 4,84% đối với

Tokyo-Mitsubishi của Nhật, đây là những ngân hàng được coi là “ có vấn đề ”. Thế thì tại sao hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn báo cáo có lãi để chia nhau ? Đây chính là gốc rễ của vấn đề tiêu chuẩn quốc tế trong kế toán doanh nghiệp và minh bạch hoá kế toán : vấn đề quan trọng trong cải cách toàn bộ hệ thống doanh nghiệp Việt Nam.

Thêm một chút giải thích cho rõ vấn đề.

Bảng kế toán lãi sẽ cũng ghi gần như trên : lãi thu được từ cho vay (10,4%), dù chưa thu được vẫn ghi vào thu, và phần lãi chưa thu được cũng như phần vốn chưa thu lại được sẽ ghi vào tích sản thường xuyên phải thu (account receivable). Đó là nguyên tắc kế toán ghi theo “ phải thu, phải chi ” chứ không ghi theo “ đã thu, đã chi ”. Doanh nghiệp như vậy có lời, dù là lời giả nếu như sau đó doanh nghiệp không thu hồi được lãi và vốn. Tuy vậy, kế toán doanh nghiệp cũng thường để ra một mục trong chi phí, thường có tên là dự trù nợ xấu hay mất mát (provision for bad debt or loss) để trừ khỏi thu nhập phần theo kinh nghiệm là không thu hồi được (phần ghi này là tùy theo đánh giá của doanh nghiệp dựa vào kinh nghiệm hoạt động của nó). Chính điểm này cho phép doanh nghiệp “ ma thuật ” kế toán để trình làng hoặc tăng hay giảm mức lãi. Nếu thực lãi nhiều thì ghi giảm xuống để giảm thuế, nếu lỗ thì kiểm cách ghi thành lãi. Tuy nhiên nguyên tắc và luật kế toán cũng đòi hỏi là khi “ khoản được nhận ” mà thực sự trong tương lai không nhận được thì phải ghi trừ vào thu nhập trong tương lai và ngược lại ghi nhận được thì phải ghi vào phần thu để đóng thuế. “ Ma thuật ” như vậy chỉ có thể tạo lợi thế về thời gian, chứ không thể tạo đòn trả trong thu chi. Những thủ thuật như vậy được luật pháp cho phép. Tùy theo từng nước, kế toán có thể đòi hỏi ghi rõ phần “ lãi phải thu ”, “ nợ gốc phải thu ” vào phần ghi nhớ. Việc ghi như vậy cho phép chuyên gia phân tích thấy được vấn đề và sở thuế kiểm soát được. (Xem khung dưới đây).

Tỷ lệ nợ xấu mà Việt Nam đưa ra là 13 % và IMF cho là 30 % thật ra cho đến nay không ai biết rõ. Nhưng có thể nói Việt Nam cần minh bạch hóa về kế toán và chuẩn kế toán ngân hàng của mình. Rõ ràng là hệ thống ngân hàng phải giảm chi phí điêu hành, nhưng quan trọng hơn cả là giảm tỷ lệ nợ xấu. Và dĩ nhiên ngân hàng quốc doanh chỉ có thể làm được khi thực sự có quyền kinh doanh. Tuy nhiên ngân hàng còn có một vấn đề khác là phải bảo vệ người ký gửi, và do đó không thể dễ dàng áp dụng luật phá sản, và nó cần được kiểm soát bởi Ngân hàng Nhà nước theo các tiêu chuẩn quốc tế và minh bạch về kế toán.

### Tiến đến một viễn tượng cải cách thực sự doanh nghiệp quốc doanh

Nghị quyết Hội nghị Trung ương khoá 10 vừa qua (tháng 10/2001) có những điểm sau :

– Xác định một lần nữa quốc doanh là chủ đạo trong nền kinh tế và cho phép các doanh nghiệp sở hữu nhà nước 100 % ở hầu hết các hoạt động trong kinh tế, tuy nhiên nó cũng xác định rõ hơn là độc quyền kinh doanh của nhà nước bị giới hạn vào hoạt động sản xuất vũ khí, hoá chất độc, hệ thống tải điện và thông tin quốc gia, sản xuất thuốc lá.

Chuyển đổi DNNN thành công ty trách nhiệm hữu hạn, có nghĩa là cho nó nhiều quyền tự chủ hơn về thuê lao động và quản lý chủ yếu theo hướng thi tuyển, về tiền lương và phân phối lợi nhuận. Đây là điểm mới nhưng trong hoàn cảnh nhà nước vẫn làm chủ sở hữu, việc áp dụng luật phá sản vẫn là vấn đề, nhất là khi nghị quyết này không bàn đến việc bảo đảm hiệu lực của luật phá sản.

Chủ sở hữu là nhà nước có thể giao cho bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, hoặc hội đồng quản trị tổng công ty và chỉ thị nhà nước phân định rõ hơn về quyền hành chính, quyền quản lý và quyền chủ sở hữu. Xác định này thực chất vẫn chẳng có gì là mới bởi vì chủ sở hữu bao giờ chẳng có quyền thống soái về danh nghĩa và bị áp lực chính trị về thực chất. Ngoài ra ta có thể hiểu ngầm trong quyết định này là các cơ quan nhà nước là người làm chủ sở hữu vẫn có thể tiếp tục lấy tiền ngân sách thành lập doanh nghiệp một cách vô tội vạ như việc xây dựng nhà máy đường, xi măng và các khu công nghiệp hoàn toàn không hiệu quả trong 10 năm vừa qua.

Chương trình IMF là nhằm giúp Việt Nam cơ cấu hoá lại và đổi mới DNDDN. Liệu nhà nước có quyết tâm thực hiện

### Vấn đề phức tạp của kế toán : thiếu tiêu chuẩn quốc tế

Chuẩn Kế toán Quốc tế (International Accounting Standard 39, 1999) gọi tắt là IAS39<sup>(5)</sup>. IAS39, đoạn 111, quyết định một cách tổng quát là : “ Nợ và khoản phải thu... phải ghi vào bảng kết toán tài sản theo giá đã chiết khấu và trừ đi phần mất giá trị hoặc không thể thu được.”. Báo cáo của Nhóm Chuyên gia về Chất lượng Nợ của Hội đồng Quản trị IAS<sup>(6)</sup> năm 2000 đưa ra một số định nghĩa sau về nợ :

– Chuẩn (standard) : tín dụng tốt và vốn và lãi trả đúng kỳ hạn. Không thấy có khó khăn trả trong tương lai với hiện trạng và dự báo hoàn trả đầy đủ.

– Cân theo dõi (watch) : tích sản trong tình trạng, nếu để nguyên trạng, có thể đưa đến mất khả năng chi trả đầy đủ.

– Dưới chuẩn (substandard) : Không hy vọng chi trả đầy đủ vì nợ cho vay không được phòng vệ đầy đủ (thí dụ [bằng] giá trị vốn tự có của người vay, hay thế chấp); hay là lãi hoặc vốn đã quá hạn trả 90 ngày.

– Đáng ngờ (doubtful) : tích sản ngân hàng đánh giá là không thể thu hồi đầy đủ khi phát mãi hoặc là lãi hoặc vốn đã quá hạn trả 180 ngày.

– Mất (loss) : tích sản được coi là mất khi ngân hàng đánh giá là không thể thu hồi được hoặc khi lãi hoặc vốn đã quá hạn một năm.

Như vậy theo chuẩn quốc tế, doanh nghiệp sẽ tự đánh giá và phải khấu trừ đi phần không thể thu được khỏi tích sản (asset) và dĩ nhiên để làm thế cũng phải khấu trừ khỏi thu nhập. Đây chính là phần còn nhập nhằng trong chuẩn quốc tế vì để cho doanh nghiệp hoàn toàn quyền tự đánh giá. Tuy nhiên trên thực tế, ở các ngân hàng và doanh nghiệp được coi là xấu nếu nợ dưới chuẩn hoặc đáng ngờ theo định nghĩa ở trên, phần ghi nhớ trong kế toán sẽ phải ghi rõ và nếu vào trường hợp mất, lãi sẽ không còn được ghi vào thu, và vốn và lãi phải thu sẽ ghi thành chi phí và bị loại khỏi tích sản.

không, khi chính việc ký kết có phần mang tính miễn cưỡng, bị trì hoãn nhiều năm và ta có cảm tưởng là việc Việt Nam sau cùng ký kết chương trình IMF vào tháng 4/2001 vì Việt Nam nhận thấy là nó có thể mất các khoản vay ưu đãi, tạo ra bầu không khí không thuận lợi cho đầu tư nước ngoài nếu như không tiến tới thoả thuận với IMF về việc cơ cấu lại ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước. Ở góc độ cải cách, ta có thể đồng ý với chương trình IMF đặt ra vì thật sự Việt Nam cần cải cách, và không có lý do gì các tổ chức quốc tế tiếp tục cho vay khi nước được vay không sử dụng nó một cách hiệu quả. Ở một góc cạnh khác nó có tính áp đặt, đáng chú ý là chương trình IMF đã vượt khối mục đích giúp ổn định kinh tế vĩ mô ngắn hạn nhằm giúp đỡ các nước thành viên giải quyết việc mất cân đối về cán cân thanh toán quốc tế, thí dụ như chương trình IMF cho những năm 1995-97 lúc Việt Nam có vấn đề thanh toán quốc tế. Dĩ nhiên muốn khỏi bị áp đặt, Việt Nam phải hoàn toàn có thể điều hành nền kinh tế của mình một cách hiệu quả. Việt Nam hiện nay không có vấn đề thanh toán quốc tế, nhưng không thể không cần đến sự yểm trợ tài chính IMF cho các chương trình cải tổ cơ cấu trung và dài hạn nhằm vào khu vực DNDDN và ngân hàng quốc doanh như trên.

Để kết luận, chương trình IMF là chương trình cần thiết nhằm tạo cơ hội cho Việt Nam đổi mới với quá trình tự do hóa thương mại đang xảy ra. Nghị quyết Trung ương và các sửa đổi về luật pháp nhằm cụ thể hóa nó đáng lẽ đã phải ra đời trước khi chương trình được thực hiện. Dù chậm hay miễn cưỡng, sự ra đời của nó cũng phản ánh ý muốn tiếp tục cải cách của nhà nước Việt Nam. Và do những yêu cầu của các hiệp định thương mại trước mắt Việt Nam chỉ còn hai con đường : xé bỏ hiệp định hoặc quyết tâm cải cách. Một cách giản dị, ta có thể đánh giá cái quyết tâm qua việc chính phủ thực hiện luật phá sản, điều căn bản để cải cách khu vực doanh nghiệp, trong thời gian sắp tới. Nếu không, cải cách của Việt Nam cũng sẽ lập lại vòng luẩn quẩn như Trung Quốc.

### Tài liệu tham khảo (có thể đọc trên <http://www.imf.org>) :

- IMF, *Request for a Three-Year Arrangement Under the Poverty Reduction and Growth Facility*, April 2001.

- Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, *Memorandum on Economic and Financial Policies of the Government of Vietnam for 2001*, March 14, 2001.

### Chú thích

(1) Kiểm toán dù là kiểm toán quốc tế cũng chỉ là để kiểm tra xem phương pháp kế toán sử dụng có theo đúng chuẩn không và các khoản chi có chứng từ hay không. Nhiệm vụ của kiểm toán không phải là xác định các chứng từ đưa ra là thật hay giả. Cho nên con số sau khi kiểm toán cũng không nhất thiết là thật.

(2) World Bank, Viet Nam Financial Sector Review, March 1995.

(3) Dự án Nghiên cứu Ngân hàng Nông Nghiệp Việt Nam, Tài liệu Hội thảo, 12/1996.

(4) The Banker, July 2000. Ngân hàng có 3% tỷ lệ nợ xấu thường được coi là có vấn đề.

(5) Có thể coi trên <http://www.iasb.org.uk/>

(6) Có thể coi trên <http://www.iif.com/>

Vũ Quang Việt

Nguyễn Văn Thọ

# Nhà ba hộ

truyện ngắn

Ngôi nhà không số. Con đường không tên. Nguyên xưa là đất vật bùn ven hồ của một xưởng than quặng, sau bỏ hoang, đầy bụi gai, cỏ, rác, phân, xác súc vật thối. Con đường lồi lõm hiện ra từ các vệt bánh ô tô chở hải sản sơ tán đến cái nhà kho tạm một thời. Người quanh vùng lân theo, đi bộ tắt sang khu bên kia hồ, nơi có đường lớn gần hơn vào trung tâm thành phố.

Lối nhỏ luôn lép nhép bùn. Nước đọng. Những đám cỏ bánh chè. Đôi khi lác đác mấy con cuốc mỏ hồng, chân đỏ, thân đen, ăn lẩn với đám gà nhà. Đường cong như cánh tay ôm dài cúc tần sát cái hồ. Hồ cũng không tên, ba mảnh. Bên cùi chỏ cánh tay là khu tập thể của công ty thủy sản : tám ngôi nhà hai tầng. Xuân và đông nồng, nom như tám con tầu cũ rẽ sương, khói bếp mù mịt. Dải cúc tần lấm dâng tơ nguyệt, mùa xuân nhà mớ tóc vàng óng phủ trên mảnh xanh đồng đã già.

Ngôi nhà quay lưng vào đầu hồi một nhà tầng, mặt ngoảnh đón gió hồ. Nhà rộng bẩy chục mét vuông, lợp lá gối, xưa là kho tạm chứa cá khô, nước mắm từ ga Giáp Bát về. Hết chiến tranh, kho không cần tới. Cỏ dại mọc xoá vệt ô tô, chỉ còn vệt đi bộ. Rồi người quay lại Hà Nội như kiến, công ty nhớ tới cái kho bỏ quên hai năm, cải tạo lại, lợp tấm phi-bờ-rô-xi-măng, quét vôi vàng, ngăn thành ba phần không đều cho ba hộ.

Thật bất ngờ, ba chủ dọn đến đều là vợ chồng mới cưới. Một tuần, đám phụ nữ đã tường gân hết lý lịch của nhau. Tôi, thương binh phục viên, cán sự ba, phòng bảo vệ công ty, ở gian giữa. Vợ chồng anh Phạn bán lòng lòn tiết canh, cô vợ tên Xuân, con gái lớn của bà phó phòng tổ chức ở chái húu. Vợ chồng anh Thủ, chị Huyền, cán bộ kiểm nghiệm công ty ở chái tả. Họ có Huyền rộng gấp rưỡi hộ của tôi và Phạn. Lý do giản đơn là nó có sẵn bức ngăn gỗ, xưa là nơi thủ kho làm việc.

Được chia nhà là diễm phúc rồi. Mè nheo hơn kém vài thước vuông làm gì !

Sự giống nhau của ba hộ là ba cái cửa vào đều loại gỗ tạp, bản lề sắt luôn kín kít và hở toác trên, dưới, đón gió hồ lồng lộng thổi. Không có gió hồ thì thật không thể nằm trong cái nhà trán thấp lợp xi măng tấm bắt nhiệt như hun ẩy. Lại mùa đông, khi gió heo may về, những ống tre hu hú đón gió và bụi đất lá tả bay từ vách tre trộn bùn rơm ngăn giữa hộ tôi và hộ Phạn. Trời nồng, tường sau và trước nhiễm mặn cá khô, tua nước đọng thành hột, toả mùi khăm khǎm, khó thở. Trần bุง bằng cốt, kín mà hở. Mùi của ba nhà, tiếng động cứ thông thống từ hộ này sang hộ kia.

Chủ nhật, vợ chồng tôi hì hục dán giấy báo lên *bien giới* phía trái để che bụi. Phía phải vang lên tiếng đóng đinh công cộc, chan chát. Tôi đoán, anh chàng rể của công ty mới đi tây về xầm chiêu qua, da trắng nhẽ nhãi phá hòm gỗ, sớm nay chắc làm xong gác xếp, thừa gỗ gia cố biên giới giữa hộ tôi và anh cho vững chắc.

Buổi sáng tuần thứ hai đi xếp hàng lấy nước máy ở đầu nhà A3, gặp ngay Phạn. Hắn đang rửa cái thùng to còng dính cá mờ lồng và tiết lợn.

– Chào ông bác ! Góm làm gì mà chèn chấn ghê thế. Để hổng

ra một tẹo cho thoáng. Đã bó rì rì các bố lại thi nhau bung thêm. Đứa đếch nào nghe tiếng phì phò ! Em cũng như bác, lúc mải cái ấy thì để ý đến ai.

Phạn bán tiết canh lồng lợn chợ cóc <sup>(1)</sup>. Gã vừa nói vừa đổ ào thùng nước đầy bọt mầu hồng lehnh láng khắp mặt đất. Mắt nháy với tôi nom vừa trải vừa bất cần.

– Ấy, mình che chấn gì đâu. Bụi quá !

– Nói là nói thế thôi, chứ ông bác có đồ tường xi măng em cũng kê. Phía em căng cái nilon xanh vừa dịa vừa cách âm hết xẩy ! Ông bác đi tây hôm qua mới lấy hòm về. Bốn năm cái *Kích* <sup>(2)</sup>, một đồng hàng như núi. Tiên sư ! Các bác sướng thật ! Chả đâu tắt mặt tối như cánh em !

Tôi không dám trả lời câu chửi đồng bất ngờ ấy. Tầm tìm cười và lấy thùng nước quẩy nhanh về : “ Tớ cũng như ông thôi ! ”. Phạn có thể nhìn dáng cà nhắc của tôi mà đoán ra điều gì, chắc thế, ái ngại mời với : “ Em nói cái bác Thủ thôi ! Bác xá cho ! Chủ nhật này rồi, tối, ông anh sang em làm chầu tiết canh nhé. Đừng khách khí ông bác ạ. Trước lạ sau quen ! ”

Điều mà Phạn vạch ra trần trụi ấy là có thực, nhưng mà không đáng lo. Bởi vốn hay e thẹn nên vợ tôi nhất quyết bất động trong thời gian khi mấy nhà mới đi nầm. Chúng tôi thường rón rén yêu nhau lúc gần sáng. Khi ấy chỉ có tiếng chuột chạy, tiếng gió du đưa sáo trên các lô tre, tiếng thở, ngáy đều đều của bốn đứa người ở hai hộ bên.

Mọi sự hoạt động của ba hộ, sau ba tuần chúng tôi đã thuộc lâu lịch ăn uống, khẩu vị từng bùa, sinh hoạt, yêu nhau. Tất cả như một mùi hồn tạp song vẫn phân biệt được, nhất là mỗi chiêu chủ nhật, ba nhà cùng nỗi lửa. Mùi tôi xào thịt bò của anh Thủ, mùi rau muống xào tóp mỡ của vợ tôi hoà trong mùi rượu để thơm nức với tiếng mỡ sôi lép bếp, béo tanh khi nhà Phạn rán cá.

Mùa hè năm ấy, gió quật từ hồ đem theo cả mùi ngai ngái và hơi tanh của bèo tây và bọt khí lòng hồ. Tôi thường đọc sách tối khuya bên vách đất. Vợ tôi đã lăn ra ngủ, thở đều, đôi chân trắng nõn của nàng gác lên bức ngăn gỗ.

Tất cả quen dần như vậy. Nó cũng giống như ta thở hít thứ không khí làng quê. *Hương làng* sống ăn đời ở kiếp bao đời với đa số người Việt Nam, nhưng chẳng ai để ý. Khi ra thành phố, vẫn nhớ nhở một cái gì đó, thiêu thiếu cái gì đó, xưa ẩn giấu trong vô thức, nay có dịp, hong hanh nhớ ra, gợi về cái làng xa kia mà chẳng nhớ rõ mùi gì.

Tuần thứ tư khi lấy nhau, vợ tôi ghi một dấu thập to vật trên tờ lịch. Mới chín giờ tối, mà hai nhà bên đã tắt đèn. Tôi đành tắt đèn trán và bật cái đèn ác quy vẫn dùng khi mất điện.

– Trời nhiều mây, gió nhẹ, nhiệt độ từ 18 tới 25 độ. – Tôi tắt voi dài.

– Tiên sư mấy con *phò* bán trứng <sup>(3)</sup>. Bảo mấy lần rồi mà nó cứ chèn ngang vào đầu hàng nhà mình.

– Ngày mai anh sẽ bảo nó. Thôi, lại đây ! Anh chúa ghét cái thứ khuy cà. Mai anh lên Hàng Đào mua cho em cái loại mới về của Thái ! Mêm và đẹp lắm. Sờ vào, mát cả tay !

– Rõ dở ! Tay gì như hòn than thế !

– Góm – có tiếng khúc khích rồi yên một lát.

Tôi cố tập trung cúi xuống đọc tiếp giáo trình thương phẩm để khỏi mang tiếng là nghe trộm.

– Anh yêu em như thế nào ? Có tiếng rất nhẹ từ chái phải vọng sang.– Tiếng Huyền !

Tôi bit tai lại. Đầu ong ong mà vẫn nghe tiếng rinh rích của bầy chuột đùa chơi trên trần nhà. Bit tai mới được muối phút

phải bỏ hai ngón tay ra. Khó chịu quá !

- Mùa đông bên kia lạnh lâm. Tuyết trắng xoá. Anh ở nhà một mình ngồi nghĩ tới em !
- Nói dối !
- Thật đấy, đoá hồng của anh !
- Ai tin ma ăn cỗ ?

- Nhìn trắng kia kia. Có nó chứng giám cho anh !
- Bây giờ của anh rồi, ván đã đóng thuyền. Còn yêu thế không ?
- Hơn chứ, Cưng ơi ! Anh yêu em bằng cả trái tim chỉ dành cho em !

Tôi chợt nhận ra, trắng lên thật. Tia sáng loang loáng như lưỡi kiếm màu vàng chém xéo qua khe cửa xuống vật chiếu vợ tôi nằm.

Có tiếng gì chun chút như tiếng mở cái giắc chưa cắm khói da thịt, như mút bóng từ miếng bóng bay vỡ, vọng từ chái phải. Lại nghe : “ Anh thích trai hay gái ? ”

- Trai gái đều được tuốt ! Gì cũng thích.
- Em thích con trai !
- Anh cũng thích con trai !
- Em thích con gái !

- Thôi, gái trai như vậy cả. Đây ! Con gái nhe... ! – Có tiếng thở. Tiếng cựa mình. Rồi tất cả chìm trong im áng như tuyệt đối. Một lát lại nghe tiếng sột soạt của áo quần. “ Ngày mai anh còn đi lên viện, có cuộc họp rất quan trọng ! Thôi, ngủ đi cưng ! ”

Gió đêm nổi lên. Đập vào chỗ trần nào kẹp không kỹ, đập lên đập xuống. Hình như có tiếng thở thức. Hay là gió ?

Buổi sớm hôm sau tôi ra chợ. Đám hàng rong bán rau và trứng bầy lấn ra hết cả lối đi. Mới sớm mà trời oi bức. Nhiều người ở ngoại thành kéo ra bán rau tự sản từ tinh mơ, những người buôn từ chợ rau Mơ cũng đã qua nhà tôi rình rịch từ khi trời còn tối. Cái chợ bé mà chẳng thiếu gì. Tôm cá từ mạn Đuôi Cá tươi đành đạch trong các thùng sơn hay trên mạt. Rau, dưa, hành, thơm, đủ cả. Quầy bán tiết canh lòng lợn ngay đầu chợ. Họ không trông thấy tôi. Tôi nhìn thấy Phan thoăn thoắt thái lòng cho vợ anh xếp lên đĩa. Mùi cháo đậm hành phả ra thơm ngậy. Tôi nín thở. Tôi quay mặt đi vòng nhanh trốn chạy cái mùi hấp dẫn. Cồn cào ! Tôi chỗ bán đậu phụ còn nghe tiếng Xuân lanh lanh : “ Nhà em hâm tiết bảo đảm, nước luộc lòng sôi trâm phân trâm. Các bác có chén tới ẽnh bụng cũng vớ tư đi ! ”

“ Tổ sư con kia, ông đã bảo không quang thúng chèn ẽnh chỗ đấy cơ mà. Đổ xe của khách ông bảo ”. Tôi quay mặt đi. Giọng Phan ! Có tiếng cười nồng khùng khục của ai đó. Tiếng ai : “ Em đi đây, em đi đây ! ”



Tháng sau, phòng quản trị công ty cho người tôi chuẩn bị mắc nước cho ba hộ chúng tôi. Người ta đo đạc sau nhà và quyết định đào phía sau một cái hố, xây bể nước. Công việc chẳng cần sự có mặt của tôi nên tôi về mới biết công trình ngày mai khởi công. Phan chạy sang nhà Huyền rồi quay sang nhà tôi : “ Anh em ta mỗi người bỏ ra năm ngàn bồi dưỡng thợ. Chúng em tính giá lòng mua, đất là hai lít chính hiệu *Con Nai Vàng*<sup>(4)</sup> nếp lủi. Thôi thì cho bọn nó nhòn mép một tí, không mai bể nước lại rò rỉ thì chết cả nút.” Vợ tôi lấy tiền đưa Phan. Gã cầm tiền xỉa vào vèo. Xong ! Phan cười, mùi rượu phả vào tôi : “ Giàu mà kiết, anh ạ. Nó tưởng em lợi dụng chém nó, hỏi đi hỏi lại mấy đồng bợ, như thanh tra không bằng. Em cần đech gì mấy các đếu<sup>(5)</sup> của nó ”.

Nửa tháng sau bể nước xong. Cái bể xả nước hồi hộp như đào vàng. Dòng nước trong vắt lùi dần lên trong bể. Cô

Xuân, cô Huyền chốc chốc lại ra ngoáy xuống. Phan và tôi xúc đất, than xỉ làm một cái nền quanh bể. Từ nay chúng tôi đỡ chen chúc tranh nước quanh cái vòi công cộng. Cám ơn công ty. Công ty muôn năm ! Phan tự nhiên hô to như vậy, gã nằm ra đất, sau khi dội ào ào liên mấy xô nước lên cái thân hình khi nào cũng ám lòng lợn và mùi rượu.

Vợ tôi dọn một mâm cơm đậu phụ và đĩa thịt vịt ra chiếc chõng kê ngay đầu hồi nhà Phan. Dù đã mồi gia đình cô Huyền trước, nhưng cô Huyền cười cười từ chối : “ Các bác cứ tự nhiên xơi, chứ nhà em hôm nay có hội nghị đã ăn cơm rồi ”. “ Cán bộ có khác, suốt ngày đi họp, lại đỡ cơm nhà ! ” – Xuân nói.

– Góm ! Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì cút. Ấy, em xin lỗi bác ! – Phan nhìn theo cặp mông cảng lẳn của cô Huyền tấm tắc cái quần hồng cô đang mặc để nhận một cái véo rút thịt của vợ.

Đêm ấy thực là dễ chịu hiếm có. Gió phe phẩy, nhiệt độ chỉ 18 độ. Tôi nằm xuống cứ thao thức mãi, có thể vì quá chén chăng ? Trăng mười bẩy và ánh sáng của muôn ngàn tinh tú loang loáng qua các khe hở phía trước nhà. Tiếng đồng hồ rí rách, chậm và thong thả thế !

– Lần này thì *trúng* thật rồi anh ạ.

- Nói thật chứ !
- Tiên sư đứa nào lừa anh !

Tôi giật mình nghe tiếng ré lên ngọt trong họng của Phan sau đó. Tôi trả vờ ho đánh tiếng. Có tiếng đám bùm bụp vào da thịt chắc nịch. Yên ắng một lúc, lại nghe :

- Anh yêu em không ?
- Yêu !
- Yêu thế nào ?
- Yêu đéo chịu được !
- Thật không ?
- Đ... mẹ thằng nào nói dối !

Tôi thiếp đi sau tiếng rúc rích, tiếng chân chuột vẫn chạy trên tấm trần cốt.

Tôi không hề biết rằng gần sáng hôm đó vợ tôi cũng *trúng*, bắt đầu có trong người một mầm sinh linh. Sự kiện phải hai tháng sau mới xác định được. Ba tháng sau, vợ cho biết tin ấy, tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì mình sẽ có con. Lo vì cuộc sống thế này, hai miệng ăn với lương lâu chỉ đủ chi hạt tiện, nay mai thêm trẻ, nuôi nấng ra sao ? Tôi không dám nói điều bẩn khoán ấy cho vợ biết. Còn vợ tôi thì hồn hở khi thấy nụ cười của tôi trong đêm. Chưa gì nàng đã dự kiến tương lai của cái hoa mới vừa hong noãn. Nào là đi học trường y, trường nhạc, nào là sẽ may cho nó đồ màu xanh ; nào là đi học bách khoa hay trở thành nhạc sĩ ? Đàm bà trẻ bao giờ cũng lăng mạn như bọn thi sĩ ấy, còn khi đã có con, trăm công ngàn việc, họ có còn vậy không ? Tôi không dám cười, lặng lẽ vợ vào lòng, nhìn nước mắt vợ cũng lặng ứa và chợt nhớ bao nhiêu ước trước chiến tranh tôi từng có.

Câu chuyện của chúng tôi nói nhỏ thế mà sớm ấy Phan nghe thấy. Phan chả hay dậy sớm uống trà rồi đi lấy lòng và tiếc từ ba giờ. Vài tháng sau, khi thau bể nước vì con chuột nào ngu ngơ sersh chán, chết nổi lềnh bềnh, Phan khoe : “ Vợ em cũng có rồi. Ba tháng ! Mẹ em sờ bụng, xem tóc gáy bảo : con trai ! Vợ chồng anh thì mong cháu đi học này, học nọ chứ con em chả cần học gì hết. Chỉ cần biết đếm là đủ ! Đếm không nhầm là đủ. Con trai cho học hết lớp năm, biết đọc báo. Con gái thì ở nhà giúp mẹ thái lòng, đếm tiền ! Hết ! ”

Phan nhoẻn miệng cười rồi vỗ vai tôi. Nụ cười của gã ngoắc tận tai, nom vô tư và rất thiện cảm. Nụ cười ấy xoá hết những nét rất sắc cạnh ở khuôn mặt phong trần của gã. Người ta, khi

cười rõ hình thiện và ác, có phải thế chẳng mà tôi quên đi hết nét mặt vốn dĩ chòn chọn của gã, giữ lại nụ cười ấy suốt bao nhiêu năm phiêu lạc sau này của mình. Bàn tay gã nặng và ấm đặt lên vai tôi. Tôi nghĩ, Phạn không đùa.

Mùa thu năm ấy đến sớm hơn mọi năm. Không gian trước nhà chúng tôi như rộng ra khi gió trở mình dùn hết bèo từ mặt hồ bên này sang bờ bên kia. Vợ chồng tôi cuốc đất, dọn bụi trồng rau ven hồ từ đầu hè. Thu tới, rau muống vừa cắn thì cải lên xanh. Nom rất mát mắt. Thấy vậy, vợ chồng Phạn cũng xí một khoanh. Cô Huyền cũng xí một manh, chạy dọc tới nǎm chục mét, rào kỹ mà chẳng trồng xối. Vợ chồng Phạn không mất tay, rau cải của họ chưa kín luống đã vàng. Bù lại, mấy hàng ớt của họ rất tốt. Xanh mướt và cho trái ngay. Phạn bảo, gã bưng cả gốc từ nhà bạn nén lạ đất và lầm phân gà mà như vậy, chứ chả giỏi giang quái gì ! Con người em như ớt ấy, càng lạ càng tốt, nhiều phần rác càng hay ! Lạ là cái gì nhỉ ? Tôi chẳng biết gã muốn nói gì. Hắn lai bảo, hơn ba chục tuổi mới biết cái sở trường của hắn là chọc tiết và hâm tiết ! Ông anh biết không, thọc con dao vào cái cổ mõm mõm trắng toát để máu phun ra chói loà ấy mà, chuyện ấy đâu có giản đơn. Phải biết ! Phải xỉu chính xác lưỡi dao. Không run tay, chêch hướng. Chọc một cái, đứt màng trên. Dí cái thứ hai, trúng tim. Tiết chảy hết, không đổ màu tím, không còn một tiếng kêu. Đấy là nghè ! Nghe gã nói mà rợn người.

Những khi rau rộ, chúng tôi tía vài cây tươi roi rói chia cho hai nhà. Đúng là chúng tôi bắt đầu già trước tuổi, hay là khó khăn mà thấy vui vui bên luống rau. Những câu chuyện bên cái vườn ấy lan man đủ thứ. Tôi biết thêm việc Phạn cũng từng ở lính. “ Ông đừng nhìn tôi bây giờ mà đánh giá nhé ! Tôi từng là học sinh giỏi, chẳng khi nào chịu tổng kết các môn tự nhiên dưới điểm 9 đâu ! ” Phạn mở màn với câu như vậy.

Phạn vào Bình Triệu Thiên hai năm, đánh dám trận rồi bị thương, ra Bắc điều dưỡng. Cả năm, anh đi xin việc khắp nơi mà không có công sở nào nhận. Sau nhờ bạn đồng ngũ, làm ở lò mổ dạy cho nghề tiết canh lồng lợn, lại tìm cả mối bô hàng. Phạn kể : “ Gia đình tôi gốc ở Nam Hà. Hai đời các cụ kỵ đều đỗ đạt, làm quan cho triều Nguyễn. Đời ông cũng bằng tây, chử ta đú cả. Tôi đời bố tôi thì ruộng nương cũng chẳng còn mà cái sở học, tiếng tây, những sự biết của ông về Hắc Sơn, Man, Chu Chi, Hè Min Uê <sup>(7)</sup>, đại loại như vậy, trả nên thừa thãi. Chẳng kiếm đủ cơm ở Hà Nội, bố mẹ tôi lên Tuyên Quang khai hoang rồi lại xuôi Hà Nội. Xoay đủ thứ, sau chuyển làm hộp giấy gia công, rang xay café. Khi sinh tôi, mẹ tôi chỉ muốn tôi sau này đú ăn nên đặt tên tôi là Phạn. Phạn là cơm. Mẹ tôi nói vậy. Người ta đói thì cần cơm. Cha mẹ tôi trong loạn lạc triền miên, nên giản đơn mong tôi có ăn là đú. Các anh chị tôi tên đẹp lắm, nào Hùng, nào Lan, Ngọc. Chuyện tôi lấy vợ là duyên số. Tôi quen cô ấy trong một lần đi xem phim ở Tháng Tám. Gặp người ta gây gổ với nó. Tôi can thiệp. Sau đó nên vợ nên chồng. Vợ tôi như miếng mỡ gầu, ngu hơn tôi một chút. Cô học chỉ hết cấp hai. Cái thời sơ tán, đạn bom, đi theo mẹ lang thang suốt trên những chuyến giao hàng. Nỗi lành úp vung lành, méo úp méo. Chúng tôi hợp nhau. Trời cho lộc thì chả mấy ch襌 tay dao tay thớt mà có của ăn của đé ! ”.

Đêm ấy tôi nằm nghĩ lại chuyện Phạn. Cái tên là lạ của anh ấy cũng có cả một lịch sử dâng đặc của mấy đời. Đời phúc tạp quá hay con người ta trót mơ mộng nhiều nên khi vỡ mộng thì quay lại thực tế với những điều giản đơn nhất ? Lạ thật, có còn xú nào cái tên cũng công theo thân phận, ước mơ của một kiếp đời không ?

Vài lần, khi cả bọn đang làm vườn, tôi thoát trong thấy bóng

anh Thủ nhìn chúng tôi qua cửa sổ. Cái nhìn rất khó hiểu, gật đầu chào nhau mà tôi vẫn thấy có gì đó không cất nghĩa. Sao anh ấy không trông hái gì nhỉ ? Tôi tự hỏi khi cô Xuân và vợ tôi vừa nhổ cỏ vừa thi thoả. Họ thương cùng kiếp đàn bà mà sao chỉ Huyền vợ Thủ chưa có gì. Phạn cười phá lên : “ Các bà lo bồ trắng răng. Tại giống đấy. Bọn tôi lực điên, giống xịn. Còn nó giống phò. Không tin để tôi thử một phát. Lách trái con gái, lách phải con trai. Trúng ngay ! ”. Xuân đứng bật dậy, tát liền vào má chồng : “ Tiên sư cái thằng dê ! ”

Tát rõ mạnh. Ten tép hai ba cái liền, thế mà Phạn chẳng né tránh, còn cười như phá. Tiếng cười thia lia trên mặt hồ có làn sóng lao xao.

Chúng tôi cứ như thế, như thế sống.

Tôi bước vào năm cuối cùng tại chức nên rất bận. Tuy nhiên vẫn phải chuẩn bị vật chất cho đưa con sắp chào đời. Tôi đi làm thợ hồ, thợ chụp ảnh đám tang, đám cưới, làm điện trong tất cả các ngày chủ nhật, cả ngày lễ, Tết. Vợ tôi năng len bà ngoại lấy tóp mõ, dưa, thịt kho, cá kho. Vợ chồng Phạn thì xoay ra mua lợn tự mổ, bán kèm thịt. Có hôm, không mổ ở nhà chủ lợn, Phạn đèo lợn bằng xe đạp về chọc tiết ngay đầu hôi. Hắn làm thế nào mà không có một tiếng kêu. Sáng ra, thấy vệt máu mới biết đêm qua hắn làm lợn ở đó. Tôi bảo, ông khéo thế ! Gã hiểu ý tôi cười : “ Sợ làng xóm mất ngủ thôi, còn mấy ông bác thuế vụ, có phần cả rồi ! ”.

Vợ chồng anh Thủ vẫn đều đi làm. Mỗi sớm, anh dắt xe máy qua cửa nhà thấy tôi gật đầu chào. Bây giờ anh để bộ ria đen nhẵn, cặp kính râm vừa khuôn mặt màu xám nom rất hợp. Mắt luôn nhìn thẳng như chưa bao giờ trông thấy chúng tôi. Tôi nghĩ, mỗi người có một cá tính và sống bên Tây rồi nên như thế. Nhưng Phạn thì phản ứng ra mặt. Một lần đụng nhau ở chỗ bể nước, Thủ vụng về để rơi thùng mực nước xuống mà không sao lấy lên. Phạn nhổ nước bọt ra dáng khinh bỉ, du xuống lấy hai chân khêu cái dây lấp lò lòi lên. Thủ không nói gì, mặt hơi tái, xách xô nước đi về nhà không ra nữa. Cô Huyền ra kín nước thay chồng. Phạn mực nước giúp Huyền, lại xách cả hai thùng về để ở đầu hôi nhà Thủ. Không hiểu sao Phạn hay ác cảm với Thủ như vậy ?

Sau Tết, qua xuân, sang hè, cái bụng vợ tôi cao lên bao nhiêu thì công việc chuyên sang tôi bấy nhiêu. Vợ tôi yếu, người vàng nhơ. Cô ấy chẳng chịu ăn, hơi thở trời là kêu mỏi, đau. Vợ Phạn thì không như vậy. Chị quấn quật từ sáng tối tối mít như chưa từng có chửa. Cái bụng ưỡn ra phía trước, bước chân khuỳnh khoàng nhưng vẫn thoán thoát đi trước gánh lòng, thịt chông gánh. Đúng là trời sinh ra mỗi người một phận. Chúng tôi thường an ủi nhau rằng có con thì hạnh phúc phải trả giá, thêm vất vả, neo bẩn. Cô Xuân đói khi e ngại nhìn vợ tôi rồi lại bảo : “ Sướng chán, nom con Huyền kia kia, có cái deo gì để sướng như tụi mình đâu ! ”. Lời thì thế, nhưng mặt ngó không có ý ác. Vợ tôi nhăn nhó cười.

Tháng tám vợ Phạn sinh trước. Một thằng con trai rõ to khoẻ, bốn cân hai, chân tay mõm mõm, mắt đen nhìn lơ láo, miệng đỏ tươi như mũi quýt hồng. Tôi hỏi Phạn, đặt tên con là gì ? Phạn bảo : “ Tiến ! Tiến lên ông à ! ”.

Hồi ấy, Hà Nội chưa chơi Tá Lả, mới có trò Tiến Lên. Giá có Tá Lả thì chắc Phạn đã đặt tên con là Tá.

Vợ tôi vật vã hai ngày hai đêm trong bệnh viện Bà Mẹ Trẻ Em. Mụn gái chưa đầy ký rưỡi, ủ trong lồng kính, chân tay đầy lồng như con chuột con, nom rất thương. Phạn chắc cũng như tôi chỉ mong mọi việc xong là về nhà với con. Khuôn mặt người ta có hạnh phúc là biết ngay, lúc nào Phạn cũng ton ton. Không

biết nom mặt tôi có thể không ?

Sự thật là như vậy ! Nhưng bên niềm vui dễ cảm nhận ấy thì Phạn rất vất vả trong mỗi phiên chợ mà chỉ có mình anh. Tôi thì khỏi phải kể. Ai đã từng có con ở cái thời bấy giờ, cái thời mà mua một hộp sữa, một lang sườn nấu cháo cho trẻ cũng phải cân nhắc, đắn đo mãi, phải nhịn ăn, nhịn tất cả mọi sở cầu vật chất, tinh thần của người lớn như thịt tươi, xi nê. Sự ấy, cho tận tới khi con gái tôi biết đi, biết chạy và đến lúc bảy tám tuổi, chúng tôi chưa hết vất vả vì cháu luôn đau ốm. Tim dị tật, bẩm sinh, phản kháng rất nhạy với đủ mọi thời tiết. Sau, do tiêm gì đó động huyệt, chân cứng nhắc, đại tiện đúng rất tội ! Không khí trong nhà luôn căng thẳng, nhất là những ngày nóng bức mà con khóc ngặt nghẽo, mềm lả trong tay người vợ tôi.

Có thể tất cả những điều ấy đã làm cho một thằng tôi, một người quen với cuộc sống 12 năm ở lính, chỉ quen chấp hành mệnh lệnh, nay trở nên một người hết sức lúng túng chăng ? Đì bộ xuyên rừng tốt, kiếm rau rừng tốt, kinh nghiệm tìm nơi ẩn giấu, giữ cái mạng mình tốt, nhưng chả biết gì ở cuộc sống một cặp vợ chồng phải mềm mại giải quyết những khó khăn khi rơi vào hoàn cảnh mà tôi kể trên. Tôi trở nên thường xuyên cầu bẩn vô cớ. Vợ tôi cũng hết cả sự dịu dàng của cô kỹ sư trẻ vừa ra trường. Cả hai kẻ chẳng đứa nào xấu, nhưng ngô nghê trước cuộc sống gia đình vốn chả giản đơn. Sau này nghĩ lại, tôi vừa xa xót vừa ân hận. Nhất là nghĩ tới vợ tôi, người suốt cả thời gian ấy phải chịu đựng quá nhiều, việc cơ quan, việc nhà, việc con cái ốm đau. Song thường là, người ta có gục xuống, thì mới nhận ra điều đã mất. Đã mất đi thì cái gì chứ tình cảm như con chim sổ lồng đã vụt bay mất rồi.

Chúng tôi cãi nhau về những điều rất lặt vặt trong đêm. Từ chuyện tôi hút thuốc nhiều ; chuyện đi hôm về tối chẳng buồn nhẫn một câu ; chuyện sao nhà bừa bộn thế, đến cái đầu tôi luôn hôi, bốc mùi trong căn buồng hẹp ! Tất tần tật ! Mọi sự cứ sinh sôi, chất đầy, nền chật trong cái hộ vốn hẹp tí của chúng tôi. Tháng, năm, những giọt nước mắt khô đi để lại khuôn mặt lâm lì và nặng chình chính của vợ cả mỗi khi cơm nước dọn ra ; có khi bất ngờ không duyên cớ, những tiếng bát vỡ tan tôi ném vào cái cửa đầy những khe hở. Trong khi đó, cuộc sống của vợ chồng Phạn, Xuân vẫn hùng hục như ngày nào, vất vả hơn, nhưng thực là thứ cây hoang dã bất chấp mọi thời khí, để những khi Phạn dậy muộn, chúng tôi phải nghe một câu chửi rất chói tai của Xuân :

– Trời ơi, deo mẹ nó chửi, bảnh mắt rồi mà bố con nó còn ôm nhau ngủ như chó thế kia ?



Khi đứa trẻ đầu mới chập chững biết đi thì vợ Phạn lại chửa. Công việc đòi hỏi cần có người giúp đỡ. Lúc sinh con đầu lòng, mẹ Xuân tới, hai tháng sau quật giật tã đỡ đần Phạn. Lần này Phạn dứt khoát không muốn mẹ vợ vất vả. Sáng xuống nhà, chiều ngược vào phố. Bà ngoại già rồi, phải ngoi ngoài chút xíu chử ! Phạn bảo vậy.

Một cô gái thôn Linh Cầu, đang tuổi xuân thì, em họ Xuân, tên Phượng. Tóc dài mượt đến ngang lưng. Hai tháng trời ra Hà Nội ở nhà trông cháu, không mưa đồng, gió bão, tráng ra, mắt luôn lấp lánh, đôi má mòn mòn như rắc phấn.

Có người giúp việc, quán xuyến, tháo vát từ trông cháu tới cơm nước, vợ chồng Phạn rảnh rang đan tay làm ăn. Mà đúng khi ấy, Hà Nội đang rõ cao trào nhà nhà nuôi lợn, nên công việc giết mổ, tiết canh rất thuận. Phạn bận bìu lấm, quần quật suốt tháng, suốt năm, nhưng vẫn phồn ra hơn cả hồi mới lập gia

dinh, lại bớt say ngất ngư. Một bữa Phạn sang tôi bảo, sao vợ chồng tôi không thêm một nhau. Cho có lứa ! Cho chó có đàn ! Tre ấm bụi ! Như cách nói của Phạn. Hắn cười hoặc cái miệng khi ghé tai tôi : “ Hay máy ông anh tịt rồi ? ”.

Phan thừa sức biết gia đình tôi khó khăn ra sao, nhưng điều hắn không thể biết là tôi đã rất nhiều lần phải tự dày vò với mình khi công ty mở chiến dịch giải toả hàng, điều cán bộ bảo vệ đi áp tải. Chỉ cần phẩy tay một cái, trút ngay vài can nước mắm là có mấy tháng lương. Sự hao hụt vài chục lít nước mắm sẽ được bù trừ dễ dàng bằng nước ruộng. Nhưng tôi không sao làm được cái điều giản đơn ấy. Can nước mắm trở nên nặng như buộc đá mỗi khi định xách nó xuống xe dọc đường. Hay, vì công việc chuyên môn, những lần lập biên bản, giáo dục những người ăn cắp hàng hoá níu tay tôi lại ; hay từ điều xa xôi nào, ẩn tàng một cái nhìn như quở trách con người thực tại của tôi khi ấy. Ai nhìn tôi ? Mắt vô hình ! Ở đâu, từ đâu nhỉ ? Tôi cũng không tự lý giải ngọn ngành mà chắc Phạn càng không biết. Hay là hắn biết mà không thèm nói, vì có lần thấy tôi đầm chiêu, hắn bảo : “ Các ông là hay phúc tạp lắm. Đời rắc rối quá rồi, cứ để nó thiên nhiên ! ”<sup>(8)</sup> Nghĩ nhiều là tổn thọ ! ”.

Vợ chồng Thủ, Huyền vẫn chưa có con. Tôi ngửi thấy mùi thuốc bắc đủ loại thơm phức bay sang nhà tôi. Tôi luôn nhìn thấy khuôn mặt đã buồn buồn lại buồn hơn theo năm tháng của Huyền. Anh Thủ vẫn qua cửa nhà tôi mỗi sớm. Cái Mu Kích đã thay bằng chiếc xe Hon Da đầu bằng máy cộc, long lanh giọt lệ<sup>(9)</sup>, nhưng khuôn mặt thì chẳng đổi, vẫn là cái gật chào rất lịch sự, bộ ria nhẵn nhụi và kính nâu nhạt.

Năm ấy hay mát điện. Mát điện thì ngày cũng như đêm. Ngôi nhà của chúng tôi biến thành lò thiêu. Riêng chái nhà Thủ ở hướng Nam, lại có bóng cây lớn phủ lên và Thủ trổ thêm cửa rộng đằng hối, nên rất mát. Buổi chiều, bên hối ấy trẻ con hai nhà hay làm sân chơi. Phượng cũng bé cháu ra đó cho uống sữa, ăn bột, hóng gió.

Tháng bảy, cô Huyền đi dưỡng bệnh trên Tam Đảo một tháng theo tiêu chuẩn công đoàn. Chắc ở nhà buồn, chiều nào anh Thủ cũng ra chơi với trẻ con. Nom người vây mà dỗ trẻ còn tài hơn cô Phượng. Anh bế con Phạn rung rinh trên tay, cười nắc nẻ. Tôi nhìn ra chợt thấy thương anh. Căn hộ chật ních tiện nghi, lương lậu đủ chi, lại thấy anh luôn có khách tới mua bán đồ phim giấy, chắc kiếm ăn được. Thế mà anh chưa có một đứa trẻ ! Nom đôi mắt và cái miệng có ria xanh kia nụt trẻ rười rượi, chắc cũng thèm một mụn con ?

Cuối tháng bảy, trời chợt đổ cơn mưa chiều bất ngờ. Cô Xuân từ chợ đội mưa về lấy thêm nước mắm, thấy dây quần áo chưa kịp rút, ướt sũng trên giày phơi. Xuân ngó vào nhà chẳng thấy có em đâu. Linh tính thế nào, cô đạp mưa, chạy xô cửa nhà Thủ. “ Con em tớ còn ôm cháu. Mặt gục xuống. Thằng khốn nan đã cởi hết khuy áo của con bé đại dột. Thiên lén vú vê, hêu hếu cả rồi. Tớ điên hết cả người, chả kịp nói gì, lao vào giật con và tát ngay một cái lèch mặt thằng khốn nạn ”. Hai tuần sau Xuân vẫn kể hệt như vậy với vợ tôi.

Đêm ấy tôi tưởng tượng lại câu chuyện qua lời thuật của vợ. Tôi thấy Thủ mặt tái với vết tát đỏ, cúi mặt xuống. Thấy tiên nữ làng quê của tôi hối hải ôm áo đôi mưa chạy về nhà. Thấy Xuân chạy ngược ra chợ báo tin dữ với chồng mà Phạn mặt tím lại nhưng vẫn bình thản thái thịt xếp lòng. Tôi nghĩ Phạn sẽ vác dao xông vào băm cho Thủ mây nhát. Nhất là vợ anh cứ sấn sổ quát : “ Bỏ dao thót đáy cho tôi, về cho nó biết thế nào là mõ chài với mõ khổ ! ”.

Vậy mà im như thóc. Tôi ấy, Phạn vẫn sang tôi uống trà

nhưng lâm lì, không hé răng về chuyện đã xảy ra.

Mưa chiều làm nhẹ không khí cho vợ chồng tôi ngủ thiếp từ chín giờ. Có lẽ hai giờ sáng, tôi chợt tỉnh vì tiếng thì thào từ nhà Phan vọng sang : “ Tôi nói như thế đủ rồi. Đàn bà như cô biết đeo gì ! ”.

Có tiếng thú thít. Không biết Xuân khóc hay cô Phượng khóc. Lại nghe.

– Em cô vú vê nòn nõn như thế, làm đếch gì không có đứa thích. Nó chưa tut quần em cô là may rồi. Xứ như cô chả ra sao, lại tan nát hết ! Lỗi ở con mả mẹ kia nữa. Con gái phải biết giữ mình. Các bà, cái gì chả đổ tội dâm ô trụy lạc cho đàn ông ! Đàn ông, đàn bà đều là đàn. Còn thằng Thủ, tôi có cách của tôi. Sao cho nó sợ mà lại biết rõ bộ mặt nó, cho nó biết rõ cái mặt mình. Khóc gì nữa. Ngủ đi, mai còn chợ. Con Phượng muốn lên thành phố thì thiếu gì chỗ. Bạn bè tôi, dân giang hồ, tứ chiềng, đủ cả ! Không thiếu thằng chồng ra chồng. Các bà thời này cứ tưởng, mới một tí là chu lên như chó, khóc thảm như thiên hạ khóc Kiều ấy ! Bà biết Kiều không? Hay đếch biết nốt ? Cũng như cô em cô thôi. Đẹp mà, thời nào chả chết ! Không đẹp thì chó nó dòm, một quan cũng chả đắt, tiền đâu chuộc ông via. Nín ngay cho tôi nhò ! Thế đấy ! Chán quá ! Đời ơi là đời ! Đời cứ là đời. Lý thuyết lồng nhằng với cô chán bỏ mẹ. Ngủ đi cho nhanh để mai còn chợ búa !

Tôi bàng hoàng. Thì tôi cũng là thứ chẳng ra gì. Tay đây, vai đây, sức vóc đây mà như bị vòng kim cô thít chặt. Xoay xoá như thế nào, kiểu nào cho vợ con mắt mặt ? Tôi nín thở, cắn răng để khỏi đấm mạnh xuống giường.

Buổi chiều hôm sau. Biết Thủ có nhà, Phan sang rủ tôi sang. Tôi từ chối. Nhưng Phan quyết kéo tôi đi. Anh không lo ! Phan này chả dẫn ai vào thế cùng đâu, gã nói vậy và kéo tôi xênh xách ra cửa.

Cái bàn gỗ lát có tấm kính và bộ uống trà men sứ tây long lanh trước khuôn mặt tái nhợt của Thủ. Tay anh run run nhưng còn chút bản lĩnh để mở cửa, lịch sự mời chúng tôi vào nhà. Đôi mắt Thủ vốn vô hồn, giờ đây nhớt nhát, khó tả quá. Tôi ngoảnh mặt đi chỗ khác, nín thở. Không khí căng, im như khi tôi lên dây mí đàn ghi ta.

Phan vào đê ngay. Tiếng anh nhỏ, nhưng gần :

– Nói cho ông biết ! Vuốt mặt phải nể mũi ! Đánh đĩ thiếu đéo gì nói. Nó là em tôi ! Chúng tôi không phải là chó ! Cho ông một nhát thì dẽ hơn chọc con lợn. Nhưng như thế thì tiệt cái thứ giêng tôi xóm giềng. Ông định lợi dụng nó thì phải dứt khoát sang xin lỗi vợ tôi, xin lỗi con Phượng. Còn muốn có con vì vợ thiếu trung, hoặc yêu thực nó thì báo vợ. Có gan ! Tôi cho ông quan hệ thoái mái. Đ... mẹ ! Đừng có lập lờ ! Hẹn cho ông ba ngày ! Nếu không làm thì nói một câu cho nhanh ! Nhắc lại, chúng tôi quyết không phải giống chó ! Nhưng... !

Phan chợt dừng nói. Anh đứng phát dậy. Tôi giật thật người.

– Thôi ! Đủ rồi ! Phan kéo tôi đứng dậy, đi luôn.

Suốt vài hôm, tôi không thấy bóng Thủ. Hắn biệt đi hai hôm, lại về. Tôi không rõ việc Thủ có gặp Phan không và nếu gặp thì gặp ở đâu, nhưng thấy Phan trở lại vẻ ton ton xưa. Thậm chí còn tinh bơ huýt sáo như chưa hề có chuyện gì. Mãi nửa năm sau Phan mới bảo, nó thực hèn, đạo đức giả, cố làm sang, tách ra khỏi hàng xóm láng giềng. Đi mẹ đâu cho khuất chứ còn gầm trời này, phải thở khói bụi này ! Nhưng may là nó còn biết thương vợ một chút. Còn không thì em bảo, Phan này không thích đùa dai.

Chuyện chỉ biết đến vậy. Mắt gã khi ấy kinh thật ! Quắc

sáng như điện, chớp lạnh cả sống lưng tôi.



Hết đợt nghỉ, Huyền về và sự việc Thủ với Phượng chìm trong lăng quên. Cũng còn do sau đó hai tháng Phượng về quê, thế chỗ là một chị cứng tuổi, cũng em Xuân. Đùng một cái có tin vợ Thủ có mang. Một năm sau sinh một cháu gái rất khau khỉnh. Con Thủ đầy tháng, cô Huyền tổ chức đầy tháng cho con, xe pháo chất cả dãy bên hồ.

Chúng tôi, hàng xóm láng giềng cũng sang mừng vợ chồng Thủ. Vợ tôi và Xuân bàn nhau đi mua quà mừng. Họ mang về một cân đường, hai chục trứng gà, một bộ quần áo lót lòng rất đẹp trên hàng Đào làm quà mừng đầy tháng. Từ nhà Thủ, xong việc, Phan vào tôi uống nước. Hết tuần trà thứ hai, gã ghé vào tai tôi nói : “ Ông có thấy con bé giống ai không ? ”. Tôi trùng mắt lên ngạc nhiên. Phan cười bảo : “ Nó chẳng giống ai cả. Thụ tinh nhân tạo đấy ! Như lợn ấy mà. Ông không biết chuyện này đâu. Nhưng tôi thì biết rõ ! ”. Tôi có cảm giác bất nhẫn, nhưng lại nhớ lại việc gặp vợ chồng Thủ ở viện bữa nào mà họ cứ né mặt. Có thể như vậy thật. Trâm ngâm một lúc, Phan lại nói : “ Cái hôm nô gắp tôi để nói chuyện con Phượng, có lúc điên tiết, tôi đã tính đập mẹ nó xuống hồ, thí cho một nhát. Đến lúc nó cúi mặt xuống, kể chuyện rằng vợ chồng phải thụ tinh nhân tạo thì mình lại thấy giận dữ, cầm thù cái bộ mặt đều già của nó biến đi đâu hết cả. ”

Từ ngày có con, Thủ chẳng thay đổi gì, vẫn khuôn mặt như hôm nào, nổ máy xe nhẹ nhè qua cửa nhà tôi.

Gia đình Phan cũng thêm đứa nữa là ba mống, hai trai một gái. Vợ chồng tôi vẫn ở với nhau. Chúng tôi hoàn toàn tan vỡ về mặt tình cảm nhưng bệnh tật của đứa con gái vẫn níu chân nhau lại. Có bạn, tôi bỏ nhà một đêm sau lần tôi thư từ với một bạn gái cũ tận Huế, bị vợ nghi ngờ trai gái, vẩn vẹo rồi ném thẳng vào mặt một câu nói khinh bỉ : “ Anh là đứa phản bội. Từ bộ đội về, thực khổ rách áo ôm ! Bây giờ no xôi chán chè lại định mèo mả gà đồng hả. Muốn bỏ mẹ con tôi thì nói cho rõ ràng rồi chia tay ! ”.

Tôi không muốn thanh minh cho sự hèn hạ và kém trai đồi của tôi khi ấy. Tôi không đủ sức chịu đựng và hiểu ra nguồn cội câu nói nặng nề của vợ. Tôi cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Tình cảm của cả hai như con chim sẻ già bị bẫy vào lồng, cố vùng vẩy càng xác. Chỉ còn nước chim tự cắn lưỡi chết hay vụt bay đi khi cửa lồng vô ý hé mở. Như thế, vợ tôi và tôi là hai bóng ma buộc vào đứa con tật nguyên.

Năm 1988, con gái tôi đã hơn mười tuổi. Cơ quan có đợt đi Đức. Tôi quyết định ra đi mong : “ Có tiên mà tay vẫn ”. “ Cũng nên biết ở xứ khác, người ta sống thế nào ” vợ tôi nói vậy. Chúng tôi quyết định, nếu tôi đi thì bán căn hộ ấy để vợ tôi có cái mà chi tiêu chữa chạy cho con. Vợ tôi cũng muốn đi chỗ khác. Cô ấy bảo, đất ấy xúi quá nên con cái không ra gì. Nếu bán hộ ấy, tính cả đất chúng tôi chiếm được trước, sau nhà làm vườn, chái bếp công ty mới làm cho ba hộ sau nhà, vị chỉ khoảng hai cây ruồi. Tôi hoà hông một phòng nhỏ ở khu tập thể gần nhà mẹ vợ bên Tương Mai còn dư ra vài chỗ. Thế là quyết !

Vợ tôi đánh tiếng cho cô Huyền vì biết cô đóng tiếng mua nhà. Dày đưa hai tuần, ông Thủ dứt khoát chỉ trả cây tám. Chuyện bán chắc nhà tập thể khi ấy chẳng phải che giấu như xưa nên đến tai Phan. Tôi chủ nhật Phan sang hỏi giá và không bót một cốc, hẹn tuần sau chồng đủ hai cây ruồi. Vợ tôi mừng rỡ, sớm sau vay tiền mẹ đặt cọc cái phòng nhỏ nói trên. Đùng một cái, thứ tối thứ hai vợ tôi lại nhận tiền đặt cọc của cô

Huyền. Ba cây ! cẩn hộ này ba cây ! Vợ tôi báo với tôi giọng mẫn nguyễn.

Tôi không biết xử lý ra sao. Trời ơi, nửa cây với chúng tôi là cả gia tài lớn. Bảo vợ giữ lời với Phạn thì mất tôi nửa cây. Tôi trần trộn với nửa đêm nhưng không sang nói lại với Thủ hoặc là thưa lại chuyện với Phạn. Đêm tối, tôi quay về nhà Phạn lâm rầm : “ Phạn ơi tha thứ cho vợ chồng tôi ! ”

Ngày giờ tôi đi Đức được quyết định chính xác. Ngày giờ chúng tôi chuyển đi, bứt khỏi nơi chúng tôi sinh sống, chung đụng mười hai năm trời trong cái nhà ba hộ, đã xác định. Vợ chồng tôi vào đêm trước ngày chuyển nhà không sao ngủ được. Con gái đã ngủ, chúng tôi ngồi yên lặng nhìn nhau không nói một lời. Cô ấy đang nghĩ gì nhỉ ? Bao lần tôi tự hỏi.

Đêm ấy, tôi linh tính cảm thấy cuộc đi của tôi là cuộc chạy trốn vô vọng hay cô ấy cũng cảm thấy điều ấy mà mọi sự nói chuyện phút chia tay đều trở nên vô nghĩa và dối trá ?

Cuộc dọn nhà diễn ra trước khi tôi đi Đức hai ngày, rất nhanh và không kèn trống. Tôi và vợ sang chào Phạn. Vợ Phạn vẫn cười chúc chúng tôi may mắn. Phạn thì chẳng nói nửa lời. Mắt hán lơ lửng nhìn đi đâu. Mỗi lúc ra cửa gã mới hạ một lời gọn lỏn : “ Thôi, ông đi ! ”

Gã giận là phải ! Tôi nghĩ.

Tôi ngoái lại mảnh đất. Con đường. Cái hồ. Ba cǎn hộ !

Khi ấy bất chợt xuất hiện bầy sặc huyền ảo của chiếc cầu vòng dẫn từ bên bờ bên này sang bờ bên kia hồ. Tôi dụi mắt. Không ! Cầu vòng ! Cái hồ nửa nắng, nửa mưa tạo thành cầu vòng, bắt đầu từ cái dải đất bên này vắt sang bờ bên kia.

❖

Thực ra câu chuyện chỉ nên kể đến vậy. Nhưng thực bất công nếu quên nhắc tới việc vợ tôi đã hết sức kiên trì theo đuổi chữa bệnh cho con gái tôi. Qua bàn tay của giáo sư X, với hai lần phẫu, mổ tim và mổ chữa xơ cứng cơ tứ đùi, con tôi hoàn toàn đi lại bình thường. Tất nhiên cũng phải tốn kém. Con gái chúng tôi học xong đại học và ra trường, nay công tác tại một viện khoa học. Nửa năm, sau khi nó khỏi bệnh, tôi nhận được thư và đơn ly hôn của vợ tôi gửi sang. Thư khá dài, nhắc lại thêm đau buồn. Nhưng không bao giờ tôi quên được đoạn thư sau : “ Em biết, anh không yêu em. Sự cầu mong một gia đình, sau lân anh cãi nhau với chị dâu anh, dẫn đến việc chúng ta đột ngột quyết định từ bỏ quen biết thành vợ thành chồng. Đốt cháy giai đoạn, cả em và anh đều ngộ nhận. Tuy mỗi người ngộ nhận một dạng khác biệt. Chia tay, em cầu mong cho anh sẽ chẳng khi nào mắc lại khuyết điểm ấy. Không thể có một gia đình thiếu một tình yêu đích thực... ”

Tôi về phép. Chúng tôi ly dị. Tôi thè chẳng bao giờ quay lại nhà ba hộ. Nó không có tội gì, nhưng tôi không muốn nhìn lại quá khứ, kỷ niệm một thời chật chội ! Vì thế, mấy năm liền, dù vẫn về Việt Nam ăn tết với anh chị tôi nhưng không khi nào tôi ghé qua nơi đó.

Sự đời chẳng giản đơn giữ một câu thẻ.

Tết vừa rồi, tôi lại về thì gặp con cả của Phạn đi cùng chuyến, ngồi cạnh ghế. Vô tình hỏi chuyện, mới nhận ra cậu bé mũi xanh lét, ngày nào cha cậu định quyết số phận cậu *chỉ học hết lớp năm, biết đến là đủ*. Thằng mũi xanh ấy, vừa dỗ đại học kiến trúc tại Đức với số điểm cao tuyệt đối và được ở lại để làm tiếp bằng tiến sĩ. Vậy là tôi quay lại nhà ba hộ với sự háo hức qua những lời kể của con Phạn : “ Bố mẹ cháu vẫn nhắc tôi bác. Mẹ cháu vẫn hay tới thăm vợ bác. Mà sao cả hai bác không đi

bước nữa hở bác ? Chú Thủ sinh thêm con gái nữa. Vẫn ở đấy, nhưng bây giờ nổi tiếng lắm. Chú ấy lên ti vi, viết cả thơ, mới đỗ tiến sĩ mĩ học gì đó ! Cô Huyền lên Hồ Tây xây một biệt thự, sống hẳn trên đó với con. Bố mẹ cháu đạo này bỏ bán lòng lợn tiết canh, chuyển sang mở hai cửa hàng bia hơi. Người làm thuê bây giờ ở quê ra đây nên bố mẹ cháu không phải đầu tắt mặt tối như trước nữa.”

Tôi bàng hoàng không nhận ra con đường cũ. Một dãy phố dù lộn nhổn nhưng đúng là phố, hiện ra bên hồ không tên xưa. Mặt hồ vẫn nhiều bèo tây và tôi cảm thấy hẹp lại. Tôi chẳng còn trẻ để xúc động, dù nhận ra cái mùi tanh tanh của nước hồ ngày nào. Ngôi nhà của Thủ và Huyền rộng tới hơn bảy chục mét, cao vót lên với cái tháp tròn Ba Tư. Tháp muôn nghiêng chùm lên ngôi nhà ba tầng của Phạn. Được báo trước, Xuân ăn mặc rõ nuột nà, còn Phạn thì nghiêm chỉnh trong bộ com lè màu xám rất điệu. Họ đã bốn cháu, nom cũng khác trước, đãi ra và tóc đều đổ muối tiêu cả lượt.

Chẳng đứa nào chịu chỉ biết đếm cả ! Gã cười toác tận mang tai khi tôi nhắc chuyện cũ và chỉ sang nhà bên : “ Xem kìa ! Ông tiến sĩ mĩ học xây cái nhà nửa tây, nửa ta cứ chực nuốt tôi. Tôi thu xếp xong cửa hàng bia hơi nữa cho ổn, sẽ bán đây đi, nhường khu này cho lão và chuyển hẳn đi anh ạ. Con cái đều muốn vậy. Chúng nó bảo, bố mẹ lưu luyến gì đây ? Sau này người ta sẽ chẳng phá tất đi để xây lại hết cho mà xem ! Bây giờ chả đứa nào nó nghe mình, nên mình khéo phải theo chúng lên khu mới làm nhà mới, cho đời chúng chuyển hẳn sang cái đất khác đi. Ông anh và tôi cố sống chờ xem bọn trẻ chúng nó có cơm cháo gì không rồi nhẩm mắt. Mà đếch ai biết được con tạo nó vẫn thế nào ông anh nhỉ ? ”.

Phạn đặt tay lên vai tôi. Mắt ấy, môi ấy, hơi rượu thơm nức phả vào tôi để tôi nhận ra hắn đã rũ sạch nỗi bức xưa.

Mưa xuân lác lắc lẩn trong nắng nhạt. Bụi cúc tần sót bên kia đường mới nhả đám tơ hồng vuơn lên chua chát những sợi lúa ruộng vàng óng, cố bứt lên, trong áo huyền mưa nắng, khỏi màu xanh đồng già cũ.

Nước Đức, 2001  
**Nguyễn Văn Thọ**

(1) Chợ Cóc : chợ họp do nhu cầu tự phát. Lúc nới này khi mọc lên nới kia. Không có tên, không nằm trong quy hoạch. Hà Nội rất nhiều chợ như vậy.

(2) Xe máy Simson của Cộng Hoà Dân Chủ Đức. Những người đi du học khi ấy thường được tiêu chuẩn mang về hai chiếc trong bốn, năm năm tại Đức. Rất được giá thời kỳ Đông Đức chưa thống nhứt.

(3) Đồ phò, trứng phò, có ý loại trứng không ra gì.

(4) nhãn hiệu *Con Nai Vàng*. Cách nói của đường phố, ý đây là đồ xịn.

(5) Đông bọ, Cắc đếu. Tiếng lóng đường phố. Chỉ tiền không đáng mấy.

(6) Knut Hamson, Thomas Mann, Winston Churchill, Ernest Hemingway, bốn nhà văn giải Nobel trước 1954 của Na Uy, Đức, Anh, Mỹ.

(7) Thiên nhiên- Tự nhiên, cũng từ biến dạng của đường phố, ý nói hợp tự nhiên.

(8) Một kiểu xe được ưa chuộng thời kỳ ấy của Nhật. Trên bảng đồng hồ có đèn xanh, kim vàng nên người ta gọi vậy để phân biệt với xe Honda Sài Gòn trước bấy nhăm.

# SÁCH MỚI SÁCH MỚI SÁCH MỚI

**» Bertolt BRECHT, *Người hào tâm thành Tứ Xuyên / Der gute Mensch von Sezuan*, bản dịch của **Thái Kim Lan**, Nxb Đà Nẵng, 1999, 436 tr.**

**» Hermann HESSE, *HUỆ TÍM và những truyện khác / IRIS und andere Märchen*, **Thái Kim Lan** tuyển dịch, Nxb Đà Nẵng, 1999, 272 tr.**

Trên bầu trời dịch thuật văn học ở quê hương của Goethe đã xuất hiện những ngôi sao sáng : Lê Chu Cầu (dịch tiểu thuyết Đức và Anh văn), Nguyễn Tường Bách (sách Phật học), Bùi Văn Nam Sơn (sách triết học của I. Kant). Nay lại sáng chói Thái Kim Lan với hai bản dịch giá trị : tập truyện ngắn của H. Hesse và vở kịch tiêu biểu *Der gute Mensch von Sezuan* của B. Brecht. Cần nhấn mạnh : đây là những ấn bản song ngữ (chỉ tiếc nguyên bản tiếng Đức và bản dịch tiếng Việt, vì lí do kĩ thuật, không được dàn trang đối diện nhau để tiện so sánh và học hỏi). Độc giả *Diễn Đàn* đã đọc những trang viết của Thái Kim Lan về Trịnh Công Sơn (số 111, tháng 10.2001) có thể hoàn toàn tin tưởng ở chất lượng văn học của hai bản dịch. Một thắc mắc nhỏ : Tứ Xuyên là một tỉnh lớn của Trung Quốc (đất Ba Thục đời Tam Quốc), vở kịch được Brecht cho xảy ra tại “ thủ phủ của Tứ Xuyên ” (*der Hauptstadt von Sezuan*) [tức là Thành Đô], và trước đó (tr. 272), ông cũng nói rõ “ tỉnh Tứ Xuyên ” (*Die Provinz Sezuan*) ; như vậy có nên để chữ “ thành ” trong tựa đề bản dịch không nhỉ ?

Rất mong từ sách song ngữ này sẽ tiếp tục mang lại cho độc giả Việt Nam những áng văn giá trị của văn học Đức (và rộng hơn, văn học Đức ngữ).

**» Nhiều tác giả, *KỶ YẾU Hội thảo Phát triển Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Tranh chấp Biển Đông*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, 434 tr.**

Mùa hè 1997, Manhattan, New York, tại nhà riêng của một Việt kiều chuyên gia Liên Hiệp Quốc, năm anh em Việt Nam, sống ở hai bờ Đại Tây Dương, tình cờ gặp nhau. Có người hàng năm về nước làm tư vấn hay giảng dạy, có người bị cầm cửa với số năm không thua Thuý Kiều. Nay ra một ý : tổ chức một hội thảo về những vấn đề Việt Nam, giữa những người Việt Nam (ngoài nước và trong nước) cùng quan tâm (nếu không nói là đam mê) tới những vấn đề đất nước trong tinh thần khoa học, nghĩa là khách quan, đi tìm sự thật và tôn trọng lẫn nhau. Tổ chức ở đâu ? Tốt nhất là ở Việt Nam, khi tinh thần tự do học thuật được tôn trọng, và khi vấn đề visa không còn đặt ra cho mọi người tham gia ; trong khi chờ đợi, thì luân phiên tổ chức ở Bắc Mỹ và châu Âu.

Một năm sau, hè 1998, Hội thảo “ Biển Đông ” được tổ chức tại Viện Courant, New York University (các bài tham luận được đăng trong tập *Kỷ yếu kể trên*). Tiếp theo là các cuộc hội thảo về định chế hoá và giáo dục (Liège, Bỉ, 1999), Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá / khía cạnh kinh tế (New York, 2000), khía cạnh văn hoá - xã hội (Trường đại học Provence, Aix-en-Provence 2001). Các bài tham luận ở hội

thảo 1999, 2000 và 2001 có thể xem trên mạng internet :

<http://www.wright.edu/~tdung/newyork00.htm>

<http://www.wright.edu/~tdung/liege99.htm>

<http://www.wright.edu/~tdung/Aix2001.htm>

Kí yếu của cuộc hội thảo lần thứ nhất (1998) đã được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành đầu năm 2001. Tuy mới dưới dạng “ tài liệu lưu hành nội bộ ” (có lẽ vì những lí do ngoại giao), đây dẫu sao cũng là một dấu hiệu tích cực đáng được ghi nhận.

**» Phạm Đỗ Chí & Trần Nam Bình** chủ biên, *Đánh thức CON RỒNG ngủ quên / Kinh tế Việt Nam vào thế kỷ 21*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, 604 tr.

Đây là một cuốn sách đáng trân trọng vì hoài bão của các tác giả, nội dung của các bài viết, và lai lịch hình thành tác phẩm. Trước hết nói về nguyên lai cuốn sách : hai tác giả chủ biên Phạm Đỗ Chí (*Quỹ tiền tệ quốc tế IMF*) và Trần Nam Bình (*Trường đại học New South Wales, Úc*) là hai nhà kinh tế, làm quen với nhau qua thư tín điện tử (*email*) và gặp nhau ở “ ước nguyện tuổi thơ ” là làm được “ cái gì cho Việt Nam ”. Và, vẫn qua *email*, hai anh đã liên lạc, đặt bài, biên tập, tổ chức dịch ra tiếng Việt những bài biết bằng tiếng Anh, cập nhật hoá các bài... Kết quả là 600 trang sách này với sự đóng góp của 24 chuyên gia (16 ở nước ngoài, 8 ở trong nước). Sách gồm 4 phần : các vấn đề của đổi mới ; bối cảnh quốc tế ; chính sách khu vực, cơ cấu và môi trường ; giảm nghèo đói.

**» Mai Chí Tho, *Hồi ức, Những mẩu chuyện đời tôi* (\*), *Theo bước chân lịch sử* (\*\*), Nxb Trẻ, 2001, 170 tr. và 244 tr.**

Đây là hai tập đầu trong 3 tập hồi ký của tác giả. Hai điều đã tạo ra một hình ảnh cố định về nhân vật Mai Chí Tho : ông hoạt động trong ngành công an từ những năm đầu kháng chiến ở Nam Bộ, ông là em trai út của ông Lê Đức Thọ. Điều ngạc nhiên thú vị khi đọc hai tập này trước hết là vì chính ông đã tự tay viết ra, như một “ *người thợ hớt tóc mới vào nghề, cắt xén mãi, đầu tròn hoá méo* ”. Sự thực, lúc đầu “ *biết trình độ viết văn không đủ sức đáp ứng yêu cầu, tôi đã mời một vài nhà văn đến giúp đỡ. Tuy nhiên chuyện tôi kể không đủ hấp dẫn, không tạo được hứng thú cho nhà văn nên anh em viết không được* ” (lời tựa tập đầu, tr.7). Thế lại đậm hay. Nhờ thế, ta được đọc một số trang trung thực và cảm động về đời sống tù đày ở Côn Đảo, về những năm kháng chiến ở Nam Bộ và những ngày đèn tối dưới thời Diệm-Nhu. Nếu ngòi bút bộc trực của tác giả được sử dụng thoải mái để kể lại những vụ án oan trái, và “ *kế hoạch vượt biên bán chính thức* ”, khởi ngòi cho sự hủ hoá nghiêm trọng ngày nay, thì người đọc chắc sẽ hiểu hơn thực chất tình hình Việt Nam.

**» Eugen Herrigel, *THIỀN trong nghệ thuật BẮN CUNG*, Nguyễn Tường Bách biên dịch, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, 96 tr.**

Như lời giới thiệu của Suzuki, nghệ thuật bắn cung ở Nhật, *cung đạo*, thực chất là nghệ thuật dưỡng tâm. “ *Môn cung đạo không phải được luyện tập để bắn trúng đích, mũi kiếm đưa ra không phải để hạ gục đối thủ (...) mà chủ yếu để ý thức hoà*

*đồng ăn nhịp với cái vô thức*”. Tác giả E. Herrigel là một nhà triết học Đức, sang Nhật học cung đạo là để hiểu Thiền. Và qua “*cuốn sách tuyệt diệu này*” (lời Suzuki), ông muốn đưa độc giả phương Tây, và ngày nay dịch giả Nguyễn Tường Bách đưa độc giả Việt ngữ, vào con đường kì diệu của Thiền học.

BOOK Larry Berman, *No Peace, no Honor*, The Free Press, New York Toronto London Sydney Singapore, 2001, 336 tr.

“Hoà bình” và “Danh dự” là hai danh từ mà Richard M. Nixon luôn luôn viện dẫn, coi đó là chính sách về Việt Nam trong suốt hơn một nhiệm kỳ tổng thống (1969-74). Thực chất, như mọi người đều biết, chính sách đó đã kéo dài chiến tranh thêm nhiều năm, mang theo tổn thất ghê gớm cho các bên, và đã kết thúc trong cảnh tượng không mấy may danh dự cho nước Mỹ. Ưu điểm lớn của cuốn sách này (tác giả là nhà sử học về chiến tranh Việt Nam, giám đốc Washington Center của Viện đại học California) là đã sử dụng được những tài liệu lưu trữ mới được phép tham khảo của Nhà trắng và Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, cũng như các tài liệu Việt Nam về cuộc đàm phán Lê Đức Thọ - Kissinger cũng như các tài liệu Trung Quốc và Liên Xô, vạch rõ tính chất *dối như cuối* (đối với mọi người : dư luận, Quốc hội Mỹ, đối phương, và đồng minh) của thầy trò Nixon & Kissinger.

BOOK Lee Kuan Yew, *From Third World to First, The Singapore Story : 1965-2000*, Harper Collins Publishers, New York, 2000, 730 tr. ; bản dịch tiếng Việt : *Hồi ký Lý Quang Diệu*, bản dịch của Phạm Viên Phương và Huỳnh Văn Thành, Nxb Văn Nghệ TP. HCM, 2001, 936 tr.

Đây không phải là cuốn hồi ký đầu tiên, nhưng chắc sẽ là cuốn hồi ký cuối cùng của ông Lý Quang Diệu. Chủ đề của hồi ký không còn là tuổi thơ và tuổi trẻ nữa, mà là giai đoạn ông làm thủ tướng (rồi “thái thượng hoàng”) Singapore, đưa “thành quốc” (city-state) từ thu nhập bình quân dưới 1 000 USD/năm lên gần 30 000 USD/năm. Giá trị chủ yếu của cuốn sách có lẽ ở phần thứ nhì (2/3 cuốn sách) dành cho quan hệ quốc tế, với những bức tranh mà họ Lý vẽ nên về các nước mà ông đi thăm và các nhân vật mà ông gặp. Lý vốn nổi tiếng về phong cách thẳng thừng. Lần này, ở tuổi gần đất xa trời, ông tiến thêm một bước là không còn dài hơi về những “giá trị châu Á” mà trong hơn mươi năm ông đã nói như thật và nhiều người cũng tưởng thật. Hơn nữa, những bài học ông rút ra một cách khá khách quan về quá khứ, những suy nghĩ rất khiêm tốn về tương lai càng làm tăng giá trị sự nghiệp của một nhà lãnh đạo quốc gia kiệt xuất ở châu Á.

Rất đáng hoan nghênh việc nhà xuất bản Văn Nghệ TP. HCM nhanh chóng công bố bản dịch. Tiếc thay, chương 19 nói về quan hệ với Việt Nam đã bị cắt đứt đi 3 trang đầu (từ tr 309 đến 312) liên quan tới giai đoạn 1975-1990, đặc biệt là chuyến đi không mấy suôn sẻ của thủ tướng Phạm Văn Đồng tháng 10-1978, cắt đứt một cách rất “vô tư” (độc giả không có nguyên tác không hề được thông báo ở chỗ đó hay ở bất cứ trang nào trong bản dịch, cứ yên chí đây là bản dịch đầy đủ). Phải chăng “vô tư” kiểu ấy là một “giá trị châu Á” mà người ta muốn học hỏi từ ông Lý ?

BOOK **Vũ Văn Kính & Khổng Đức, Ngũ Thiên Tự** (*trình bày Việt - Hán - Nôm*), Nxb Văn hoá Thông tin, tái bản lần thứ tư, 1999, 390 tr.

Giới thiệu tập thơ *Spring Essence* gồm những bài thơ được truyền tụng của Hồ Xuân Hương, in bằng chữ nôm, chữ quốc ngữ và bản dịch tiếng Anh của nhà thơ Hoa Kỳ John Balaban (xuất bản năm 2000 tại Mỹ, và từ đó đã bán hơn 15 000 bản, một kỉ lục về ấn bản thơ), chúng tôi đã viết sai đây là ấn bản đầu tiên với những chữ nôm chế bản bằng tin học. Nói là tại Mỹ thì đúng. Còn bản đầu tiên trên thế giới đã ra đời tại Nhật : đó là cuốn *Tự điển Chữ Nôm Việt Nam* của học giả Yonosuke Takeuchi (theo Vũ Văn Kính). Và ở Việt Nam có lẽ là cuốn *Ngũ thiên tự* mà tái bản lần thứ tư (chúng tôi có trong tay) in xong tháng 3-1999.

*Ngũ thiên tự* là cuốn sách học chữ Hán và chữ Nôm không rõ tác giả và xuất xứ (hai ấn bản khắc gỗ còn lưu trữ tại Hà Nội được in năm 1909 và 1929), được soạn theo thể thơ lục bát, mở đầu như sau :

*Thừa [Hán] nhân [Nôm] Nhàn vắng Hạ rồi  
Kiến trời Khôn đất Tài bồi trông vun...*

tổng cộng 5000 chữ Hán và 5000 chữ Nôm. Sách do hai nhà Hán-Nôm học Vũ Văn Kính và Khổng Đức biên soạn và chỉnh lí, chế bản chữ Nôm là công trình của Trần Tuấn Kiệt và Đinh Tân Vũ.

Mong rằng các bộ chữ Nôm đã hoàn thành bằng tin học và mạng internet sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn, học tập và phổ biến chữ Nôm và các văn bản chữ Nôm còn lưu trữ ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

BOOK **Mạc Ngôn, Báu vật của đời**, dịch từ nguyên tác Hán Văn *Phong nhũ phi độn*, Công ty Văn hóa Phương Nam phát hành, 2001, đọc trên địa chỉ internet

<http://www.tiasang.de/truyenca/bvod>

Mạc Ngôn (Mo Yan) là bút hiệu của Quản Mạc Nghiệp (sinh năm 1955 tại Quảng Đông), tác giả tiểu thuyết *Cao lương đỏ* (mà Trương Nghệ Mưu đã thực hiện thành cuốn phim nổi tiếng), và nhiều tác phẩm giá trị đã được dịch ra tiếng Pháp (*Le clan du sorgho*, Actes Sud 1990 ; *Le radis de cristal*, Actes Sud 1993 ; *Les treize pas*, Seuil 1995 ; *Le pays de l'alcool*, Seuil 2000). *Báu vật của đời* là bản dịch (không rõ tên tác giả) từ nguyên tác *Phong nhũ phi độn* (Vú to mông nẩy). Dằng sau cái tên hấp dẫn này (độc giả “tưởng bở” sẽ thất vọng) là một hiện tượng văn học mà nội dung cũng như văn phong khiến ta liên tưởng tới *Không có vua* của Nguyễn Huy Thiệp. Có 5 chương, đây là một truyện ngắn (hay vừa) rất lạ, phác thảo cuộc sống ở một thị trấn nhỏ ở Trung Quốc cách đây 60 năm (thời Nhật chiếm đóng), nhưng thực ra nó vượt qua tính thời gian để dẫn đưa người đọc suy nghĩ những vấn đề muôn thuở của xã hội phương đông.

Sách này khó tìm mua, càng nên hoan nghênh báo Tia Sáng (Đức) đã có sáng kiến đưa tác phẩm này lên mạng internet (xem địa chỉ ở trên). Cũng trên địa chỉ này, độc giả có thể tìm đọc hai tiểu thuyết *Cơ hội của Chúa* (Nguyễn Việt Hà) và *Đêm Thánh nhân* (Nguyễn Đình Chính).

**Kiến Văn**

# BOUDA

Bouda là cái tên tắt mà giới Việt học năm châu cũng như những bạn bè Việt Nam vẫn quen dùng để gọi Georges Boudarel, nhà sử học, nguyên giảng sư Trường đại học Denis Diderot (Paris 7). Gọi tắt cho dễ nhớ, nhưng trong trường hợp này, không phải chỉ có vậy. Bouda (*bu-da*) nghe âm hao như Bouddha (tiếng Pháp nghĩa là Phật). Bạn bè mỗi lần nói tới Bouda, thường mỉm cười, nhớ tới con người chân thực, hiền lành mà cuộc đời là cả một nỗi đam mê : đam mê Việt Nam.

Tháng 12 này, Bouda sẽ vừa đúng 75 tuổi. Chưa ai có thời giờ và điều kiện làm một thư mục hoàn chỉnh các công trình nghiên cứu, trước tác và biên dịch của G. Boudarel, nhưng chỉ thoáng nhìn danh mục sơ lược, người ta cũng thấy sự đa dạng của sự nghiệp, phản ánh sự tò mò và ham mê “vô độ” của Bouda đối với bất cứ cái gì liên quan tới Việt Nam. *Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Giáp, Việc làng, chế độ ruộng đất qua các thời đại, Chí Phèo, Đề Mèn phiêu lưu ký, Cải cách ruộng đất, hội làng, Vụ án Nhân văn Giai phẩm, những tabu cấm kỵ, nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt, tự do tính dục ở làng xã Việt cổ truyền...* Sự ham mê của con người ấy còn thể hiện rõ rệt trong tủ sách và kho tư liệu đồ sộ mà ông đã tích luỹ từ hơn bốn chục năm nay, một gia sản quý báu mà trong giới Việt Nam học, ai cũng mong sẽ được bảo tồn và quản lý tốt để một ngày kia, những người nghiên cứu về Việt Nam có thể tham khảo trong một thư viện công cộng.

Bình thường, đây là dịp để giới đồng nghiệp và bạn bè họp mặt mừng thọ Bouda, và có ý nghĩa hơn, xuất bản một tập sách vinh danh một cuộc đời tận tụy nghiên cứu.

Song cố nhiên, số phận của Bouda không bình thường. Hôm qua, tới thăm ông, tôi đưa : anh ra đời dưới một ngôi sao xấu, căc cớ gì mà anh sinh cùng ngày cùng tháng với.. Stalin!

Bouda sẽ “mừng” sinh nhật thứ 75 của mình tại một nhà dưỡng lão ở ngoại ô phía bắc Paris, không xa lâm cận hộ đầy ứ sách báo, tư liệu, mà từ hơn ba năm rưỡi nay, ông không được ngày nào nhìn thấy, tra tìm... Sau một lần mở và hai con tai biến mạch máu não, ông đã phải nằm bệnh viện hơn hai năm, và từ mùa thu năm 2000, phải thường trú nhà dưỡng lão. Điều kiện vật chất không có gì đáng nói, cũng như sự tận tụy của nhân viên phục dưỡng, song rõ ràng đây không phải là nơi lý tưởng cho một con người của sách vở, đầu óc còn minh mẫn, sự tò mò còn nguyên khôi, nhưng ăn nói khó khăn, đi đứng không được.

Không thể nói tuỳ tiện rằng Bouda lâm bệnh vì “vụ án Boudarel” do phái cực hữu Pháp gây ra cách đây 10 năm, với sự a tòng của phần lớn phái hữu. Song có thể nói chắc : suốt mấy năm liên tiếp phải đương đầu với những đợt vu khống, mạ lị được các phương tiện media truyền thông khuếch âm ầm ĩ, đấu tranh qua các vụ kiện (kể cả khiếu kiện với Bộ giáo dục về số năm làm việc để tính tiền hưu bổng), phải sống liên tục trong bầu không khí căng thẳng (chung cư nơi ông ở nhiều lần bị vỡ khâu hiệu mạ lị, có lần bị bắn nhiều viên đạn), sức khoẻ

của G. Boudarel đã suy giảm trông thấy. Đáng buồn hơn nữa, ông bị tổn thương tinh thần khi thấy trong những người phái tả, một thời cực tả, sẵn sàng “chống đế quốc Mĩ tới người Việt Nam cuối cùng”, có người đã quay ngược 180 độ, coi Bouda như là “đồ tể” của trại tù binh 113 ở chiến khu Việt Bắc. Và trong khi đó, ở Việt Nam, bạn kháng chiến của Bouda viết bài bênh vực, báo *Lao Động* đăng được một kí thi ngưng, vì có lệnh điện thoại của tổng bí thư Nguyễn Văn Linh (“*Y ta đang viết sách nói xấu ta, choáng kiếp!*”). “Y ta” không phải là người xa lạ với ông Mười Cúc : năm 1948, khi giáo sư triết học trường Marie Curie Sài Gòn G. Boudarel chống cuộc chiến tranh “bẩn thỉu” bằng cách ra bưng tham gia kháng chiến, ông đã gặp tổng bí thư tương lai.

Làm việc tại Cục địch vận và Ban Pháp ngữ Đài phát thanh Nam Bộ kháng chiến, rồi di bộ từ chiến khu Đ dọc miền Trung qua Thanh Hoá, lên Việt Bắc, làm phụ tá cho trại trưởng trại tù binh 113. Công việc, về nguyên tắc, đơn giản thôi : giải thích cho binh sĩ Pháp thực chất cuộc chiến tranh thực dân, và khuyên họ ký kiến nghị đòi hoà bình. Trên thực tế, phức tạp hơn : sương lam chướng khí, không thuốc men, ăn uống thiếu thốn (mặc dầu khẩu phần tù binh Pháp cao hơn khẩu phần bộ đội), tỉ lệ tử vong rất cao. Về mặt tinh thần, trong binh sĩ Pháp, không thiếu người đâu óc còn mê muội (và kiêu căng), và nội bộ tù binh bị xâu xé trong những mâu thuẫn triền miên : người “thoả hiệp” ít thì trách người “thoả hiệp” nhiều, lên án họ là “đầu hàng”... Những ân oán giang hồ ấy tích tụ, chồng chất ba bốn chục năm trời trong hàng ngũ các “hội cựu tù binh ở Đông Dương”. Đến tháng 2.1991, chiến tranh vùng Vịnh bùng nổ trên hoang tàn của chiến tranh lạnh, họ tìm ra bung xung lí tưởng : Georges Boudarel. Người ta đoàn kết lại trên lưng một con người không có “tội” gì khác hơn là muốn việc làm và lời nói đi đôi với nhau, phù hợp với lý tưởng tự do, công bằng. Chàng trai trẻ vùng Trung Pháp, xuất thân từ tiểu chủng viện, đang hăng say với lý tưởng thế giới đại đồng, có thể đã quá hăng say và đơn giản trong những cuộc đấu lý với mấy đồng bào ương ngạnh, nhưng chứng từ của những tù binh Pháp thực sự đã ở trại 113 đều nhất trí : không bao giờ Boudarel đối xử tệ với họ (có người đã trở thành bạn của ông). Điều mỉa mai là tiếp tục sự gắn bó với Việt Nam, sau bao nhiêu năm hết mình ủng hộ Việt Nam giành độc lập và thống nhất, Bouda lại tận tụy ủng hộ những tiếng nói chủ trương dân chủ hoá đời sống chính trị Việt Nam.



## Tìm đọc **hợp lưu** tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA  
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng  
của trong nước và ngoài nước*
- ♦ *nơi gấp gối những tấm lòng tha thiết  
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện  
15 place Souham, F-75013 PARIS  
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Điều đó ông cựu bộ trưởng J. Beucler không cần biết. Cũng như những năm làm bộ trưởng, ông không hề đấu tranh để đồng đội được hưởng quy chế cựu tù binh (phải đợi đến khi đảng xã hội Pháp lên cầm quyền, quy chế này mới được áp dụng). Boudarel trở thành vật tế thần thuận tiện để ông xí xoá chuyện cũ. Từ nay, trên hoang tàn của Liên Xô, những người lính của đạo quân thực dân thất trận năm xưa nghiêm nhiên trở thành những “chiến sĩ của tự do” (họ chia sẻ danh giá ấy với các chiến sĩ “Hồi giáo” của Usama bin Laden được CIA vũ trang và tài trợ bằng buôn ma tuý). Đó cũng là chuyện dễ hiểu, đời là thế. Khó hiểu hơn một chút là sự tê liệt và á khẩu của đa phần phái tả Pháp trong những ngày Bouda hâu như phải đơn phương độc mã chống trả cái mà chính một chính khách phái hữu (ông F. Léotard) đã gọi rất đúng là “lynchage médiatique” (xử tử hội đồng bằng tivi).

Hầu như đơn độc thôi, vì may thay, suốt mười năm dài, bên cạnh Bouda đã thành hình một uỷ ban ủng hộ, mà ở hàng đầu phải kể tới hai nhà toán học, bạn chí cốt của Việt Nam, bà Hélène và ông Laurent Schwartz (L. Schwartz, cha đẻ của thuyết phân bố / théorie des distributions, giải thưởng Fields, thành viên Viện hàn lâm khoa học Pháp, người đã thành lập các Uỷ ban Việt Nam thập niên 1960). Cùng với hai người bạn già kiên trung, là một nhóm bạn âm thầm, thường xuyên tới bệnh viện rồi nhà dưỡng lão... , người có thời giờ thì giúp giấy tờ (một mó bong bong), người ít thời giờ thì trò chuyện giải khuây, nhiều người không biết nhau mà chỉ tình cờ nghe thấy nói tới tên...

Cho đến một ngày mới đây, hội *Les Amis de Bouda* được thành lập (1), họ mới gặp nhau. Để tìm cách thực hiện một mục đích khiêm tốn : có mặt bên cạnh một con người đáng quý, tìm cách giúp ông giải quyết những rối rắm giấy tờ hành chính, tài chính, để Bouda ổn định cuộc sống, và trong chừng mực có thể, hoàn thành một số công trình nghiên cứu mà ông đã bắt đầu trước ngày lâm bệnh (2). Có lẽ đó là món quà thiết thực mà những người bạn quen và chưa quen có thể gửi tới Bouda nhân ngày sinh thứ 75 của ông (3).

20.12.2001

N. N. G.

(1) *Les Amis de Bouda*, Association Loi 1901 (Journal Officiel, 18 août 2001), 76 rue Charlot, 75003 PARIS, Email : boudarel@wanadoo.fr

Một ban trị sự của hội đã được thành lập, gồm Laurent Schwartz (chủ tịch danh dự), Jeanine Gillon (chủ tịch), Catherine Derivery (tổng thư kí), Heinrich Schütte (thủ quỹ), Christopher Goscha, Nguyễn Giao, Jean-Claude Serex.

Ghi tên vào hội : gửi về địa chỉ trên, cùng với niêm liêm 100F (hội viên) hay 500F (hội viên ân nhân).

Bạn bè ở xa (quen hay chưa quen) có thể viết thư thăm hỏi qua địa chỉ bưu điện hay địa chỉ điện tử ở trên.

(2) Đầu năm nay, *Tap chí Nghiên cứu Việt Nam (Etudes Vietnamnaises*, số 1-2001) đã ra số đặc biệt đăng những bài viết của G. Boudarel về *Tabous et autres coutumes du Viet-nam*.

(3) Vừa qua, Hội đồng Nhà nước (Toà án hành chính tối cao) đã xử thắng cho Bouda trong vụ khiếu kiện Bộ giáo dục về hưu bổng. Lương hưu của ông từ nay đủ để trang trải chi phí ở nhà dưỡng lão và những chi tiêu bình thường khác.

## Thư Bùi Ngọc Tân (tiếp theo trang 9)

cảnh cho tôi, có đoạn viết : “Việc tác giả Bùi Ngọc Tân tham gia đoàn nhà văn đi công tác nước ngoài có thể góp phần xua tan dư luận phuong Tây vẫn cho rằng : tác giả hiện vẫn bị phản biện đối xử và bị ngược đãi về chính trị.”

Rõ ràng tôi đi Trung Quốc vì cái chung chung không phải tôi đòi hỏi một sự đèn bù nào đó cho mình. Hắn ông cũng biết năm 1998, tôi đã không nhận lời mời của một tổ chức nhà văn quốc tế mời tôi sang châu Âu hoặc châu Mỹ nghỉ một năm. Tôi luôn nghĩ rằng đối với một nhà văn, điều quan trọng nhất không phải là một chuyến đi ra nước ngoài.

Trong chuyến đi thăm Trung Quốc vừa qua mà ông làm trưởng đoàn, thu hoạch sâu sắc nhất của tôi là về trường hợp ông Trương Hiền Lượng, nhà văn Trung Quốc<sup>(1)</sup>. Ông Trương Hiền Lượng bị tù oan 20 năm. Ông đã được sửa sai. Ông chuyên viết về nhà tù, thuật lại trung thực những gì ông đã trải. Tới nay ông đã viết và in cả chục tập sách. Nước ta đã dịch in 3 tập của ông và sẽ in 9 tập của ông. Ông được coi là một trong những nhà văn hàng đầu của Trung Quốc, “một nhà văn của bốn bức tường, nghĩa là nhà văn của nhà tù.” Sách của ông được nhiều nước phương Tây dịch. Ông chưa bao giờ bị phương Tây nêu tên như một tồn tại vê nhân quyền.

Tôi khao khát số phận đó của Trương Hiền Lượng và hy vọng rằng chuyến tôi đi thăm và làm việc tại Trung Quốc vừa qua là mở đầu cho một giai đoạn mới của đời tôi.

Tôi xin gửi kèm theo đây xác nhận của công an Hải Phòng về việc bắt tôi tù 5 năm để ông thấy rằng tôi hoàn toàn vô tội, và bản sao bức thư tôi đã gửi ông hồi tháng 7 trả lời ông về việc tôi nhận giải thưởng của HRW.

Trân trọng,

(ký tên)

(Bùi Ngọc Tân)

Nơi gửi:

- Như trên

- Các ông : Nguyễn Trí Huân, Đỗ Kim Cuông, Vũ Thiệu Loan, Hồ Anh Tuấn, Nguyễn Việt Lâm, Đinh Kính (để biết)

(1) Tác giả “Một nửa đàn ông là đàn bà”. Tác phẩm này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt, và xuất bản trong nước (chú thích của Diễn Đàm)

## Diễn Đàm forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ \* Imprimé par nos soins  
Dépôt Légal : 178/91 \* Commission Paritaire : AS 73 324 \* Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)